

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

**ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG
MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

Cán bộ biên soạn: TRƯƠNG THỊ THU HẠNH

HÀ NỘI - 2009

MỤC LỤC

		<i>Trang</i>
Chương mở đầu	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng HỒ Chí Minh	
Chương I	Cơ sở quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HỒ Chí Minh	
Chương II	Tư tưởng HỒ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	
Chương III	Tư tưởng HỒ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	
Chương IV	Tư tưởng HỒ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt nam	
Chương V	Tư tưởng HỒ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	
Chương VI	Tư tưởng HỒ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân	
Chương VII	Tư tưởng HỒ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới	

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(2 tiết)

HỒ CHÍ MINH VÀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Vài nét về sự nghiệp của Hồ Chí Minh

Đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam

- Hồ Chí Minh người lựa chọn con đường cách mạng cho dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX, đó là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Hồ Chí Minh là người sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta trưởng thành, phát triển.

- Hồ Chí Minh là người lãnh đạo cách mạng Tháng Tám thành công, sáng lập ra nước Việt Nam mới – Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Hồ Chí Minh là người lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp thành công, đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội; lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ giành những thắng lợi to lớn, đặt nền tảng cho sự nghiệp thống nhất đất nước Việt Nam.

- Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ thiên tài của Đảng và của dân tộc Việt Nam. Cuộc đời, sự nghiệp của Người là một tấm gương sáng vì dân, vì nước.

Di sản tinh thần, tư tưởng mà Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc ta, được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6-1991) nhận định là: “tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của dân tộc Việt Nam”, đồng thời khẳng định Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001) tiếp tục chỉ rõ: “Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta”¹.

Ngày 27-3-2003, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị “Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới”, với mục đích, yêu cầu: “Làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc nguồn gốc, nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định chủ nghĩa

¹ Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB Chính trị Quốc gia, HN, 2001, tr.84

Mác-Lênin, tư tưởng HỒ Chí Minh; làm cho tư tưởng HỒ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần, tư tưởng của xã hội ta...”¹.

Đối với thế giới,

HỒ Chí Minh được công nhận là anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. Đánh giá về HỒ Chí Minh, Nghị quyết 24c/18.65 của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization - UNESCO) khoá 24 (1987) viết: “HỒ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch HỒ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống văn hoá hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”².

Như vậy, thế giới đã thừa nhận HỒ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam mà còn là một vĩ nhân có đóng góp to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức; xây dựng và phát triển nền văn hoá thế giới.

Vấn đề đặt ra là, nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh không chỉ nhằm làm rõ cơ sở hình thành, nội dung của tư tưởng HỒ Chí Minh mà quan trọng hơn là từ kết quả nghiên cứu sẽ góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam, cả về nhận thức tư tưởng - chính trị đến hành động trong toàn Đảng, toàn dân.

2. Tình hình nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh

Lịch sử nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh cho đến nay, có thể chia làm hai thời kỳ như sau:

Thời kỳ thứ nhất (1945 - 1990)

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, xuất phát từ tình cảm đối với lãnh tụ kính yêu và nhu cầu học tập rèn luyện theo gương Bác HỒ vĩ đại, đã có một số ấn phẩm viết về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức, tác phong HỒ Chí Minh. Tuy vậy, những nghiên cứu này chưa mang tính hệ thống, toàn diện và chuyên sâu.

¹ Báo Nhân dân, thứ 6 ngày 4/4/2003, tr1

² Trích theo, Nguyễn Duy Niên: Tư tưởng ngoại giao HỒ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia, H.2002

Thời kỳ thứ hai (từ 1991 đến nay), có nhiều chương trình khoa học, đề tài khoa học nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực được triển khai thực hiện; nhiều công trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh được công bố. Đặc biệt ngay từ năm 1992, Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước “Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh”, mã số KX.02 bao gồm 13 đề tài, đã được triển khai.

Giai đoạn 1996-2000, có ba đề tài nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc các chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước như:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam, đặc biệt về chủ nghĩa xã hội và quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (KHXX. 01.03)

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hoá và xây dựng con người (KHXX.04.01)

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền (KHXX.05.01).

Và, nhiều ấn phẩm khoa học nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực: tư tưởng Hồ Chí Minh về con người; tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hoá Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao; tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về quân sự... được công bố.

Các kết quả nghiên cứu đã góp phần làm rõ: khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh; nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Các kết quả nghiên cứu trong thời gian qua, đã góp phần tư vấn cho công tác tư tưởng, lý luận của Đảng và Nhà nước, đồng thời được đưa vào Giáo trình quốc gia về Tư tưởng Hồ Chí Minh (xuất bản năm 2003) và nhiều tập bài giảng môn Tư tưởng Hồ Chí Minh của các nhà trường, học viện.

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Khái niệm tư tưởng

- Tư tưởng là suy nghĩ, ý nghĩ,

- Tư tưởng có nghĩa là hệ thống các quan điểm, quan niệm, luận điểm được xây dựng trên nền tảng thế giới quan, phương pháp luận nhất quán, đại biểu cho ý chí nguyện vọng của 1 giai cấp, 1 dân tộc được hình thành trên cơ sở thực tiễn nhất định và trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực

b Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Cho đến nay đã có nhiều định nghĩa tư tưởng HỒ Chí Minh được nêu ra và mặc dù giữa chúng vẫn còn một số điểm khác biệt, nhưng nhìn chung các định nghĩa đều đã thể hiện được những nội dung bản chất của tư tưởng HỒ Chí Minh:

Tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ 7 lần đầu tiên đưa ra định nghĩa tư tưởng HCM: ***Tư tưởng HỒ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta và trong thực tế tư tưởng HỒ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của đảng và của dân tộc.***

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4/2001) có đoạn nói về tư tưởng HỒ Chí Minh như sau: ***“Tư tưởng HỒ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển những giá trị tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc...”***

Tư tưởng HỒ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta”¹.

Định nghĩa trên đã làm rõ được:

- Bản chất cách mạng và khoa học của tư tưởng HỒ Chí minh
- Nguồn gốc tư tưởng – lý luận của tư tưởng HỒ Chí minh
- Nội dung cơ bản nhất của tư tưởng HỒ Chí minh
- Giá trị, ý nghĩa sức hấp dẫn, sức sống của tư tưởng HỒ Chí minh

Trên cơ sở định hướng của Văn kiện Đại hội IX các nhà khoa học đã đưa ra định nghĩa về Tư tưởng HỒ Chí Minh:

“Tư tưởng HỒ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam từ cách mạng dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, đồng thời là sự

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB Chính trị Quốc gia, H. 2001, tr.83

kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người".

Dù định nghĩa như thế nào thì tư tưởng Hồ Chí Minh đều được nhìn nhận là hệ thống lý luận. Như vậy tư tưởng Hồ Chí Minh được nhìn nhận ở 2 phương diện: là một hệ thống tri thức tổng hợp gồm tư tưởng triết học, kinh tế, chính trị, văn hóa đạo đức, nhân văn và là hệ thống các quan điểm về cách mạng Việt Nam như vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc, CNXH và con đường đi lên CNXH....

Nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh là những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam (cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa). Các vấn đề trên mang tính hệ thống, toàn diện, sâu sắc và chúng được xây dựng trên cơ sở thế giới quan mácxít: phản ánh và đấu tranh bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, dân tộc Việt Nam nói riêng, của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức trên thế giới nói chung.

2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Đối tượng nghiên cứu

Để làm rõ hơn đối tượng nghiên cứu của bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh, cần thiết phải làm rõ mối quan hệ giữa đối tượng của bộ môn này với các môn học có liên quan khác như: lịch sử dân tộc Việt Nam; lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; các môn lý luận Mác-Lênin (triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học). Cụ thể là:

- Trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc Việt Nam, cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh gắn liền với cuộc đấu tranh nhằm thực hiện khát vọng độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh với dân tộc Việt Nam là chặt chẽ và biện chứng. Điều văn của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đọc trong buổi lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969) viết: “dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”. Hồ Chí Minh là một con người Việt Nam, sự nghiệp của Người đã làm rạng rỡ cho dân tộc ta và đã mở ra trong tiến trình lịch sử Việt Nam một thời đại mang tên Người đó là: **thời đại Hồ Chí Minh**. Như vậy, tư tưởng Hồ chí Minh là một bộ phận của lịch sử tư tưởng cách mạng Việt Nam.

- HỒ Chí Minh là người sáng lập và là lãnh tụ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong môn lịch sử Đảng, HỒ Chí Minh được giới thiệu, nghiên cứu chủ yếu dưới góc độ một người Cộng sản đầu tiên, lãnh tụ của Đảng Cộng sản Việt Nam- Người vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn cho dân tộc và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam theo mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Như vậy, trong quan hệ với bộ môn lịch sử Đảng, tư tưởng HỒ Chí Minh là một bộ phận tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng với tư cách là bộ phận nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

- Chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng HỒ Chí Minh. HỒ Chí Minh là người trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, dẫn dắt cách mạng đi tới những thắng lợi to lớn. Cuộc đời, sự nghiệp của HỒ Chí Minh và sự nghiệp của Đảng ta, của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Người đã góp phần phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác-Lênin.

Tư tưởng HỒ Chí Minh thuộc hệ tư tưởng cách mạng vô sản - hệ tư tưởng Mác-Lênin. Vì vậy, giữa môn tư tưởng HỒ Chí Minh với các môn lý luận Mác-Lênin có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng. Muốn nghiên cứu tốt và học tập tốt tư tưởng HỒ Chí Minh cần phải nắm vững kiến thức về chủ nghĩa Mác-Lênin.

Như vậy đối tượng nghiên cứu của tư tưởng HỒ Chí Minh.

Bao gồm hệ thống quan điểm, quan niệm, lý luận về cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của thời đại mới mà cốt lõi là tư tưởng độc lập, tự do của dân tộc, dân chủ và CNXH; về mối quan hệ biện chứng trong sự tác động qua lại của tư tưởng độc lập tự do, dân chủ, XHCN với tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

b. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Cơ sở khách quan và chủ quan hình thành tư tưởng HỒ Chí Minh

Tư tưởng HỒ Chí Minh không phải là sản phẩm chủ quan, phản ánh tâm lý, nguyện vọng của nhân dân Việt Nam đối với lãnh tụ kính yêu của mình, mà là sản phẩm tất yếu của cách mạng Việt Nam ra đời do yêu cầu khách quan, đồng thời có nguồn gốc thực tiễn và lý luận của nó. Đó là:

- + Truyền thống gia đình, quê hương và dân tộc.
- + Yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX.
- + Điều kiện thời đại; cách mạng thế giới; chủ nghĩa Mác - Lênin; cách mạng tháng Mười Nga; tinh hoa văn hoá Đông, Tây.

- Các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng HỒ Chí minh

Tư tưởng HỒ Chí Minh không thể hình thành ngay một lúc, mà trải qua quá trình tìm tòi, xác lập, phát triển và hoàn thiện, gắn liền với quá trình cách mạng Việt Nam và thời đại.

+ Trước 1911

+ Từ 1911 – 1920

+ Từ 1921 – 1930

+ Từ 1930 – 1945

+ 1945 - 1969

- Nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong toàn bộ hệ thống tư tưởng HỒ Chí minh

+ Tư tưởng HỒ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.

+ Tư tưởng HỒ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

+ Tư tưởng HỒ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

+ Tư tưởng HỒ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế

+ Tư tưởng HỒ Chí minh về dẫn chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.

+ Tư tưởng HỒ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới

- Vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng HỒ Chí minh đối với cách mạng Việt nam.

-

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở phương pháp luận

Phương pháp hiểu theo nghĩa chung nhất là phương hướng và biện pháp để đạt tới mục đích; là con đường, cách thức để nhận thức thực tại khách quan thông qua tìm hiểu, nghiên cứu sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

Nghiên cứu, học tập bộ môn tư tưởng HỒ Chí Minh phải trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học chủ nghĩa Mác-Lênin và các quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận của HỒ Chí Minh. Trong đó, triết học Mác-Lênin với tư

cách là phương pháp luận chung của các ngành khoa học cần phải được quán triệt trong nghiên cứu bộ môn này.

Tuy nhiên, giữa phương pháp nghiên cứu và nội dung nghiên cứu có mối quan hệ biện chứng “Phương pháp phải trên cơ sở sự vận động của bản thân nội dung”. Vì vậy, ngoài phương pháp luận chung đã nêu trên, với mỗi nội dung cụ thể cần phải vận dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp. Trong đó, việc vận dụng phương pháp lịch sử (nghiên cứu sự vật và hiện tượng theo trình tự thời gian, quá trình diễn biến đi từ phát sinh, phát triển đến hệ quả của nó) và phương pháp lôgic (nghiên cứu một cách tổng quát nhằm tìm ra được cái bản chất của sự vật, hiện tượng và khái quát thành lý luận) là hết sức cần thiết trong nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngoài ra cần phải kết hợp vận dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu phù hợp với yêu cầu từng nội dung nghiên cứu.

Một số nguyên tắc phương pháp luận trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Bảo đảm tính Đảng và tính khoa học.* Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh phải trên lập trường, quan điểm, phương pháp luận chủ nghĩa Mác-Lênin và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; bảo đảm tính khách quan khi phân tích, lý giải và đánh giá tư tưởng Hồ Chí Minh, tránh việc áp đặt, cường điệu hoá hoặc hiện đại hoá tư tưởng của Người. Tính đảng và tính khoa học thống nhất với nhau trong sự phản ánh trung thực, khách quan tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở lập trường và phương pháp luận nghiên cứu đúng đắn.

- *Quan điểm thực tiễn và nguyên tắc lý luận gắn với thực tiễn.* Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng: thực tiễn là nguồn gốc, là động lực của nhận thức, là cơ sở, là tiêu chuẩn của chân lý. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh rất coi trọng tổng kết thực tiễn, coi đây là biện pháp không chỉ nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn, mà còn là điều kiện để nâng cao trình độ lý luận. Đồng thời, Người cũng đặc biệt coi trọng việc “kết hợp lý luận với thực tiễn”, “lời nói đi đôi với việc làm”, Người nói: “Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”. Hồ Chí Minh là người vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn Việt Nam, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, lãnh đạo nhân dân ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thách thức, giành được những thắng lợi vẻ vang.

Nghiên cứu, học tập tư tưởng HỒ Chí Minh cần phải trên quan điểm “lý luận gắn với thực tiễn” “học đi đôi với hành”, phải biết vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tiễn, phục vụ cho đời sống cách mạng của đất nước.

- *Quan điểm toàn diện và hệ thống.* Sinh thời, khi xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng, con người, xã hội hay thời đại, HỒ Chí Minh luôn luôn phân tích một cách toàn diện, với cái nhìn toàn cục, tránh chủ quan, cục bộ, tránh nhận thức phiến diện, mơ hồ.

Tư tưởng HỒ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, nghiên cứu, học tập tư tưởng HỒ Chí Minh, cần nắm vững và đầy đủ hệ thống các quan điểm của Người trên tất cả các lĩnh vực. Nếu “tách rời một yếu tố nào đó ra khỏi hệ thống sẽ hiểu sai tư tưởng HỒ Chí Minh. Tách rời độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội là xa rời tư tưởng HỒ Chí Minh”¹

- *Quan điểm kế thừa và phát triển.* HỒ Chí Minh là một mẫu mực về sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Người đã kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trên nhiều lĩnh vực. Nghiên cứu, học tập tư tưởng HỒ Chí Minh, đòi hỏi chúng ta không chỉ biết kế thừa, vận dụng mà còn phải biết phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong điều kiện mới, trong bối cảnh cụ thể của đất nước và quốc tế.

5. Nguồn tài liệu phục vụ nghiên cứu, học tập tư tưởng HỒ Chí Minh

5.1. Nguồn tài liệu gốc.

- Bộ HỒ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Bộ HỒ Chí Minh Biên niên tiểu sử.
- Các Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam viết về HỒ Chí Minh.
- Tác phẩm, bài viết của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước có nội dung về tư tưởng HỒ Chí Minh.

- Giáo trình Tư tưởng HỒ Chí Minh của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng HỒ Chí Minh do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

5.2. Các tài liệu tham khảo khác

¹ Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình Quốc gia... Giáo trình Tư tưởng HỒ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia, H. 2003, Tr.473

- Các chương trình khoa học công nghệ, các đề tài khoa học cấp nhà nước về tư tưởng Hồ Chí Minh đã được nghiệm thu.

- Các sách chuyên khảo, các bài viết về tư tưởng Hồ Chí Minh của các tác giả trong và ngoài nước do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.

Điều cần lưu ý là, vì nguồn tài liệu về tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú, đa dạng, nên khi sử dụng cần phải thận trọng trong khâu sàng lọc, xử lý tư liệu.

III. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thông qua học tập, nghiên cứu, để bồi dưỡng, củng cố lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

2. Trên cơ sở kiến thức đã được học có vận dụng vào cuộc sống, để rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng mà lãnh tụ Hồ Chí Minh, Đảng ta và dân tộc ta đã lựa chọn.

Nội dung ôn tập:

1. *Nêu và phân tích định nghĩa “Tư tưởng Hồ Chí Minh”.*
2. *Tại sao Đảng ta khẳng định: Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và dân tộc ta.*
3. *Nêu ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh đối với bản thân.*

BÀI 2

NGUỒN GỐC, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(04: 03-01tiết)

I. NGUỒN GỐC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.

1. Bối cảnh ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Bối cảnh thời đại.

- Từ nửa cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã phát triển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và xác lập được sự thống trị của chúng trên phạm vi thế giới.

Các mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của chủ nghĩa tư bản không ngừng gia tăng mức độ đối kháng:

Mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản trong xã hội tư bản.

Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân.

Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau.

Trong đó, nổi bật là mâu thuẫn giữa hệ thống các nước đế quốc với hệ thống các dân tộc thuộc địa. Biểu hiện cụ thể của mâu thuẫn này là phong trào đấu tranh ngày càng mạnh mẽ của nhân dân lao động các nước thuộc địa chống lại sự chiếm đóng và ách áp bức bóc lột của các nước đế quốc.

Trong điều kiện lịch sử đó, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của mỗi nước nếu chỉ tiến hành riêng rẽ thì không thể nào giành được thắng lợi mà phải liên minh, đoàn kết giữa các dân tộc thuộc địa với nhau và với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở các nước đế quốc.

- Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 mở ra thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới.

- Sự ra đời của Quốc tế III với việc khắc phục được tư tưởng hữu khuynh, cơ hội, xét lại của Quốc tế II đã hướng phong trào vô sản theo tinh thần cách mạng triệt để theo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác.

Đặc biệt Quốc tế III đã đề cập đến tình hình thuộc địa và vạch ra con đường để giải quyết, thúc đẩy phong trào giải phóng của các dân tộc thuộc địa theo cách mạng vô sản (*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc*

địa của V.I.Lênin đã giải đáp được vấn đề con đường cứu nước, giải phóng dân tộc thuộc địa khỏi ách nô lệ).

b. Bối cảnh trong nước.

*** Xã hội Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.**

- Trước 1858, Việt Nam là một quốc gia phong kiến độc lập. Song triều đình nhà Nguyễn thi hành chính sách bảo thủ, phản động: tăng cường đàn áp, bóc lột trong nước, cự tuyệt mọi đề án cải cách; bế quan toả cảng đối với bên ngoài... nên đã không mở ra được khả năng cho Việt Nam tiếp xúc và bắt nhịp với sự phát triển của thế giới. Vì vậy, không phát huy được thế mạnh của đất nước và dân tộc (về địa lý, chính trị, tài nguyên, con người).

Trước sự xâm lược của thực dân Pháp nhà Nguyễn một mặt đã bạc nhược, nhân nhượng, cầu hoà, đầu hàng Pháp; mặt khác, trước phong trào kháng chiến chống giặc mạnh mẽ của nhân dân, triều đình tỏ ra lo sợ nhân dân. Điều này đưa đến cuộc đấu tranh của nhân dân lâm vào hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, phải cùng một lúc chống “cả Triều lẫn Tây”.

- Sau khi tạm thời dập tắt được các cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân ta, thực dân Pháp tiến hành các cuộc khai thác thuộc địa ở Việt Nam: thực hiện áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hoá. Xã hội Việt Nam có sự chuyển biến và phân hoá: chuyển từ xã hội phong kiến độc lập sang xã hội thuộc địa nửa phong kiến, ra đời các giai cấp và tầng lớp mới: giai cấp tư sản và giai cấp công nhân; tầng lớp tiểu tư sản. Lúc này tư tưởng dân chủ tư sản ở bên ngoài đã ảnh hưởng mạnh mẽ vào Việt Nam. Do vậy, phong trào yêu nước bên cạnh xu hướng phong kiến, còn có xu hướng dân chủ tư sản (phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân, Việt Nam Quang phục hội...)

- Tất cả các phong trào chống giặc cứu nước (dù theo hệ tư tưởng phong kiến hay theo hệ tư tưởng dân chủ tư sản) bị đàn áp dã man và đều thất bại. Đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng về con đường cách mạng. Nguyễn Tất Thành đã nhận thức được yêu cầu lịch sử của dân tộc. Người quyết định ra đi tìm con đường cứu nước mới.

*** Quê hương và gia đình.**

- *Quê hương*: Mảnh đất Nghệ Tĩnh nơi sinh ra Nguyễn Sinh Cung – Hồ Chí Minh, giàu truyền thống yêu nước và chống giặc ngoại xâm. Nơi đây đã sản sinh ra

nhiều anh hùng, nhà văn hóa nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam: Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Đặng Dung, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Nguyễn Du ...

- Từ nhỏ, Nguyễn Sinh Cung đã chứng kiến tận mắt cuộc sống nghèo khổ, bị bóc lột, bị đàn áp của đồng bào mình trên mảnh đất quê hương. Tuổi thiếu niên ở Huế, lại chứng kiến tội ác của bọn thực dân và thái độ ươn hèn, bạc nhược của bọn quan lại triều Nguyễn.

- *Gia đình*: Hồ Chí Minh được sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, gần gũi với nhân dân.

+ Ông ngoại: Nhà nho, giàu đức thương người, nhân từ.

+ Cha của Người (Ông Nguyễn Sinh Sắc) là một nhà nho cấp tiến, có ý chí ham học, vượt khó phấn đấu đạt mục đích của mình; có lòng yêu nước thương dân sâu sắc, với quan điểm tiến bộ: lấy dân làm hậu thuẫn cho mọi cải cách chính trị - xã hội.

+ Mẹ của Người (Bà Hoàng Thị Loan), người phụ nữ tần tảo, giàu đức hy sinh, một lòng một dạ vì chí hướng của chồng.

Môi trường xã hội và đặc biệt môi trường gia đình như vậy đã tác động mạnh mẽ đến Nguyễn Tất Thành, hình thành lòng yêu nước và ý chí quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho đồng bào.

2. Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.1. Tư tưởng và văn hoá truyền thống Việt Nam.

- Chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước.

Chủ nghĩa yêu nước là dòng chủ lưu chảy xuyên suốt trường kỳ lịch sử Việt Nam, là chuẩn mực cao nhất, đứng đầu bảng giá trị văn hoá - tinh thần Việt Nam. Mọi học thuyết chính trị, văn hoá từ ngoài du nhập vào đều được tiếp nhận khúc xạ qua lăng kính của tư tưởng yêu nước đó.

(Biểu hiện: từ văn hoá dân gian đến văn hoá bác học, từ nhân vật truyền thuyết đến các vị anh hùng trong lịch sử: Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Lê Lợi... đều chứng minh hùng hồn chân lý đó).

- Truyền thống cần cù, dũng cảm, thông minh, sáng tạo trong sản xuất và trong chiến đấu; Tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái.

Các giá trị văn hoá trên hình thành do hoàn cảnh và nhu cầu đấu tranh với thiên nhiên và giặc ngoại xâm. Tình làng nghĩa xóm, cố kết trong “Văn hoá cộng đồng”.

- Truyền thống lạc quan, yêu đời.

Là truyền thống được hình thành từ niềm tin vào sức mạnh của bản thân mình, tin vào sự tất thắng của chân lý, chính nghĩa.

- Truyền thống ham học hỏi, ý chí vươn lên bằng con đường học tập đồng thời sẵn sàng đón nhận tinh hoa văn hoá của nhân loại.

2.2. Tinh hoa văn hoá nhân loại.

* Tư tưởng và văn hoá phương Đông.

- Hồ Chí Minh đã tiếp thu những yếu tố tích cực của Nho giáo:

+ Triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời.

+ Lý tưởng về một xã hội an bình hoà mục, một thế giới đại đồng.

+ Triết lý nhân sinh: tu nhân dưỡng tính.

+ Đề cao văn hoá, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học.

- Hồ Chí Minh đã tiếp thu những yếu tố tích cực của Phật giáo:

+ Tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân.

+ Nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm điều thiện.

+ Tinh thần bình đẳng, tinh thần dân chủ chất phác, chống lại mọi phân biệt đẳng cấp. Đức Phật: “ Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”.

+ Phật giáo Thiền phái Trúc lâm Việt Nam chủ trương không xa đời mà sống gắn bó với nhân dân, với đất nước, tham gia vào đời sống cộng đồng... tư tưởng nhập thế.

- Hồ Chí Minh còn chịu ảnh hưởng của những tư tưởng phương Đông khác như: tư tưởng của Lão tử, Mặc tử, Tôn Trung Sơn... tìm thấy trong đó những điều phù hợp với văn hoá và điều kiện của Việt Nam.

* Tư tưởng và văn hoá phương Tây:

Hồ Chí Minh tiếp thu tư tưởng dân chủ và cách mạng của văn hoá phương Tây được thể hiện sâu sắc trong Tuyên ngôn Độc lập 1776 của nước Mỹ; của Đại cách mạng tư sản Pháp 1789 (Tự do, Bình đẳng, Bác ái: tư tưởng giải phóng con

người khởi thần quyền và sự thống trị của những quan hệ phong kiến...) và truyền thống văn hoá dân chủ và tiến bộ của nước Pháp, nơi trung tâm của văn hoá nghệ thuật châu Âu, nơi hợp lưu của các dòng văn hoá thế giới.

Là người mácxít tỉnh táo và sáng suốt, HỒ Chí Minh đã biết khai thác những yếu tố tích cực của tư tưởng và văn hoá phương Đông, phương Tây để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của nước ta. Đồng thời Người cũng phê phán sâu sắc những yếu tố duy tâm, lạc hậu, phản động của Nho giáo như tư tưởng đẳng cấp, khinh lao động chân tay, khinh phụ nữ, khinh thường thực lợi, doanh lợi...; phê phán những hạn chế của Phật giáo như tư tưởng duy tâm, lánh đời, thụ động yếm thế... và phê phán những hạn chế của tư tưởng tư sản như tư tưởng áp bức, bóc lột...

2.3. Chủ nghĩa Mác-Lênin: cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng HỒ Chí Minh.

Tháng 7/1920 HỒ Chí Minh được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Người đã tìm thấy con đường cách mạng cho nhân dân Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc chính thức trở thành người cộng sản vào ngày 30/12/1920, khi Người bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và trở thành một trong những đảng viên đầu tiên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Con đường Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác-Lênin.

+ Thông qua thực tiễn đấu tranh trong phong trào công nhân và lao động đã giúp HỒ Chí Minh tiếp cận được “hơi thở” của thời đại, nhận thức được lực lượng trung tâm của thời đại; từ thực tiễn đi tới nhận thức lý luận và gắn lý luận với thực tiễn.

+ Mục đích: hành động cách mạng để cứu nước, chứ không phải mục đích tư biện nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết của tư duy. Do vậy, khi trong *Sơ thảo đề cập đến các dân tộc thuộc địa và bên vực các dân tộc thuộc địa*, phác thảo con đường đấu tranh giải phóng họ thì đó là nguồn cuốn hút trực tiếp, thuyết phục trực tiếp Nguyễn Ái Quốc tin theo Lênin, tin theo Quốc tế III, tin theo chủ nghĩa Mác-Lênin.

Như vậy, con đường ấy là: từ người yêu nước trở thành người cộng sản; từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản.

- Vì sao HỒ Chí Minh lại có thể vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin?

+ Với trí tuệ sắc sảo HỒ Chí Minh đã hiểu biết sâu sắc cả lý luận và thực tiễn về dân tộc, thời cuộc.

+ Tiếp thu lý luận Mác-Lênin theo phương pháp nhận thức mácxít, đồng thời theo lối phương Đông “đắc ý vong ngôn”, cốt nắm lấy cái tinh thần, cái bản chất chứ không tự trói buộc trong cái vỏ ngôn từ.

+ Nhiệt huyết cách mạng, mục đích cách mạng đúng đắn, trong sáng.

Những yếu tố trên đã giúp Nguyễn Ái Quốc vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin.

2.4. Những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân của HỒ Chí Minh

Ở HỒ Chí Minh có những phẩm chất riêng, nổi trội, đặc sắc tổng hợp lại mà ở những người khác không có, hoặc không đạt đến độ sắc sảo để làm nên những biến cố vĩ đại trong lịch sử.

- Tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo cộng với đầu óc phê phán sáng suốt trong việc nghiên cứu, tìm hiểu thời cuộc, không bị đánh lừa bởi cái hình thức hào nhoáng bên ngoài.

- Sự khổ công học tập nhằm chiếm lĩnh vốn tri thức phong phú của thời đại, vốn kinh nghiệm đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc, của phong trào công nhân quốc tế tạo điều kiện cho HỒ Chí Minh tiếp cận với chủ nghĩa Mác-Lênin - khoa học cách mạng của giai cấp vô sản.

- Có một vốn học vấn chắc chắn, một năng lực trí tuệ sắc sảo; kinh nghiệm thực tiễn và một bản lĩnh chính trị vững vàng.

- Là một chiến sỹ cộng sản nhiệt thành cách mạng, một trái tim yêu nước thương dân, thương những người cùng khổ sâu sắc, sẵn sàng chịu đựng những hy sinh cao nhất vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của đồng bào.

Một con người bình dị mà với tâm hồn vô cùng cao thượng, trí tuệ sắc sảo, sự khổ luyện hy sinh đã đạt đến những phẩm chất cao đẹp nhất của Con Người.

Tóm lại, tư tưởng HỒ Chí Minh là sự gặp gỡ giữa trí tuệ lớn của HỒ Chí Minh với trí tuệ của dân tộc và trí tuệ thời đại. Chính sự vận động, phát triển của tư tưởng yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đến những năm 20 của thế kỷ XX,

khi bắt gặ chủ nghĩa Mác – Lênin, đã hình thành nên tư tưởng HỒ Chí Minh. Từ tiếp thu, vận dụng sáng tạo, HỒ Chí Minh từng bước góp phần bổ sung, phát triển, làm phong phú chủ nghĩa Mác – Lênin bằng những luận điểm mới, được rút ra từ thực tiễn của đất nước và dân tộc mình.

Đó là bối cảnh và điều kiện đã hình thành nên tư tưởng HỒ Chí Minh.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.

Tư tưởng HỒ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam là quá trình tìm tòi, xác lập, phát triển và hoàn thiện, gắn liền với quá trình phát triển, lớn mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam và cách mạng Việt Nam.

1. Giai đoạn hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng (1890 - 1911)

- Là thời kỳ đầu tiên, ngắn nhưng rất quan trọng trong toàn bộ cuộc đời của Người. Thời kỳ hình thành, định hình nhân cách của một đời người.

- Sự hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân được biểu hiện qua các hành vi đầu tiên như tham gia Phong trào chống thuế ở Huế (1908), dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết) trong Phong trào Duy Tân ở Trung kỳ.

- Hình thành tư duy phê phán con đường cứu nước của các bậc tiền bối: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hoàng Hoa Thám.

2. Giai đoạn tìm tòi và khảo nghiệm con đường cứu nước (1911 - 1920)

- Tháng 6/1911, Nguyễn Tất Thành ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Trên cuộc hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành đã vượt qua ba đại dương, bốn châu lục, đặt chân lên khoảng gần 30 nước. Người chú tâm tìm hiểu các cuộc cách mạng trên thế giới, đặc biệt là tìm hiểu cách mạng tư sản Pháp, cách mạng tư sản Mỹ và khảo sát cuộc sống của nhân dân các dân tộc bị áp bức.

Qua các chuyến đi, tình yêu nước, thương dân nâng lên thành tình yêu những người cùng khổ, các dân tộc đồng cảnh ngộ. Từ chủ nghĩa yêu nước, tiến gần đến tình cảm quốc tế.

- Tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, bắt đầu bước chuyển về tư tưởng với sự kiện Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin (7/1920), tán thành Quốc tế

III, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12/1920), trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Như vậy, ở giai đoạn này, trong tư tưởng Hồ Chí Minh có sự biến đổi quan trọng, có tính bước ngoặt từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến chủ nghĩa cộng sản, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước thành người cộng sản.

3. Giai đoạn hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam (1921 - 1930)

Đây là thời kỳ hoạt động thực tiễn và lý luận sôi nổi và phong phú của Nguyễn Ái Quốc, trên những địa bàn khác nhau: Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan; chuẩn bị những tiền đề chính trị tư tưởng và tổ chức để thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam.

- Về hoạt động thực tiễn: lập *Hội liên hiệp thuộc địa*, xuất bản báo *Le Paria* (Pháp); tham dự các đại hội quốc tế lớn ở Maxcơva; lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*; *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức* (Quảng Châu, Trung Quốc); xuất bản báo *Thanh niên*, *Lính cách mạng*, báo *Công nông*, *Thân ái* (Thái Lan).

- Về hoạt động lý luận: viết bài trên báo *Le Paria*, báo chí của Đảng Cộng sản Pháp, báo *Thư tín Quốc tế* của Quốc tế Cộng sản, báo *Sự Thật* của Đảng Cộng sản Liên Xô, báo *Thanh niên* (thời kỳ ở Quảng Châu); tham luận tại các hội nghị quốc tế; những báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản. Viết các tác phẩm: *Bản án chế độ thực dân Pháp* (năm 1925); *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc*; *Chứng tộc da đen* (thời kỳ ở Ma xơva); *Đường Cách mệnh* (năm 1927); *Công tác quân sự của Đảng trong nông dân* (năm 1928). Đặc biệt, *Chánh cương vắn tắt*, *Sách lược vắn tắt*, *Chương trình tóm tắt* và *Điều lệ vắn tắt* và *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Những công trình trên phản ánh các quan điểm cách mạng của Hồ Chí Minh, như:

- Tư tưởng cách mạng triệt để; mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Cách mạng muốn thành công trước hết phải có Đảng cách mạng, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng lý luận.

- Xác định kẻ thù của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là thực dân Pháp và bọn địa chủ phong kiến tay sai.

- Xác định lực lượng cách mạng: động lực cách mạng và đồng minh (gần và xa) của cách mạng; tư tưởng xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi.

- Xác định vị trí, vai trò của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa trong quan hệ với cuộc cách mạng vô sản ở chính quốc.

- Vấn đề đoàn kết quốc tế của cách mạng Việt Nam.

Như vậy, những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh đã được định hình ở giai đoạn này, thể hiện sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam.

4. Giai đoạn vượt qua thử thách, kiên trì con đường đã xác định cho cách mạng Việt Nam (1930 - 1941)

- Do không nắm được tình hình thực tế ở Phương Đông và Việt Nam, lại bị chi phối bởi quan điểm “tả khuynh” của Đại hội lần thứ VI (1928), Quốc tế Cộng sản đã chỉ trích và phê phán đường lối của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam. Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương cũng ra “Án nghị quyết” thủ tiêu *Chánh cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* do Hồ Chí Minh soạn thảo.

Tại Đại hội VII (7/1935), Quốc tế cộng sản đã có sự tự phê bình về khuynh hướng “tả” và quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, chủ trương thành lập mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, đòi quyền dân sinh dân chủ. Năm 1936, Đảng ta đã đề ra “chiến sách” mới, phê phán tư tưởng “tả khuynh”, biệt lập, thực chất là trở về với quan điểm của Nguyễn Ái Quốc trong *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt*

- Nghị quyết Trung ương tháng 11-1939 khẳng định: “Lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết”

5. Giai đoạn tiếp tục phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hồ Chí Minh trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành thắng lợi (1941 - 1969)

Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp chỉ đạo Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khoá I (5/1941). Hội nghị đã hoàn thiện việc điều chỉnh chiến lược của Đảng ta theo tư tưởng Hồ Chí Minh: đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết, tạm thời rút khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, bỏ vấn đề Liên bang Đông Dương, lập *Mặt trận Việt Minh*.

- Lãnh đạo cuộc Cách mạng tháng Tám thành công (1945).

- Lãnh đạo cuộc chiến tranh nhân dân chống thực dân Pháp thắng lợi. Giải phóng miền Bắc (1954).

- Lãnh đạo đất nước thực hiện cùng một lúc hai chiến lược cách mạng: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1969)

Trong hoàn cảnh mới, tư tưởng HỒ Chí Minh được bổ sung, phát triển và hoàn thiện trên một loạt những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam như:

+ Đường lối chiến tranh nhân dân;

+ Xây dựng Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền;

+ Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân;

+ Về cách mạng giải phóng đất nước (kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước);

+ Về tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến, trong điều kiện có chiến tranh và đất nước bị chia cắt; về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản trong những điều kiện đặc thù.

+ Về củng cố và tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Tóm lại, tư tưởng HỒ Chí Minh hình thành và phát triển cùng chiều với quá trình phát triển của hệ tư tưởng Việt Nam, gắn liền với quá trình giải đáp những vấn đề thực tiễn Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, từ đó phát triển tư duy lí luận cách mạng Việt Nam. HỒ Chí Minh đã góp phần vào việc làm phong phú và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trên một loạt những vấn đề quan trọng và cấp bách của thời đại ngày nay. Tư tưởng HỒ Chí Minh thực sự trở thành nền tảng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần quý báu của dân tộc ta.

Nội dung ôn tập:

1. Phân tích cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh?

- Bối cảnh quốc tế và trong nước.

- Tư tưởng và văn hoá truyền thống Việt Nam; tinh hoa văn hoá nhân loại.

- Những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh.

2. Trình bày khái quát các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh?

BÀI 3
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC
VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

(06: 04-02 tiết)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1. Sơ lược quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc

C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra quan điểm cơ bản có tính chất phương pháp luận để nhận thức và giải quyết những vấn đề về nguồn gốc, bản chất của vấn đề dân tộc, những quan hệ cơ bản của dân tộc, thái độ của giai cấp công nhân và đảng của nó với vấn đề dân tộc.

Trên cơ sở những quan điểm này, V.I.Lênin đã phát triển lên thành một hệ thống lý luận toàn diện, sâu sắc về vấn đề dân tộc, làm cơ sở cho cương lĩnh, đường lối, chính sách của các Đảng Cộng sản kiểu mới về vấn đề dân tộc.

Theo quan điểm của Mác-Lênin, dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử. Trước dân tộc là những hình thức cộng đồng thị tộc, bộ lạc, bộ tộc. Sự bền vững của hình thái cộng đồng dân tộc được quy định và thể hiện qua các 4 đặc trưng cơ bản: cộng đồng về phương thức sinh hoạt kinh tế; cộng đồng về lãnh thổ; cộng đồng về ngôn ngữ và cộng đồng về tâm lý, văn hoá.

Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản dẫn đến sự ra đời của các nhà nước dân tộc tư bản chủ nghĩa. Khi chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, các nước đế quốc thi hành chính sách vũ trang xâm lược cướp bóc, nô dịch các dân tộc nhược tiểu, vấn đề dân tộc trở nên gay gắt, từ đó xuất hiện *vấn đề dân tộc thuộc địa*.

Khi bàn về sự phát triển của vấn đề dân tộc, Lênin đề cập đến hai xu hướng phát triển của vấn đề dân tộc trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản.

- Xu hướng thứ nhất là sự thức tỉnh của ý thức dân tộc, của phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc sẽ dẫn tới việc thành lập của quốc gia dân tộc độc lập.

- Xu hướng thứ hai là với việc tăng cường và phát triển các mối quan hệ giữa các dân tộc sẽ dẫn tới việc phá huỷ hàng rào ngăn cách dân tộc, thiết lập sự thống nhất quốc tế của chủ nghĩa tư bản, của đời sống kinh tế, chính trị, khoa học...¹ nói chung.

¹ Xem: V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1980. T.24, tr.158

Xu hướng thứ nhất chiếm ưu thế trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản mới phát triển, còn xu hướng thứ hai là đặc trưng của chủ nghĩa tư bản già cỗi sắp chuyển sang xã hội xã hội chủ nghĩa; cả hai xu hướng đều phát triển trong điều kiện đối kháng giai cấp gay gắt. Tuy nhiên *chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa dân tộc tư sản không thể giải quyết được vấn đề dân tộc mà chỉ làm cho mối xung đột dân tộc ngày càng tăng lên.*

V.I.Lênin khẳng định: *chỉ có cách mạng vô sản và chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở thủ tiêu ách áp bức giai cấp và áp bức dân tộc, mới tạo điều kiện để giải quyết triệt để vấn đề dân tộc: thực hiện sự bình đẳng dân tộc và xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc, làm cho các dân tộc ngày càng xích lại gần nhau.* Từ đó, Lênin yêu cầu các Đảng Cộng sản phải kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện của *chủ nghĩa tư sản dân tộc và chủ nghĩa sô vanh*, giành thắng lợi cho chủ nghĩa quốc tế vô sản. Tư tưởng này được thể hiện sâu sắc trong *Luận cương* với các nội dung cơ bản: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; quyền độc lập tự chủ của tất cả các dân tộc trên thế giới; liên hiệp công nhân, nhân dân lao động tất cả các dân tộc.

2. Tư tưởng HỒ Chí Minh về vấn đề dân tộc

Vấn đề dân tộc trong tư tưởng HỒ Chí Minh thực chất là vấn đề dân tộc thuộc địa trong thời đại cách mạng vô sản; là vấn đề đấu tranh của các dân tộc thuộc địa thủ tiêu sự thống trị của nước ngoài, giành độc lập dân tộc, thực hiện quyền tự quyết, thành lập nhà nước dân tộc độc lập.

- Tư tưởng HỒ Chí Minh về quyền dân tộc.

+ Tất cả các dân tộc trên thế giới đều bình đẳng.

Trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam do Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước gửi tới Hội nghị Vecxây (1919) đã đặt vấn đề: dân tộc Việt Nam cũng là một dân tộc, có quyền được hưởng quyền dân tộc như các dân tộc khác ở châu Âu, châu Á...

Trong bản Tuyên ngôn Độc lập do HỒ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời tuyên đọc trước quốc dân và thế giới (2/9/1945) đã khẳng định: quyền bình đẳng dân tộc cho nhân dân Việt Nam và cho tất cả các dân tộc trên thế giới: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam

quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”¹

+ Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của các dân tộc.

Vị trí của vấn đề Độc lập dân tộc: là tiền đề, là điều kiện khách quan để có quyền bình đẳng thực sự giữa các dân tộc, để mỗi cá nhân có quyền bình đẳng, tự do.

Trong các bức thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và Chính phủ các nước vào thời gian sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố rằng: “nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”²; Trước sự xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Người kêu gọi đồng bào: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”³; “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”⁴.

Trước ý chí sắt đá và hành động cách mạng kiên cường của nhân dân ta, buộc Mỹ phải chấp nhận điều 1 chương I nói về các quyền dân tộc cơ bản của dân tộc Việt Nam: “Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam đã công nhận” (Hiệp định Pari).

Nền độc lập thực sự, độc lập hoàn toàn theo tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện qua các tiêu chí:

Thứ nhất, phải độc lập về tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, an ninh, toàn vẹn lãnh thổ. Trong đó, trước hết và quan trọng nhất là độc lập về chính trị;

Thứ hai, mọi vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia phải do chính nhân dân của dân tộc đó tự quyết định, không có sự can thiệp của nước ngoài dưới bất kỳ hình thức nào; độc lập dân tộc phải gắn với thống nhất đất nước;

Thứ ba, độc lập phải gắn với tự do, hạnh phúc của nhân dân; gắn với khối đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp nhân dân trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và kiều bào ở nước ngoài.

Theo Hồ Chí Minh “Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁵.

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, T.4, tr.4

² Sđd, T.4, tr.469

³ Sđd, T.4, tr.480

⁴ Sđd, T.12, tr.108

⁵ Sđd, T.4, tr. 56

- Ở các nước đang đấu tranh giành độc lập, chủ nghĩa dân tộc chân chính vẫn là một động lực lớn.

+ Chủ nghĩa dân tộc chân chính: chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính. Nó khác về bản chất với chủ nghĩa dân tộc sô vanh, vị kỷ của giai cấp tư sản.

+ Vai trò của chủ nghĩa dân tộc chân chính: động lực lớn của đất nước. Theo Người, trong cách mạng giải phóng dân tộc, “người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ”¹

- Kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế .

+ Dân tộc với giai cấp: Giải quyết vấn đề dân tộc trên lập trường của giai cấp vô sản. Chủ nghĩa dân tộc chân chính là động lực lớn của đất nước.

+ Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội: là mối quan hệ giữa mục tiêu trước mắt với mục tiêu lâu dài là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

+ Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế.

Tinh thần quốc tế vô sản: đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam và các tất cả các dân tộc trên thế giới. Thắng lợi của cách mạng mỗi nước là đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới “giúp bạn là tự giúp mình”.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC.

1. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường của cách mạng vô sản.

* Cơ sở thực tiễn và lý luận.

- Cơ sở thực tiễn lịch sử:

Trong nước:

+ Các phong trào yêu nước, chống xâm lược ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX theo hệ tư tưởng phong kiến hoặc dân chủ tư sản đều thất bại là do chưa có đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn phù hợp với thời đại.

Nước ngoài: Trên cơ sở khảo sát 3 cuộc cách mạng điển hình trên thế giới:

+ Với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc chống thực dân Anh, giành độc lập của nước Mỹ (1776), Hồ Chí Minh đánh giá: “Cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, H.1995, T.1, tr.467

hai”, “ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi”¹.

+ Về cuộc cách mạng tư sản Pháp, Hồ Chí Minh cho rằng: mặc dù cuộc cách mạng này đã diễn ra 3 lần, nhưng: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lộc công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”², vì vậy “mà nay công nông Pháp hằng còn phải mưu tính cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy”³

Từ những đánh giá trên, Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mạng Việt Nam không thể đi theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

+ Với cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga (1917), Hồ Chí Minh khẳng định: chỉ có Cách mạng Tháng Mười Nga là đã thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật sự. Cách mạng Nga đã đui được vua, tư bản, địa chủ, rồi lại ra sức giúp công, nông các nước và dân bị áp bức, các thuộc địa làm cách mạng để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới...¹.

- Cơ sở lý luận:

+ Chủ nghĩa Mác – Lênin, đặc biệt là *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin đã “nhấn mạnh và nhận thức hết tầm quan trọng to lớn của việc giải quyết một cách đúng đắn vấn đề thuộc địa đối với cách mạng thế giới”², và chỉ ra con đường đi tới thắng lợi hoàn toàn của cách mạng ở thuộc địa.

Tóm lại, trên cơ sở thực tiễn cách mạng trong nước và thế giới, cùng với sự giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh khẳng định chân lý: Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản.

* Nội dung cơ bản của cách mạng vô sản ở Việt Nam.

Khái niệm con đường cách mạng vô sản là khái niệm chung. Có cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển, có cách mạng vô sản ở các nước tư bản ở mức phát triển trung bình hoặc thấp. Còn con đường cách mạng vô sản ở các nước thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu, nơi mà dân cư tuyệt đại đa số là nông dân và giai

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, H.1995, T.2, tr.270;

⁽²⁾⁽³⁾ Sdd, 274

¹ HCM, Toàn tập, T.1, tr.39

² Hồ Chí Minh, Sdd, T.2, tr.219

cấp công nhân còn rất nhỏ bé thì có gì chung và khác biệt? HỒ Chí Minh xác định nội dung cơ bản của cách mạng vô sản ở Việt Nam là: cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn: làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng (tức cách mạng dân tộc – dân chủ) để đi tới xã hội cộng sản (tức cách mạng xã hội chủ nghĩa)¹.

* Giá trị lịch sử của quan điểm trên:

- Chấm dứt sự khủng hoảng đường lối cách mạng trong suốt những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Xác định được đường đi đúng đắn cho cách mạng Việt Nam.

- Chấm dứt thời kỳ biệt lập của cách mạng Việt Nam. Đưa cách mạng Việt Nam vào trào lưu cách mạng thế giới, là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

- Đóng góp vào kho tàng lý luận cách mạng giải phóng ở các dân tộc thuộc địa.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo

- HỒ Chí Minh khẳng định: Cách mạng muốn thành công trước hết phải có đảng cách mạng với đường lối chính trị đúng đắn và tổ chức chặt chẽ, có cơ sở rộng rãi trong quần chúng.

- Đảng lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản đi đến thắng lợi triệt để chỉ có thể là đảng của giai cấp công nhân lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

Người từng nói, muốn giải phóng dân tộc thành công “Trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công... Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt... Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”²

3. Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp của toàn dân, trên cơ sở liên minh công - nông.

Vấn đề lực lượng cách mạng là do mục tiêu và đối tượng của cuộc cách mạng quy định.

¹ HỒ Chí Minh, Toàn tập, T.2, tr.2

² HỒ Chí Minh, Sđ d, H.2000, T.2, tr.267-268

Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là giành lại độc lập dân tộc và dân chủ cho nhân dân. Do đó, đây là việc chung của cả dân tộc: sĩ, nông, công, thương... được tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất.

Đối tượng của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là bọn đế quốc và địa chủ phong kiến tay sai.

Lực lượng cách mạng là tất cả những người Việt Nam yêu nước không kể họ thuộc thành phần giai cấp, tầng lớp nào. Trong đó giai cấp công nhân, giai cấp nông dân là lực lượng nòng cốt của cách mạng.

Trên cơ sở địa vị kinh tế – xã hội, thái độ chính trị của từng giai cấp, tầng lớp trong xã hội, Hồ Chí Minh đã luận giải vai trò, vị trí của các giai cấp, tầng lớp tham gia cách mạng.

Giai cấp công nhân: do gắn với phương thức sản xuất công nghiệp và được trang bị hệ tư tưởng tiên tiến nhất nên giai cấp công nhân có tính kỷ luật cao và tinh thần cách mạng triệt để, là giai cấp lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp nông dân: chiếm đại đa số trong dân cư, bị áp bức bóc lột nặng nề, có tinh thần yêu nước. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân trở thành lực lượng cơ bản của cách mạng.

Bộ phận địa chủ yêu nước, tầng lớp tiểu tư sản và giai cấp tư sản dân tộc. Từ cách nhìn lịch sử cụ thể về thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đánh giá họ đều có tinh thần dân tộc.

Người phân tích: "... Về phía bọn chủ, không có máy móc, ruộng đồng thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung và hạng nhỏ và những kẻ mà ở đó được coi là đại địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùng tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ; không có tỷ phú người An Nam. Những tên trọc phú ở đó thì đây chỉ là những kẻ thực lợi khá giả thôi.

Cho nên, nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa. Nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc.... Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó không thể chối cãi được"¹; "chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy nhà buôn An Nam cạnh tranh với

¹ Hồ Chí Minh, Sđd, T.1, tr.464

người Pháp và người Trung Quốc; nó thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917”¹. Vì vậy, “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt,... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập...”²

Hồ Chí Minh cũng chỉ ra tính không triệt để trong cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc, cần hạn chế mặt tiêu cực của họ đối với phong trào cách mạng của quần chúng, chú ý tranh thủ mặt tích cực của họ, hoặc làm cho họ đứng trung lập. Với tầng lớp tiểu tư sản, có tinh thần dân tộc và có đầu óc cách mạng, họ là bầu bạn của công nông.

Tóm lại: Hồ Chí Minh triệt để khai thác mặt tích cực của mọi giai tầng trong xã hội Việt Nam. Người phân biệt rõ thái độ chính trị của từng bộ phận, triệt để khai thác, tranh thủ, lôi kéo các lực lượng trung gian về phía cách mạng.

Trong khi chủ trương đoàn kết, tập hợp rộng rãi các lực lượng dân tộc chống đế quốc, Hồ Chí Minh vẫn quán triệt quan điểm giai cấp công nhân: “Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thoả hiệp”.³

4. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

- Đây là một luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản.

+ Ở thế kỷ XIX, qua thực tế phát triển của chủ nghĩa tư bản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã lưu ý đến mối quan hệ giữa nhân dân thuộc địa và chính quốc trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản. Nhưng do chú trọng đến nhiệm vụ của giai cấp công nhân đối với việc thủ tiêu chủ nghĩa tư bản nên nhìn chung các ông cho rằng việc giải phóng thuộc địa chỉ thành công khi cách mạng vô sản ở chính quốc thắng lợi.

+ Sang thế kỷ XX, khi hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa tư bản đã bao trùm khắp thế giới và cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa bùng lên mạnh mẽ,

¹ Hồ Chí Minh, Sđd, T.1, tr.466

² Hồ Chí Minh, Sđd, T.3, tr.3

³ Hồ Chí Minh, Sđd, T.3, tr.3

V.I.Lênin đã viết *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* trong đó nhấn mạnh tư tưởng phải kết hợp chặt chẽ phong trào cách mạng vô sản chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa. Tuy nhiên, Lênin vẫn cho rằng cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản chính quốc, là “hậu bị quân” của cách mạng vô sản chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc chỉ có thể thắng lợi khi cách mạng vô sản chính quốc thắng lợi. Đây cũng là quan điểm tồn tại trong phong trào cộng sản quốc tế những năm 20-30 của thế kỷ XX.

+ Theo HỒ Chí Minh: cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc có mối quan hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX Người đã nhận thức rõ bản chất của chủ nghĩa đế quốc là một con đĩa hai vôi, một vôi bám vào chính quốc, một vôi bám vào thuộc địa để làm nên sức mạnh của nó. Vì vậy, phải kết hợp cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, như “hai cánh của một con chim”.

Không những thế, trong cuộc đấu tranh đó, nhân dân các dân tộc thuộc địa có thể chủ động tự đứng lên giải phóng và họ có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Sau khi giành thắng lợi, các dân tộc thuộc địa còn có thể giúp giai cấp vô sản chính quốc trong công cuộc giải phóng hoàn toàn.

- Cơ sở của luận điểm trên:

+ HỒ Chí Minh vận dụng nguyên lý mà C.Mác đã đưa ra: “Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân” để khẳng định: “Công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”¹. Sau đó, trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927), HỒ Chí Minh khẳng định rõ hơn: “Muốn người ta giúp cho thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình đã”. Tức là, công cuộc giải phóng các dân tộc thuộc địa phải do chính các dân tộc đó thực hiện.

+ HỒ Chí Minh nhận thấy: Sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản là dựa trên sự bóc lột giai cấp vô sản ở chính quốc và nhân dân các dân tộc thuộc địa. Vì vậy, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở chính quốc phải kết hợp chặt chẽ với cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc thuộc địa thì mới có thể tiêu diệt được hoàn toàn chủ nghĩa tư bản.

¹ Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp các thuộc địa (1921)

Hơn thế nữa, theo đánh giá của HỒ Chí Minh: trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản chủ yếu dựa vào bóc lột nhân dân các nước thuộc địa chứ không phải chủ yếu dựa vào bóc lột giai cấp vô sản chính quốc. Vì vậy, thực hiện cách mạng vô sản ở chính quốc trước chẳng khác nào “đánh rắn đặng đuôi”.

+ Theo HỒ Chí Minh, chính cách mạng ở thuộc địa lại có sức bật, sự thuận lợi hơn, vì:

* Chính sách khai thác thuộc địa hết sức tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc làm mâu thuẫn giữa nhân dân thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc ngày càng gay gắt. Vì vậy, tiềm năng cách mạng của các dân tộc bị áp bức là rất to lớn.

* Tinh thần yêu nước, chủ nghĩa dân tộc chân chính của nhân dân các dân tộc thuộc địa là một sức mạnh tiềm ẩn của cách mạng giải phóng dân tộc. Những sức mạnh đó nếu được chủ nghĩa Mác - Lênin giác ngộ và soi đường thì cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa sẽ có một sức bật rất lớn và có khả năng chủ động cao so với cách mạng vô sản ở chính quốc.

* Thuộc địa là khâu yếu của chủ nghĩa tư bản nên cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa dễ giành được chính quyền hơn.

- Ý nghĩa của luận điểm:

+ Đây là luận điểm có ý nghĩa thực tiễn to lớn, giúp cho cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam không thụ động, ỷ lại, chờ đợi sự giúp đỡ từ bên ngoài mà luôn phát huy tính độc lập, tự chủ, tự lực tự cường. Nhờ đó mà cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi vĩ đại.

+ Góp phần định hướng cho các phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa khác trên thế giới trong thời kỳ đó.

5. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang của nhân dân.

- Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin: Bạo lực cách mạng là sức mạnh của khối đông đảo quần chúng cách mạng có tổ chức chặt chẽ. Sức mạnh của khối đông đảo quần chúng cách mạng không chỉ có đấu tranh vũ trang mà bao gồm cả đấu tranh chính trị; Là phương thức giành chính quyền về tay giai cấp cách mạng.

Có hai phương thức giành chính quyền chủ yếu:

Con đường *bạo lực vũ trang cách mạng* - bà đỡ của sự ra đời chính quyền mới - tính quy luật của mọi cuộc cách mạng cho đến ngày nay.

Giành chính quyền bằng bạo lực cách mạng lật đổ chính quyền cũ thối nát, phản động, xây dựng chính quyền mới, xác lập quyền lực của giai cấp công nhân và nhân dân lao động mang tính *tất yếu* và *phổ biến*. Muốn đánh đổ một lực lượng vật chất phải dùng tới một sức mạnh vật chất khác (Mác).

Con đường *đấu tranh mang tính chất hoà bình*: đấu tranh công khai, hợp pháp, giành đa số áp đảo trong bầu cử, thay đổi bản chất của chính quyền (đấu tranh nghị viện). Đây là một khả năng rất quý (không đổ máu) nhưng rất hiếm, đến nay chưa có cuộc cách mạng nào giành được chính quyền bằng con đường này.

Dù bằng con đường bạo lực (vũ trang) hay bằng con đường hoà bình thì vấn đề đặt ra là *cách mạng* chứ không cải lương. Đó là nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Quan điểm của Hồ Chí Minh về phương thức giành chính quyền:

+ Sự cần thiết phải sử dụng bạo lực cách mạng trong cách mạng giải phóng dân tộc, vì:

Kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của bản thân.

Kinh nghiệm của các phong trào đấu tranh yêu nước ở Việt Nam và các cuộc cách mạng trên thế giới.

Bản chất đế quốc của đế quốc Pháp: không bao giờ chịu từ bỏ nguồn lợi của họ ở Đông Dương, đặc biệt là ở Việt Nam. Nơi có nhiều tài nguyên thiên nhiên, có vị trí thuận lợi để mở rộng ảnh hưởng về chính trị trong khu vực...

+ Nội dung của bạo lực cách mạng ở Việt Nam:

Phải kết hợp bạo lực chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân trong đấu tranh giành chính quyền và bảo vệ chính quyền.

Đặc biệt chú trọng giác ngộ và tổ chức, xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

Chú trọng nghệ thuật sử dụng các hình thức bạo lực cách mạng trong đấu tranh giành chính quyền.

+ Điều kiện để cuộc khởi nghĩa vũ trang có cơ thắng lợi.

Ngay từ 1924 Hồ Chí Minh đã xác định, để cuộc khởi nghĩa vũ trang có thể thắng lợi, cần phải:

Thứ nhất, phải có tính chất *một cuộc khởi nghĩa quần chúng* chứ không phải một cuộc nổi loạn,... phải được chuẩn bị trong quần chúng, nổ ra trong thành phố, theo kiểu các cuộc cách mạng châu Âu.

Thứ hai, phải được nước Nga ủng hộ.

Thứ ba, phải trùng hợp với cách mạng vô sản Pháp.

Thứ tư, phải gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản thế giới.

Những quan điểm trên của Hồ Chí Minh đã được Người điều chỉnh, phát triển phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Tháng 5-1941, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khoá I do Hồ Chí Minh chủ trì đã đưa ra nhận định: Cuộc cách mạng Đông Dương kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang, mở đầu có thể là bằng một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa lớn.

Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng chỉ đạo xây dựng căn cứ địa, đào tạo, huấn luyện cán bộ, xây dựng các tổ chức chính trị của quần chúng, lập các đội du kích vũ trang, chủ động đón thời cơ, chớp thời cơ, phát động Tổng khởi nghĩa Tháng Tám và giành được chính quyền cả nước chỉ trong có hơn 10 ngày. Đây là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình của thế kỷ XX, xoá bỏ được chế độ thực dân phong kiến, giành được quyền độc lập dân tộc một cách tương đối hoà bình.

Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã chứng minh hùng hồn tính khoa học đúng đắn, tính cách mạng sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Tóm lại, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết của Lênin về cách mạng thuộc địa thành một hệ thống luận điểm mới mẻ, sáng tạo, bao gồm cả *đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp* tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY.

1. Khơi dậy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, nguồn động lực mạnh mẽ để xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Khai thác, huy động tối đa nội lực. Trong đó, quan trọng nhất, quyết định nhất là nguồn lực con người với tất cả sức mạnh thể chất và sức mạnh tinh thần.

- Về mặt tinh thần: Giáo dục, khơi dậy tinh thần dân tộc và nâng cao chủ nghĩa yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn lịch sử mới của dân tộc.

2. Nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên quan điểm giai cấp công nhân.

- Quán triệt những vấn đề mang tính nguyên tắc trong tư tưởng HỒ Chí Minh về vấn đề dân tộc: quyền bình đẳng dân tộc, quyền tự quyết dân tộc.

- Thận trọng, tránh rơi vào tả khuynh hay hữu khuynh trong nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc.

- Khắc phục quan điểm xơ cứng, giáo điều, thoát ly bối cảnh và điều kiện lịch sử cụ thể của dân tộc khi nhìn nhận vấn đề giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

3. Chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc anh em trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

- Vấn đề dân tộc và đại đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng.

- Thi hành đúng chính sách dân tộc; thực hiện sự đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc.

- Thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã đề ra cho miền núi, nơi sinh sống chủ yếu của các tộc người ít người của Việt Nam.

Nội dung ôn tập:

1. Phân tích tư tưởng HỒ Chí Minh về vấn đề dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản?

2. Phân tích cơ sở, nội dung và ý nghĩa của luận điểm: Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường của cách mạng vô sản của HỒ Chí Minh?

3. Phân tích cơ sở, nội dung, ý nghĩa của luận điểm: Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc của HỒ Chí Minh để thấy rõ tính sáng tạo của luận điểm trên?

3. Trình bày hệ thống luận điểm tư tưởng HỒ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc?

4. Phân tích lôgic nội tại của tư tưởng HỒ Chí Minh về vấn đề dân tộc và con đường cách mạng vô sản của cách mạng Việt Nam?

6. Trình bày sự vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh về vấn đề dân tộc trong công cuộc đổi mới hiện nay?

BÀI 4
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM
(06: 04-02 tiết)

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu của cách mạng Việt Nam, đồng thời cũng là nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh được xác định ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BẢN CHẤT VÀ MỤC TIÊU CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Con đường hình thành tư duy Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Hồ Chí Minh tiếp cận và tiếp thu về chủ nghĩa xã hội ở những khía cạnh sau:

- *Từ lập trường yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc*: Hồ Chí Minh tìm thấy trong học thuyết của Mác-Lênin con đường chân chính để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người: chỉ có chủ nghĩa xã hội mới cứu được nhân loại, thực sự mang lại độc lập, tự do, bình đẳng cho các dân tộc.

- *Từ phương diện đạo đức*:

- + Là chế độ xã hội bảo đảm sự phát triển hài hoà giữa cá nhân và xã hội;
- + Tôn trọng con người, chăm lo đến lợi ích, nhu cầu của cá nhân, đề cao năng lực của cá nhân. Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân nhưng không vì thế mà phủ nhận, xem nhẹ vai trò cá nhân.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa cá nhân là giặc nội xâm, là kẻ thù nguy hiểm của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa cá nhân đối lập với chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng cá nhân chủ nghĩa đối lập với tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đánh bại chủ nghĩa cá nhân nhưng lại phải ra sức chăm lo phát triển cá nhân. Cái gì thuộc về cá nhân mà không trái với lợi ích chung của xã hội thì không phải là xấu, cần phải vun trồng cho cá nhân phát triển.

Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển cao của đạo đức: giải phóng con người - người lao động, vì ấm no, hạnh phúc của con người.

- *Từ phương diện văn hoá*: chủ nghĩa xã hội mang bản chất nhân văn và văn hóa. Nó phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản về mặt văn hoá và giải phóng con người: đặc biệt chú trọng xây dựng con người phát triển toàn diện, tình người, mối quan hệ nhân văn giữa người với người...

Tóm lại, tư duy HỒ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội được quyết định bởi quan điểm duy vật lịch sử của Mác, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và tiếp thu những quan điểm của các tác giả kinh điển về mục tiêu và bản chất của CNXH. Vì vậy, theo HỒ Chí Minh:

- Chủ nghĩa xã hội là phong trào lịch sử mang tính chính trị - xã hội,
- Bản chất của chủ nghĩa xã hội là nhân văn và văn hoá, là giai đoạn phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản về mặt văn hoá và giải phóng con người,
- Chủ nghĩa xã hội là sự thống nhất biện chứng giữa các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội với các nhân tố nhân văn, đạo đức, văn hoá, biểu hiện một lý tưởng tốt đẹp mà loài người sẽ đạt tới.

Từ bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội, HỒ Chí Minh khẳng định tính tất yếu của con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

2. Quan niệm của HỒ Chí Minh về những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

*** Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội theo các nhà kinh điển:**

- Xoá bỏ từng bước chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ sở hữu công cộng để giải phóng cho sức sản xuất phát triển.
- Nền sản xuất ngày càng hiện đại, tạo ra năng xuất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản.
- Thực hiện nguyên tắc phân phối “làm theo năng lực hưởng theo lao động” - sự công bằng và bình đẳng về lao động và hưởng thụ.
- Khắc phục tình trạng bất bình đẳng giữa các giai cấp, giữa nông thôn - thành thị, giữa lao động chân tay - trí óc; tiến tới một xã hội tương đối thuần nhất về giai cấp.
- Con người được tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện, phát huy tính tích cực của mỗi người trong cuộc xây dựng xã hội mới và lối sống mới.
- Chức năng chính trị của nhà nước sẽ dần dần tiêu vong cùng với sự định hình, hoàn thiện của những đặc trưng về kinh tế, văn hoá, xã hội của chủ nghĩa xã hội..

Tóm lại, các nhà kinh điển bằng những phân tích khoa học đã vạch ra phương hướng phát triển chủ yếu của mọi lĩnh vực của chủ nghĩa xã hội nhằm khẳng định tính ưu việt của nó so với chủ nghĩa tư bản.

*** Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội theo quan điểm Hồ Chí Minh.**

Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội với các đặc trưng bản chất sau:

- **Về chính trị:** Do nhân dân làm chủ. Nhà nước của dân, do dân, vì dân; phát huy quyền làm chủ, tính tích cực, sáng tạo, chủ động... của nhân dân

- **Về kinh tế:** Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- **Về văn hoá và đạo đức:** Phát triển cao về mặt văn hoá, đạo đức; con người được giải phóng khỏi ách áp bức; phát triển khả năng tiềm tàng trong mỗi con người.

- **Về quan hệ xã hội:** Bình đẳng trong quan hệ giữa con người với con người và giữa các dân tộc; Công bằng, hợp lý với nguyên tắc phân phối theo lao động.

- Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là một quan niệm khoa học, toàn diện, hệ thống trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời bổ sung một số đặc trưng phản ánh truyền thống, đặc điểm của Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, đạo đức và văn minh. Để giữ vững được độc lập, tự chủ, để bảo đảm cho nhân dân có cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc Việt Nam không có con đường nào khác là phải tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội.

Bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội có quan hệ chặt chẽ với nhau. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh sau khi được nhận thức đều trở thành những mục tiêu cơ bản cần đạt tới trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a. Mục tiêu cơ bản:

- **Xây dựng chế độ chính trị** do nhân dân làm chủ, trong đó:

+ Nhân dân làm chủ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của người làm chủ.

+ Nhà nước do nhân dân làm chủ, dựa trên liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, do giai cấp công nhân lãnh đạo.

+ Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình chủ yếu bằng nhà nước và dưới sự lãnh đạo của Đảng; Hồ Chí Minh nhấn mạnh quan hệ giữa quyền làm chủ và nghĩa vụ, tính năng động của người làm chủ.

- **Xây dựng nền kinh tế** hiện đại, khoa học, gắn liền với kỹ thuật tiên tiến:

+ Về quan hệ sản xuất: thiết lập chế độ công hữu tư liệu sản xuất, nhưng ở thời kì quá độ còn tồn tại bốn hình thức sở hữu chính: sở hữu nhà nước (toàn dân), sở hữu tập thể của nhân dân lao động, sở hữu của người lao động riêng lẻ và sở hữu tư bản. Trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo.

+ Về lực lượng sản xuất: “nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến”¹

Theo Hồ Chí Minh, công nghiệp hoá là qui luật tất yếu và phổ biến đối với các nước lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- **Xây dựng nền văn hoá mới:**

+ Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản về mặt giải phóng con người. Văn hóa - tư tưởng không phụ thuộc một cách máy móc vào điều kiện sinh hoạt vật chất, vào mức sống mà có thể đi trước một bước. Với Việt Nam, một trong những nhiệm vụ hàng đầu là cố gắng phát triển văn hoá, như một điều kiện để cải tạo, xây dựng xã hội mới cả trong đời sống hàng ngày của từng người, từng gia đình, từng tập thể. Văn hoá soi đường cho quốc dân đi. Chủ nghĩa xã hội gắn liền với văn hoá.

+ Cán bộ phải có văn hoá làm gốc. Người lao động cũng cần phải có văn hoá.

- Xây dựng quan hệ xã hội: công bằng, dân chủ thực sự; các chính sách xã hội được quan tâm thực hiện; đạo đức - lối sống xã hội phát triển lành mạnh. Đặc biệt quan tâm giải phóng phụ nữ: “Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”²

¹ HCM, Sđd, T.10, tr.310

² HCM, Sđd, T.9, tr.523

- **Xây dựng con người** xã hội chủ nghĩa.

+ Con người với những phẩm chất: có tinh thần và năng lực làm chủ, có đạo đức cách mạng, có kiến thức khoa học - kỹ thuật, nhạy bén với cái mới, có tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm.

+ Con người là nguồn lực quan trọng nhất để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Để hoàn thành được những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, đi theo Hồ Chí Minh là phải nhận thức, vận dụng và phát huy tất cả các động lực của chủ nghĩa xã hội.

b. Các động lực của chủ nghĩa xã hội:

Động lực là tất cả những nhân tố góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua hoạt động của con người.

Hệ thống động lực của chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú. Xét đến cùng, các động lực muốn phát huy được tác dụng đều phải thông qua con người, do đó bao trùm lên tất cả vẫn là động lực con người – con người trên cả hai bình diện cộng đồng và cá nhân.

- Động lực con người trên bình diện cộng đồng:

Con người trên bình diện cộng đồng bao gồm tất cả các tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, trí thức, địa chủ yêu nước, giai cấp tư sản dân tộc... các tổ chức và đoàn thể, các dân tộc và tôn giáo, đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài... Phát huy sức mạnh đoàn kết của cả cộng đồng dân tộc - động lực chủ yếu để phát triển đất nước.

- Động lực con người trên bình diện cá nhân.

Sức mạnh cộng đồng được hình thành từ sức mạnh của cá nhân, thông qua sức mạnh của từng cá nhân. Do đó, muốn phát huy được sức mạnh của cộng đồng, phải tìm ra các biện pháp khơi dậy, phát huy động lực của mỗi cá nhân.

* Biện pháp khai thác tối đa động lực con người trên bình diện cộng đồng và bình diện cá nhân theo tư tưởng Hồ Chí Minh

+ Tác động vào nhu cầu và lợi ích kinh tế của con người.

Coi trọng tác dụng của các đòn bẩy kinh tế. Thời Hồ Chí Minh - vật chất chưa có sức kích thích hàng đầu như trong cơ chế thị trường hiện nay, nhưng

Người đã nhìn thấy cơ chế nhu cầu - lợi ích và thực hiện trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân: ruộng đất cho dân cày, nhà máy cho công nhân...

+ Tác động vào khía cạnh chính trị - tinh thần của con người.

HỒ Chí Minh rất thành công trong việc tác động vào khía cạnh chính trị - tinh thần của con người.

+ Xây dựng và cổ vũ cho lý tưởng cách mạng cao cả của người cách mạng. Sự phấn đấu quên mình trong kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc của nhiều thế hệ người Việt Nam là một minh chứng.

+ Phát huy quyền làm chủ và ý thức làm chủ của lao động: quyền chủ sở hữu; chủ quá trình phân phối; phát huy ý thức, tâm lý làm chủ, tự lo toan gánh vác, không ỷ lại, biết quản lý...

+ Thực hiện công bằng xã hội: không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng; công bằng không có nghĩa là cào bằng, làm triệt tiêu động lực kinh tế, xã hội; tránh do thiếu công bằng dẫn đến bùng nổ những xung đột xã hội.

+ Sử dụng vai trò điều chỉnh của các nhân tố tinh thần khác: văn hoá, đạo đức, pháp luật... như: phát triển dân trí, ràng buộc quan hệ pháp lý- đạo đức, nhu cầu hướng thượng.

- Ngoài ra, trong hệ thống các động lực của chủ nghĩa xã hội, HỒ Chí Minh còn đề cập đến vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực cơ chế, chính sách của Nhà nước, vai trò của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, kinh nghiệm và sự ủng hộ của quốc tế, khoa học, kỹ thuật... như là những động lực quan trọng.

- Khắc phục các trở lực kìm hãm sự phát triển của CNXH

+ Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân.

+ Đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

+ Chống mất đoàn kết, vô kỷ luật

+ Chống bảo thủ, giáo điều, lười biếng, không chịu tiếp thu cái mới.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc diễn ra trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo ra những tiền đề vật chất và tinh thần cần thiết để hình thành một xã hội trong đó những nguyên tắc căn bản của xã hội chủ nghĩa từng bước được thực hiện. Giai cấp công nhân giành

được chính quyền nhà nước là điều kiện tiên quyết để có thể bắt đầu thời kỳ quá độ và kéo dài cho đến khi chủ nghĩa xã hội tạo ra được những cơ sở của bản thân nó trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

1. VỀ THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

a. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin về thời kỳ quá độ

- Tính tất yếu của thời kỳ quá độ:

Giữa xã hội TBCN và xã hội CSCN cần một thời kỳ quá độ là vì:

Thứ nhất, xã hội tư bản và xã hội xã hội chủ nghĩa là hai xã hội khác nhau một cách căn bản. Xã hội xã hội chủ nghĩa không tự phát nảy sinh trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa và nó cũng không thể trở thành chủ nghĩa xã hội ngay lập tức khi giai cấp công nhân giành được chính quyền mà nó là kết quả của một quá trình cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

Thứ hai, Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp khó khăn, phức tạp, chưa từng có trong lịch sử. Do vậy cần phải có một thời kỳ quá độ để thay đổi những yếu tố tư bản chủ nghĩa thành các yếu tố của chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, thời kỳ quá độ là tất yếu đối với tất cả các nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng thời gian quá độ dài ngắn, mức độ khó khăn, phức tạp ít hay nhiều tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi nước.

- Các hình thức quá độ:

C.Mác và F.Ăngghen nói về hình thức quá độ từ các nước tư bản phát triển cao. Ở đó cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội đã được chủ nghĩa tư bản chuẩn bị tương đối đầy đủ, đó là hình thức *quá độ trực tiếp*.

V.I. Lênin vận dụng lý luận về thời kỳ quá độ của C.Mác và F.Ăngghen, xuất phát từ tình hình nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười (1917), Lênin đã nêu luận điểm về hai loại hình quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội: *quá độ trực tiếp* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và *quá độ gián tiếp* từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- *Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

+ Biến đổi cách mạng toàn bộ đời sống xã hội. Sự đan xen giữa yếu tố cũ và mới trong tất cả các lĩnh vực. “Danh từ quá độ có nghĩa là gì? vận dụng vào kinh tế, có phải nó nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảng của chủ nghĩa tư bản lẫn xã hội chủ nghĩa không? bất cứ ai cũng thừa nhận là có”¹. Đặc biệt là về chính trị. Các Mác cho rằng: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa, là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã

¹ V.I. Lênin, Toàn tập, NXB tiến bộ M. 1977 T.36, tr. 362

hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản”¹

+ Thời kỳ đấu tranh giai cấp quyết liệt.

Thực tiễn những năm qua cho thấy nhận định tổng quát trên có tính nguyên tắc. Mọi ảo tưởng mang tính chất hữu khuynh cho rằng trong thời kỳ quá độ mâu thuẫn đối kháng mất đi, chỉ còn mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân và có thể khắc phục thông qua “thi đua”, “hợp tác” trong lao động đều là sai lầm và có hại.

+ Những bước tiến đạt được trong thời kỳ quá độ gắn liền với những thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội và chỉ đạt được thông qua lao động sáng tạo của quần chúng nhân dân.

b. Quan niệm của Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Những vấn đề có tính nguyên tắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ.

Trên cơ sở vận dụng lý luận về cách mạng không ngừng, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin, và xuất phát từ tình hình thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: Việt Nam sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Về thực chất đây là loại hình quá độ gián tiếp đã được Lênin luận giải bước đầu. Theo Hồ Chí Minh trong khi thực hiện thời kỳ quá độ cần đặc biệt lưu ý:

+ Có hai phương thức quá độ chủ yếu: quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản phát triển lên chủ nghĩa xã hội và quá độ gián tiếp từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội. *Việt Nam thực hiện quá độ gián tiếp.*

+ Cần nhận thức rõ tính qui luật chung và đặc điểm lịch sử cụ thể của mỗi nước khi bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, tùy theo hoàn cảnh cụ thể mà phát triển theo con đường khác nhau.

Mác chủ yếu đề cập đến loại hình thứ nhất. Lênin đề cập cả hai loại hình. Nhưng loại hình thứ hai chỉ nêu lên ở dạng khái quát, có tính định hướng. Hồ Chí Minh đã kiến giải phương thức quá độ gián tiếp cụ thể tại một nước chậm phát

¹ C. Mác - Ph.Ăngghen, Tuyển tập, NXB Sự thật, HN, 1983; T. 4, tr. 491

triển đi lên chủ nghĩa xã hội như Việt Nam về: con đường, hình thức, bước đi và cách làm cho phù hợp với đặc điểm kinh tế-xã hội, văn hoá-xã hội Việt Nam.

- Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo Hồ Chí Minh là:

+ Về chính trị, Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới không bắt đầu bằng một cuộc đảo lộn chính trị giành chính quyền.

Sau khi cơ bản hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nền chuyên chính dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân dựa trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân, trí thức đã được củng cố vững chắc. Từ chế độ dân chủ nhân dân, Việt Nam tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Đặc điểm chính trị này được Hồ Chí Minh hết sức lưu ý, luận chứng đầy đủ.

+ Về kinh tế, Việt Nam từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh giải thích rõ đặc điểm này: Đế quốc Pháp để lại cho ta một nền kinh tế què quặt, nghèo nàn. Trong nông nghiệp, sản xuất nhỏ chiếm đại bộ phận, kỹ thuật vô cùng lạc hậu. Công nghiệp nhỏ bé và lẻ tẻ. Nông nghiệp và công nghiệp lại bị tàn phá nặng nề trong nhiều năm chiến tranh. Do vậy, nhiều khó khăn, mâu thuẫn ta cần phải giải quyết là tìm con đường và những hình thức phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam, không được nóng vội, chủ quan, duy ý chí.

+ Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện vừa có hoà bình vừa có chiến tranh, thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng, vừa tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và vừa tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

+ Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện quốc tế có nhiều thuận lợi. Chủ nghĩa xã hội đã thành công ở nhiều nước, chúng ta nhận được sự hỗ trợ, hợp tác nhiều mặt từ bên ngoài theo tinh thần quốc tế vô sản chân chính. Nhưng mặt khác lại luôn luôn bị chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tìm cách phá hoại công cuộc hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, đồng thời phải biết tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi, hạn chế những khó khăn, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Những đặc điểm trên quy định bản chất và tính chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Thực chất thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Là thời kỳ đấu tranh giai cấp quyết liệt, thể hiện tập trung ở quá trình biến nền sản xuất nhỏ, lạc hậu thành nền sản xuất lớn, hiện đại. Tập trung phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất mới, xác lập các tiền đề vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội nhằm tăng cường và phát huy sức mạnh tổng hợp của chế độ xã hội mới. Sự nghiệp phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân là cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp trong điều kiện mới. Trong thời kỳ quá độ phải áp dụng toàn diện các hình thức đấu tranh với những nội dung mới cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, chống các thế lực đi ngược lại con đường xã hội chủ nghĩa.

- Về độ dài của thời kì quá độ.

Lúc đầu dựa theo kinh nghiệm của Liên Xô và Trung Quốc, Hồ Chí Minh cũng dự đoán “chắc sẽ đòi hỏi ba, bốn kế hoạch dài hạn, nếu nhân dân ta cố gắng thì có thể rút ngắn hơn”. Nhưng quan niệm này, chỉ sau đó ít lâu đã được Hồ Chí Minh điều chỉnh lại. Người xác định, đây là *thời kì lịch sử lâu dài, đầy khó khăn* vì mâu thuẫn của thời kỳ quá độ ở nước ta là mâu thuẫn giữa yêu cầu phải tiến lên xây dựng một chế độ xã hội mới có kinh tế công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, có văn hóa, khoa học tiên tiến với thực trạng nền kinh tế lạc hậu, kém phát triển, đồng thời phải thường xuyên đối phó với các thế lực chống phá chủ nghĩa xã hội.

Người nói: “Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất”¹ là vì phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xây dựng lực lượng sản xuất mới; xoá bỏ chế độ áp bức, bóc lột.

- Tính chất phức tạp, khó khăn, lâu dài, tuần tự của thời kỳ quá độ được Hồ Chí Minh luận giải trên các phương diện:

+ Là cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt đời sống xã hội. Vì vậy phải giải quyết hàng loạt các mâu thuẫn khác nhau.

+ Là sự nghiệp còn hết sức mới mẻ, Đảng và Nhà nước ta chưa có kinh nghiệm nên khó tránh khỏi vấp vấp, khó khăn. Xây dựng xã hội mới bao giờ cũng khó khăn phức tạp hơn là đánh đổ xã hội cũ đã lỗi thời.

+ Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội luôn bị các thế lực thù địch trong và ngoài nước chống phá.

¹ HCM, Sđd, T.8, tr.493

Như vậy, theo HỒ Chí Minh, những khó khăn phức tạp, lâu dài của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa bắt nguồn từ những nguyên nhân khách quan, vừa bắt nguồn từ những nhân tố chủ quan. Từ việc chỉ rõ tính chất của thời kỳ quá độ, HỒ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội phải:

- + Thận trọng, tránh nôn nóng, chủ quan, đốt cháy giai đoạn.
- + Xác định đúng bước đi và hình thức phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất.
- + Tận dụng triệt để các lợi thế nội sinh của dân tộc và sức mạnh của thời đại.
- + Phải biết kết hợp các khâu trung gian, quá độ, tuần tự, từng bước từ thấp đến cao.

Theo HỒ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi một năng lực lãnh đạo mang tính khoa học nghiêm ngặt, hiểu biết các quy luật vận động của xã hội, lại phải có nghệ thuật khôn khéo, sát với tình hình thực tế. Những nguyên tắc phương pháp luận này phải được tuân thủ trong suốt thời kỳ quá độ và áp dụng riêng cho từng lĩnh vực cụ thể, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế.

- Về nhiệm vụ của thời kỳ quá độ:

Theo HỒ Chí Minh, chúng ta phải cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, trong đó việc xây dựng xã hội mới là nhiệm vụ then chốt và lâu dài.

Xây dựng nền tảng vật chất của chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội.

- Về những nhân tố đảm bảo thắng lợi của thời kỳ quá độ:

- + Giữ vững, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.
- + Nâng cao vai trò quản lý của nhà nước
- + Phát huy tính tích cực của các tổ chức chính trị- xã hội.
- + Xây dựng đội ngũ cán bộ có tài, có đức.

2. Về bước đi, phương thức và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a. Về bước đi của thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

Căn cứ vào đặc điểm, tính chất của thời kỳ quá độ ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ ra bước đi của thời kỳ quá độ: làm dần dần, qua nhiều bước, “bước ngắn, bước dài tùy theo hoàn cảnh”, “đi bước nào vững chắc bước ấy, cứ tiến dần dần”.

+ Trong cải tạo nông nghiệp: cải cách ruộng đất - tổ đổi công - hợp tác xã bậc thấp - hợp tác xã bậc cao. Người nói “... lúc đầu là cải cách ruộng đất, sau tiến lên một bước là tổ chức tổ đổi công sao cho tốt, cho khắp, lại tiến lên hình thức hợp tác xã dễ dàng, rồi tiến lên hợp tác xã cao hơn...”¹.

+ Trong phát triển công nghiệp: ưu tiên nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ, sau mới đến công nghiệp nặng. Người đề phòng bệnh duy ý chí: mấy năm kháng chiến, ta chỉ có nông thôn, bây giờ mới có thành thị... nếu muốn công nghiệp hóa gấp là chủ quan... Ta cho nông nghiệp là quan trọng và ưu tiên, rồi đến tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ, sau mới đến công nghiệp nặng, “làm trái với Liên Xô cũng là mácxít”

b. Về phương pháp, biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

Xuất phát từ điều kiện riêng của Việt Nam về kinh tế - xã hội, con người, truyền thống lịch sử - văn hoá dân tộc, nên “ta không thể giống Liên Xô,... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội ”².

Hồ Chí Minh yêu cầu phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo, học tập kinh nghiệm nước ngoài song chống giáo điều rập khuôn, phải tìm cách làm phù hợp với Việt Nam.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc: kết hợp giữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Vừa sản xuất vừa chiến đấu, vừa chống giặc cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Theo đánh giá của nhiều nhà lý luận nước ngoài, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh có chiến tranh là một sáng tạo độc đáo của Hồ Chí Minh, phản ánh đúng thực tế và quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Kết hợp cải tạo và xây dựng, xây dựng là chủ yếu.

- Đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân, mưu cầu hạnh phúc cho dân, đó là chủ nghĩa xã hội nhân dân.

¹ HCM, Sđd, T.8, tr.226

² HCM, Sđd, T.8, tr.227

HỒ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò quyết định của biện pháp tổ chức thực hiện: chỉ tiêu một, biện pháp mười, quyết tâm hai mươi....có như thế mới thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY.

Tư tưởng HỒ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là cơ sở lý luận, phương pháp luận chỉ đạo quá trình đổi mới. Thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VII, VIII, IX.

1. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng HỒ Chí Minh.

Trong hơn 70 năm qua, Đảng ta, nhân dân ta luôn kiên trì con đường cách mạng mà HỒ Chí Minh đã lựa chọn cho dân tộc và đã đạt được những thành tích vẻ vang cả trong cách mạng giải phóng dân tộc và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sự lựa chọn đó đã và đang được thực tiễn lịch sử dân tộc chứng minh tính đúng đắn, phù hợp quy luật vận động chung của tiến bộ nhân loại.

2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, trước hết là nguồn lực nội sinh để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Đổi mới là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hành dân chủ rộng rãi theo tư tưởng HỒ Chí Minh.

3. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Trên cơ sở phát huy tối đa sức mạnh nội sinh, phải ra sức tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Giữ vững và tăng cường bản lĩnh, bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và quốc tế.

4. Xây dựng Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, thực hiện cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Xây dựng Đảng vững mạnh.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ Đảng, Nhà nước vừa có đức vừa có tài, “vừa hồng vừa chuyên”.

- Tăng cường liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.
- Tích cực chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm.
- Thực hiện nghiêm minh pháp luật.

Nội dung ôn tập:

1. Phân tích con đường hình thành tư duy HỒ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội.

2. Phân tích quan niệm của HỒ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội.

3. Phân tích tư tưởng HỒ Chí Minh về con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. Trình bày sự vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng ta trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

CHƯƠNG 5
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC,
VỀ KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI

(06: 04-02)

I- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Đảng lãnh đạo nhân dân làm cách mạng xây dựng xã hội mới. Sự nghiệp ấy chỉ có thể được thực hiện bằng sức mạnh của cả dân tộc, bằng đại đoàn kết dân tộc. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh quan niệm: đại đoàn kết dân tộc là một trong những nhân tố quan trọng nhất bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề đại đoàn kết dân tộc.

Trong bộ sách HỒ Chí Minh, Toàn tập, các bài đề cập vấn đề đại đoàn kết dân tộc chiếm tỷ lệ trên 40%. Trong *Sửa đổi lối làm việc*, Người đã 16 lần nói đến đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc; trong *Bài nói tại buổi khai mạc Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt* là 17 lần; trong *Diễn văn kỷ niệm Quốc khánh 1957*, 19 lần Người nhắc đến cụm từ đại đoàn kết.

Với cương vị là lãnh tụ tối cao của Đảng, của toàn dân 24 năm liền, Hồ Chí Minh đã tập hợp, quy tụ được các dân tộc, các giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo, nhân sĩ trí thức yêu nước, đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài, xây dựng thành công khối đại đoàn kết dân tộc trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người đã trở thành linh hồn của khối đại đoàn kết dân tộc rộng rãi và bền vững.

Đại đoàn kết dân tộc rõ ràng là một nội dung xuyên suốt trong tư tưởng cũng như trong hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh.

Trong những cống hiến to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Người là một cống hiến đặc sắc, có giá trị lý luận và giá trị thực tiễn hết sức quan trọng. Tư tưởng của Người trở thành ngọn cờ tư tưởng của Đảng và thấm sâu vào suy nghĩ, hành động của tất cả những người Việt Nam yêu nước, nó đã hóa thành sức mạnh, thành động lực của sự phát triển đất nước Việt Nam.

1. Những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Tư tưởng HỒ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc được hình thành trên những cơ sở tư tưởng - lý luận và thực tiễn rất phong phú.

a. Cơ sở lý luận:

- **Truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, tinh thần cố kết cộng đồng dân tộc.**

Do điều kiện địa lý tự nhiên nên lịch sử của dân tộc Việt Nam là lịch sử của quá trình đương đầu, khắc phục thiên tai. Chính trong cuộc đấu tranh với tự nhiên đòi hỏi các thành viên, các dân tộc phải đoàn kết, kề vai sát cánh lại với nhau....

Do điều kiện địa - chính trị. Việt Nam luôn phải đương đầu với các thế lực xâm lược lớn mạnh gấp bội và chúng đều thực hiện chính sách chia để trị. Thực tiễn đó đòi hỏi dân tộc Việt Nam phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối chống lại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực xâm lược.

Từ hoàn cảnh đặc biệt trên, đã hình thành ở mỗi người Việt Nam các phẩm chất:

+ Tình cảm tự nhiên: “Nhiều điều phủ lấy giá gương. Người trong một nước phải thương nhau cùng”;

+ Triết lý nhân sinh: “Một cây làm chẳng nên non. Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”;

+ Phép ứng xử và tư duy chính trị: “Tình làng, nghĩa nước”; “Nước mất thì nhà tan”; “Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh”.

+ Phép đánh giặc, giữ nước: “Tập hợp bốn phương mạnh mẽ”, “Trên dưới đồng lòng, cả nước chung sức”, “Tướng sĩ một lòng phụ tử”, “Khoan thư sức dân làm sâu rễ bền gốc”, “Chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”...

Các giá trị trên đã được hình thành và củng cố trong hàng nghìn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, tạo thành một truyền thống bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn mỗi con người Việt Nam. Tinh thần, ý thức ấy đã tạo nên sức mạnh vô địch của dân tộc để chiến thắng thiên tai, địch họa, làm cho đất nước trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

HỒ Chí Minh đã sớm hấp thụ được truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc. Người đánh giá: "Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự hiểm nguy, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước". Để phát huy truyền thống quý báu đó phục vụ cho cách mạng,

Người yêu cầu Đảng và Nhà nước "Phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến"¹.

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin:

+ Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử; giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng phải trở thành dân tộc; liên minh công nông là cơ sở để xây dựng lực lượng to lớn của cách mạng; đoàn kết dân tộc phải gắn với đoàn kết quốc tế... Đây là cơ sở lý luận quan trọng đối với quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

+ Sự cần thiết và con đường tập hợp, đoàn kết các lực lượng cách mạng trong phạm vi từng nước và trên toàn thế giới để giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được tinh thần, những vấn đề cốt lõi nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhờ đó Người đã có cơ sở khoa học để đánh giá chính xác yếu tố tích cực cũng như những hạn chế trong các di sản truyền thống, trong tư tưởng tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước Việt Nam tiền bối và các nhà cách mạng lớn trên thế giới, những bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc cách mạng các nước... từ đó hình thành và hoàn chỉnh tư tưởng của Người về đại đoàn kết dân tộc.

b) Cơ sở thực tiễn

- Tổng kết kinh nghiệm của phong trào cách mạng Việt Nam.

- Tổng kết kinh nghiệm của phong trào cách mạng trên thế giới, nhất là cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa (Trung Quốc, Ấn Độ).

Những thành công hay thất bại của các phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới đều được Người nghiên cứu để rút ra những bài học về tập hợp lực lượng, về đại đoàn kết dân tộc.

2. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

a. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, H.2000, T.6, tr.172

- Cách mạng muốn thắng lợi phải có lực lượng và lực lượng đó phải đủ mạnh để chiến thắng kẻ thù, xây dựng thành công xã hội mới. Muốn có lực lượng phải thực hành đoàn kết, vì "đoàn kết là lực lượng". Trước hết là đại đoàn kết dân tộc.

- Theo HỒ Chí Minh, để thực hiện đại đoàn kết dân tộc, điều căn bản là:

+ Phân biệt rõ bạn và thù.

+ Tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được.

+ Có chính sách và phương pháp tập hợp cho phù hợp với những đối tượng khác nhau, trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng. *Tìm sự đồng thuận xã hội.*

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của HỒ Chí Minh có ý nghĩa chiến lược. Nó là một tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam.

HỒ Chí Minh đã nêu ra luận điểm có tính chân lý:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công".

b. Đại đoàn kết là một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng

Theo HỒ Chí Minh, đại đoàn kết không chỉ là phương pháp tập hợp, tổ chức lực lượng cách mạng, mà cao hơn và được xác định cụ thể là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.

- HỒ Chí Minh khẳng định: **mục đích** của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm 8 chữ: "Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc". "Như vậy, đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt xuyên suốt trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Điều này đòi hỏi Đảng phải xây dựng được một đường lối chiến lược phù hợp với nguyện vọng, quyền lợi của đại đa số dân chúng, và chỉ có như vậy Đảng mới có thể thu hút và phát huy triệt để sức mạnh của quần chúng vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng.

- Đại đoàn kết dân tộc là **nhu cầu khách quan** của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng. Vai trò của Đảng là thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn, chuyển những nhu cầu tự nhiên, tự phát của quần chúng thành nhu cầu tự giác, thành hiện thực có tổ chức. Vì vậy, HỒ Chí Minh lưu ý: "Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị". Như vậy, đại đoàn kết dân tộc không phải chỉ là mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng mà còn là mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc.

c. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

- *Đối tượng đại đoàn kết dân tộc*: dân, nhân dân, toàn dân (quần chúng nhân dân).

Trong tư tưởng HỒ Chí Minh, các khái niệm “dân”, “nhân dân”, có nội hàm rất rộng. Người dùng các khái niệm này để chỉ “mọi con dân nước Việt, mỗi một người con Rồng cháu Tiên”, không phân biệt dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, người có tín ngưỡng với người không tín ngưỡng, không phân biệt “già, trẻ, gái trai, giàu nghèo, quý tiện”, ở trong nước hay ở nước ngoài.

Như vậy, “dân”, “nhân dân” vừa là tập hợp đông đảo quần chúng, vừa được hiểu là mỗi con người Việt Nam cụ thể.

Chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc: "Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ". Ta ở đây vừa là Đảng, vừa là mọi người dân của Tổ quốc Việt Nam. Với tinh thần đoàn kết rộng rãi, Người đã dùng khái niệm đại đoàn kết dân tộc để định hướng cho việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình của cách mạng Việt Nam.

- *Mục đích của đoàn kết*. Nói đến đại đoàn kết dân tộc cũng có nghĩa phải tập hợp được mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh vì mục đích xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào phong trào cách mạng thế giới.

- *Điều kiện thực hiện đại đoàn kết dân tộc*:

+ Tìm ra mẫu số chung của đại đoàn kết.

Mẫu số chung để quy tụ mọi người vào khối đại đoàn kết dân tộc chính là nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc, là cuộc sống tự do và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam.

+ Phát huy truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc.

+ Niềm tin vào con người; khoan dung, độ lượng với con người.

HỒ Chí Minh có niềm tin ở nhân dân, tin rằng trong mỗi người, “ai cũng có ít hay nhiều tấm lòng yêu nước” tiềm ẩn bên trong. Tấm lòng yêu nước ấy có khi bị bụi bặm che mờ, chỉ cần làm thức tỉnh lương tri con người thì lòng yêu nước lại bộc lộ.

HỒ Chí Minh cho rằng ngay đối với những người lầm đường lạc lối nhưng đã biết hối cải, chúng ta vẫn kéo họ về phía dân tộc, vẫn đoàn kết với họ, mà hoàn toàn không định kiến, khoét sâu cách biệt.

Với tấm lòng độ lượng, bao dung, Người tha thiết kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước, không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đứng về phe nào, hãy thật thà cộng tác vì dân vì nước. Để thực hiện được đoàn kết, Người còn căn dặn: Cần xoá bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ để phục vụ nhân dân.

+ Xây dựng nền tảng, hạt nhân của đại đoàn kết toàn dân.

Dân tộc, toàn dân là khối rất đông bao gồm nhiều chục triệu con người. Muốn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc rộng lớn như vậy, thì phải xác định rõ đâu là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc và những lực lượng nào tạo nên cái nền tảng đó.

Lực lượng nền tảng là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác.

HỒ Chí Minh đã chỉ rõ: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”¹.

Lực lượng hạt nhân là liên minh công - nông - lao động trí óc.

Đoàn kết trong Đảng là trước tiên, là mực thước của đoàn kết trong xã hội. HỒ Chí Minh từng nhấn mạnh: phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con người của mắt mình.

Theo HỒ Chí Minh “Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất”². Về sau HỒ Chí Minh nêu thêm: lấy liên minh công - nông - lao động trí óc làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân. Nền tảng càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng có thể mở rộng, không sợ bất cứ thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc.

d. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc phải trở thành sức mạnh vật chất có tổ chức là Mặt trận dân tộc thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tư tưởng Đại đoàn kết dân tộc chỉ mang sức mạnh thực sự khi nó được hiện thực hoá khi toàn dân được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung, được tổ chức chặt chẽ, có đường lối chính trị đúng đắn, nội dung, hình thức, phương thức hoạt động phù hợp. Nếu không, quần chúng nhân dân dù có hàng triệu, hàng triệu con

¹ Sdd, H.2000, T.7, tr.438

² Sdd, H.2000, T.10, tr.18

người cũng chỉ là một số đông không có sức mạnh. Thất bại của các phong trào yêu nước trước kia đã chứng minh rất rõ vấn đề này.

- Xác định, xây dựng hình thức tập hợp, nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với từng đối tượng, từng bước phát triển của phong trào.

Tuỳ theo từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, Mặt trận dân tộc thống nhất có thể có những tên gọi khác nhau, (*Hội phản đế đồng minh* - 1930; *Mặt trận Dân chủ* - 1936; *Mặt trận Việt Minh* - 1941; *Mặt trận Liên Việt* - 1946; *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam* - 1960; *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* - 1955, 1976) nhưng thực chất chỉ là một - đó là tổ chức chính trị rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức và cá nhân yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập, thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân. Mặt trận phải có cương lĩnh, điều lệ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng.

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng theo những nguyên tắc sau đây:

Thứ nhất, phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công - nông - lao động trí óc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, từ đó mở rộng Mặt trận, làm cho Mặt trận thực sự quy tụ được cả dân tộc, tập hợp được toàn dân, kết thành một khối vững chắc.

Thứ hai, mặt trận hoạt động trên nguyên tắc hiệp thương dân chủ, lấy việc thống nhất lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân làm cơ sở để củng cố và không ngừng mở rộng, phát triển. Những lợi ích riêng biệt không phù hợp sẽ dần dần được giải quyết bằng lợi ích chung của dân tộc, bằng sự nhận thức ngày càng đúng đắn hơn của mỗi người, mỗi bộ phận về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Vấn đề này phải được xem xét và giải quyết thoả đáng bằng nguyên tắc hiệp thương dân chủ, không áp đặt hoặc dân chủ hình thức.

Thứ ba, đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành; thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Giữa các thành viên của khối đại đoàn kết dân tộc, bên cạnh những điểm tương đồng vẫn có những điểm khác nhau cần phải bàn bạc để đi đến nhất trí, bên cạnh những nhân tố tích cực vẫn có những nhân tố tiêu cực cần phải khắc phục. Để giải quyết vấn đề này, một mặt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm “cầu đồng tồn dị”, hướng tới cái chung, song không loại bỏ cái khác biệt, lấy cái chung

để hạn chế cái riêng, cái khác biệt; mặt khác, Người nêu rõ “Đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết”, khắc phục tình trạng đoàn kết xuôi chiều, phải nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình để biểu dương mặt tốt, khắc phục mặt chưa tốt, củng cố đoàn kết nội bộ.

- Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận.

+ Đảng là thành viên hăng hái nhất, tích cực nhất, thành viên hạt nhân của Mặt trận. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó chặt chẽ với phong trào yêu nước Việt Nam ngay từ sự ra đời của Đảng, thành phần trong Đảng gồm những người tiên tiến nhất thuộc mọi tầng lớp. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề máu thịt của Đảng. Đảng đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc. Đại bộ phận nhân dân coi Đảng là Đảng của mình. Do đó Đảng quy tụ được cả dân tộc.

“Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”¹

+ Đảng lãnh đạo Mặt trận bằng việc xác định chính sách Mặt trận; theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ: vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy lòng chân thành để đối xử, cảm hóa, kêu gọi tinh thần tự giác, tự nguyện.

Trong công tác mặt trận, Đảng “phải thành thực lắng nghe ý kiến của người ngoài Đảng. Cán bộ và đảng viên không được tự cao tự đại, cho mình là tài giỏi hơn mọi người; trái lại phải học hỏi điều hay điều tốt của mọi người... Cán bộ và đảng viên có quyết tâm làm như thế thì công tác Mặt trận nhất định sẽ tiến bộ nhiều”²

II- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI

Kế thừa tư tưởng của V.I.Lênin về tính tất yếu kết hợp sức mạnh giữa các nước chính quốc và thuộc địa trong cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh nhận định, trong thời đại mới, kẻ thù của cách mạng mang tính quốc tế, cách mạng mỗi nước là một bộ phận hữu cơ của cách mạng thế giới. Trong điều kiện đó, cách mạng muốn thành công phải có lực lượng mạnh mẽ ở trong nước, đồng thời phải có sự

¹ HCM, Sđd, T.3, tr.139

² Sđd, T.10, tr.606-607

Ủng hộ, giúp đỡ to lớn của cộng đồng quốc tế. Vì vậy, cần phải *đoàn kết trong đảng, đoàn kết dân tộc, kết hợp chặt chẽ với đoàn kết quốc tế*. Đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế đã tạo nên sức mạnh to lớn, là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh không những đã đưa cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi trọn vẹn, cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, mà còn góp phần xứng đáng vào phong trào cách mạng thế giới.

Sự nghiệp đổi mới ngày càng phát triển, quá trình hội nhập của nước ta vào nền kinh tế thế giới ngày càng được đẩy mạnh thì ý nghĩa của bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại càng có tính thời sự sâu sắc.

Thấm nhuần và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một điều kiện không thể thiếu để giúp chúng ta tìm ra những đối sách phù hợp, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục giành được những thắng lợi mới.

1. Mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Nhận thức của Hồ Chí Minh về sức mạnh truyền thống của dân tộc.*

+ Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, tinh thần dân tộc: Truyền thống yêu nước của nhân dân trở thành thành đạo lý, lẽ sống, phẩm chất của mọi người dân và tạo ra sức mạnh của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Biểu hiện: tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường (hàng ngàn năm Bắc thuộc nhưng Việt Nam không bị tiêu diệt, không bị đồng hóa; hàng trăm năm dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân với chính sách chia để trị và sự đầu độc về văn hoá song theo Hồ Chí Minh: dân Việt Nam không chết mà vẫn sống, sống mãi mãi). Hồ Chí Minh khẳng định: chủ nghĩa dân tộc chân chính là động lực lớn của đất nước.

+ Truyền thống đoàn kết dân tộc - là hệ quả tất yếu của chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường.

Nghiên cứu truyền thống đoàn kết trong lịch sử dân tộc, Hồ Chí Minh nhận xét: “Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì

nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”¹.

HỒ Chí Minh đã nhận rõ sức mạnh của truyền thống dân tộc và có phương pháp đúng đắn khơi dậy, dẫn dắt dân tộc phát huy sức mạnh tiềm ẩn và vô tận: sức mạnh lịch sử, sức mạnh của sự thông minh và lòng dũng cảm.

- *Nhận thức của HỒ Chí Minh về thời đại và sức mạnh của thời đại.*

+ Về sức mạnh của thời đại từ khía cạnh chính trị - xã hội::

Thứ nhất, sức mạnh chủ yếu nhất là sức mạnh của giai cấp vô sản. Điều này do địa vị kinh tế của giai cấp vô sản trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa quy định; do tính cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, hệ tư tưởng của giai cấp vô sản quyết định. Sức mạnh của giai cấp vô sản sẽ định hướng và làm nòng cốt trong việc thực hiện sự phát triển hợp quy luật của lịch sử.

Thứ hai, sức mạnh của nhân dân các dân tộc bị áp bức.

Từ thực tiễn hoạt động cách mạng sôi nổi và phong phú của mình, HỒ Chí Minh đã nhận rõ sức mạnh tiềm tàng của nhân dân thuộc địa: Người nói: sự tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc đã chuẩn bị đất sẵn rồi, chỉ còn phải gieo hạt giống cách mạng là sức mạnh ấy sẽ trỗi dậy và không có gì ngăn cản nổi.

Thứ ba, sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới (chi phối sự phát triển của xã hội loài người trong nửa cuối thế kỷ XX)

Thứ tư, sức mạnh của phong trào độc lập dân tộc, phong trào hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

+ Sức mạnh của thời đại từ khía cạnh kinh tế: trình độ của lực lượng sản xuất, của cách mạng khoa học - kỹ thuật là một động lực quan trọng trong phát triển xã hội.

Phát huy sức mạnh của thời đại là phải biết huy động sức mạnh của các trào lưu cách mạng trên thế giới phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

- *Tính tất yếu của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.*

Nhận thức tính tất yếu của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại ở HỒ Chí Minh xuất phát từ nhận thức chính trị:

+ Bản chất của chủ nghĩa tư bản, đế quốc là xâm lược và áp bức, bóc lột nhân dân các nước.

¹ Sdd, H.2000, T.3, tr.217

+ Nhân dân lao động ở cả chính quốc và thuộc địa đều là nạn nhân của chủ nghĩa tư bản, đế quốc.

+ Các thế lực đế quốc đã hình thành liên minh quốc tế, phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc thống trị, đàn áp phong trào đấu tranh ở các nước. Chúng sử dụng người lính, chủ yếu là những người lao động để đàn áp cách mạng thuộc địa, và ngược lại, tuyển mộ những người lính từ các thuộc địa, đưa sang đàn áp các cuộc đấu tranh cách mạng ở chính quốc. Sức mạnh vật chất chúng có được là từ việc bóc lột cả ở chính quốc và ở thuộc địa - như con đũa hai vôi.

+ Kẻ thù của tất cả các dân tộc thuộc địa và của cả nhân dân lao động ở các nước tư bản, đế quốc chỉ là một, đó chính là chủ nghĩa tư bản, đế quốc.

+ Để đánh thắng thế lực đế quốc, phải thực hiện sự liên minh chiến đấu giữa các dân tộc thuộc địa với nhau và với giai cấp vô sản ở chính quốc.

Như vậy, HỒ Chí Minh đã vượt lên trên các nhà yêu nước, các chí sỹ cách mạng đương thời ở việc Người đã nhận thức đúng đắn về thời đại, từ đó, phân biệt rõ kẻ thù và bạn đồng minh. Trên cơ sở đó, HỒ Chí Minh đã xác định rõ mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam

Từ khi HỒ Chí Minh tiếp xúc với *Sơ thảo lần thứ nhất các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin, Người đã nhận thức sâu sắc hơn về tính tất yếu của sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, xây dựng khối liên minh chiến đấu giữa vô sản ở chính quốc với lao động ở thuộc địa, nhằm phối hợp tiến công chủ nghĩa đế quốc.

- *Những hoạt động thực tiễn cách mạng của HỒ Chí Minh nhằm xác lập, đẩy mạnh sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.*

+ *Tuyên truyền*: tuyên truyền tư tưởng trên bằng cách viết bài trên các báo Le Paria, Huxmanitê; tranh thủ diễn đàn các Đại hội của Đảng Xã hội, Đảng Cộng sản.

+ *Tổ chức*: thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa (Pháp); Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức (Quảng Châu-Trung Quốc); thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; tham gia vào việc thành lập một số Đảng anh em ở các nước Đông Nam châu Á.

2. Nội dung tư tưởng HỒ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

- *Đặt cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong sự gắn bó với cách mạng vô sản thế giới.*

+ Xác định đúng đắn về giai cấp nào đang giữ vị trí trung tâm của thời đại, nội dung căn bản của thời đại, phương hướng phát triển chính của thời đại để có sự lựa chọn đúng, hành động đúng, phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại.

+ Thời đại mới đã chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra mối quan hệ quốc tế ngày càng rộng lớn giữa các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người

+ Xác định cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản. Gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới; khắc phục sự biệt lập, sự thiếu tin cậy lẫn nhau, sự thiếu phối hợp hành động và sự cổ vũ lẫn nhau của các dân tộc phương Đông; kiến nghị với Ban phương Đông Quốc tế Cộng sản về những biện pháp nhằm tăng cường sự hiểu biết giữa các dân tộc phương Đông; sự hiểu biết lẫn nhau giữa vô sản thuộc địa và vô sản chính quốc. Đấu tranh chống tư tưởng cơ hội của một số lãnh tụ Quốc tế II: Becxtanh, Cauxki; bảo vệ và phát triển quan điểm của Lênin về khả năng to lớn và vai trò chiến lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa đối với thắng lợi của giai cấp vô sản.

Như vậy, sức mạnh của dân tộc chỉ phát huy được đầy đủ và đưa đến thắng lợi khi nó kết hợp với lực lượng cách mạng của thời đại. Điều đó khẳng định, cách mạng giải phóng dân tộc, đấu tranh cho độc lập dân tộc phải hướng tới một xã hội văn minh, tiến bộ. Đó là chủ nghĩa xã hội.

- *Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.*

+ Tinh thần yêu nước chân chính là một bộ phận của tinh thần quốc tế.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước triệt để không thể nào tách rời với chủ nghĩa quốc tế vô sản, “nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế”¹.

Biểu hiện: không chỉ quan tâm đến lợi ích của nước mình mà còn phải quan tâm bảo vệ lợi ích của các dân tộc khác, vì những mục tiêu cao cả của thời đại: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội .

Hồ Chí Minh đề nghị các Đảng Cộng sản phải tiến hành giáo dục có hiệu quả chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế trong sáng cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước mình, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, vị

¹ Sdd, H.2000, T.6, tr.172

kỷ dân tộc, sôvanh... làm suy yếu sức mạnh đoàn kết, thống nhất của các lực lượng cách mạng thế giới.

+ Kết hợp lòng yêu nước với tinh thần quốc tế là phải phát triển chủ nghĩa yêu nước truyền thống thành chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, kết hợp lòng yêu nước với lòng yêu chủ nghĩa xã hội.

- Dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của nhân dân thế giới, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế.

+ Phát huy sức mạnh dân tộc, nguồn sức mạnh bên trong giữ vai trò quyết định, nguồn lực bên ngoài chỉ phát huy được tác dụng thông qua nội lực.

HỒ Chí Minh khẳng định: tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính; muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã; một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập¹; công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em; đem sức ta mà giải phóng cho ta.

Có như vậy, trong hợp tác quốc tế mới giữ vững được độc lập tự chủ, giữ vững định hướng chính trị; chủ động, tỉnh táo, sáng suốt trong việc phân biệt rõ bạn, thù .

+ Thực hiện nghĩa vụ quốc tế: giúp bạn tức là giúp mình vì giữa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế có mối quan hệ khăng khít.

- Mở rộng tối đa quan hệ hữu nghị, hợp tác, sẵn sàng “làm bạn với tất cả các nước dân chủ”.

+ Là sự thể hiện mang tính nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản, chủ nghĩa nhân văn cộng sản, là đòi hỏi của mỗi dân tộc trong điều kiện thời đại mới.

+ Quan điểm của HỒ Chí Minh được cụ thể hoá qua bằng các chính sách đối ngoại đối với từng loại đối tượng: các nước láng giềng, các nước trong khu vực... các quan điểm trên của HỒ Chí Minh đã đặt nền móng cho phương châm đa phương hoá, đa dạng hoá công tác đối ngoại của Đảng và Nhà Nước ta hiện nay.

HỒ Chí Minh là người đặt nền móng cho đường lối đối ngoại Việt Nam. Những hoạt động đối ngoại, ngoại giao của HỒ Chí Minh đã góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tóm lại, với trí tuệ thiên tài, với thái độ thiện chí, đức độ khiêm nhường, với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, HỒ Chí Minh đã vượt qua mọi trở ngại, khó khăn, để

¹ Sdd, H.2000, T.6, tr.522

ra được những đường lối, phương châm, phương pháp, đối sách... đúng đắn, phù hợp với tình hình đặc điểm của mỗi giai đoạn cách mạng, từ đó phát huy được tối đa sức mạnh dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại để đưa cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi.

Trong một thế giới có nhiều biến động, phức tạp như hiện nay thì việc quán triệt và thực hiện nội dung, nguyên tắc của tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại càng có ý nghĩa to lớn.

III- PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC KẾT HỢP VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

1. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh

- Những nhân tố khách quan và chủ quan đang thách thức tính bền vững của khối đại đoàn kết dân tộc.

+ *Về nhân tố khách quan:*

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, với 53 dân tộc anh em. Đất nước trải dài, địa hình hiểm trở, chia cắt phức tạp.

Các dân tộc thiểu số định cư chủ yếu ở biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa nên ít cơ hội tiếp xúc với các dịch vụ, phúc lợi xã hội, nền kinh tế thị trường, rất khó khăn trong phát triển kinh tế. Về khía cạnh địa – chính trị, các nơi đó là những vùng đất nhạy cảm. Các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng khó khăn về đời sống, trình độ dân trí thấp, những sai sót của các cấp, các ngành trong việc thực hiện chính sách dân tộc của ta để kích động, chia rẽ các dân tộc nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị.

Do lịch sử để lại: đồng bào các dân tộc thiểu số có trình độ văn hóa học vấn rất thấp, tập quán canh tác lạc hậu...

+ *Về nhân tố chủ quan:*

Nhận thức của các cấp, ngành, cán bộ, đảng viên... về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc, công tác dân tộc chưa sâu sắc, toàn diện.

Một số chính sách dân tộc chưa được cụ thể hoá và chưa được vận dụng phù hợp vào hoàn cảnh từng địa phương.

Bộ máy nhà nước, đoàn thể trong hệ thống chính trị còn quan liêu, xa dân...

Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, miền núi, thiếu về số lượng, yếu về năng lực tổ chức; cán bộ là người dân tộc chưa được quan tâm bồi dưỡng thỏa đáng.

Phẩm chất của đội ngũ cán bộ suy sút làm giảm lòng tin trong dân.

- Vận dụng tinh thần và phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh để xây dựng sự đồng thuận xã hội theo Nghị quyết Trung ương lần thứ bảy (khoá IX).

Đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay.

Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Phát triển toàn diện trên địa bàn miền núi.

Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc; công tác cán bộ, đào tạo cán bộ là người dân tộc.

Thực hiện đoàn kết dân tộc, công tác dân tộc, chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị.

2. Khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, nâng cao ý chí tự lực tự cường, giữ vững bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX.

Nhận thức sâu sắc tình hình đất nước, quốc tế và những nhiệm vụ nặng nề của cách mạng nước ta trong thời kì mới, Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc là động lực cơ bản của đất nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai; củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Đại đoàn kết dân tộc trong điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại trong xu thế khu vực hóa,

toàn cầu hóa kinh tế ngày càng phát triển, đòi hỏi phải củng cố sự đoàn kết trong phong trào cách mạng các nước, luôn giữ vững cao ngọn cờ hòa bình, độc lập, hợp tác và phát triển.

Đại đoàn kết dân tộc là yếu tố nội sinh có ý nghĩa quyết định. Đại đoàn kết dân tộc trước hết là nhằm tạo lực và thế vươn ra nước ngoài; ngược lại, mở cửa, hội nhập quốc tế là nhằm làm cho lực và thế ở trong nước ngày càng tăng thêm.

Nội dung ôn tập:

1. Phân tích những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc?
2. Phân tích nội dung sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại?
3. Phân tích tính tất yếu, nội dung và nguyên tắc cơ bản của kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh?
3. Trình bày sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại của Đảng ta trong bối cảnh quốc tế hiện nay?

**TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM,
VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN.**

(06: 04 - 02 tiết)

I. NHỮNG LUẬN ĐIỂM CHỦ YẾU CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định hàng đầu để đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.

Để thực hiện được mục tiêu của cách mạng là giành độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh xác định: "Trước hết phải có đảng cách mệnh"¹ - Đảng Cộng sản

- **Vị trí** của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng: Là nhân tố quyết định hàng đầu để đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.

- **Vai trò** của Đảng Cộng sản Việt Nam: "Trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi. Đảng có vững thì cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy"².

Vai trò đó biểu hiện thông qua các **nhiệm vụ chính** sau đây:

+ Đảng xác định đường lối, cương lĩnh, chủ trương và con đường phát triển dân tộc. Đó là con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng sáng tạo phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam. Con đường đó đã được lịch sử kiểm nghiệm là đúng đắn.

+ Đảng có sứ mệnh lãnh đạo, giáo dục, tổ chức giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc phấn đấu cho mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay và những thắng lợi mà dân tộc ta giành được trong hơn 70 năm qua đã chứng tỏ rằng cách mạng Việt Nam luôn luôn cần có Đảng Cộng sản dẫn đường, giống như con tàu cần người cầm lái vững vàng.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

¹ HCM, Toàn tập, T.2, tr.267-268

² Hồ Chí Minh, 2000, T.2, tr.267-268

- Ở châu Âu, Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân³.

- Ở Việt Nam, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và xuất phát từ thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh đã xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và tổng kết quy luật đặc thù về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam: Chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

Hồ Chí Minh đánh giá về giá trị của từng yếu tố trong việc ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam:

Về chủ nghĩa Mác-Lênin: Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin trong quá trình vận động thành lập Đảng. Học thuyết Mác-Lênin mang bản chất cách mạng và khoa học, trở thành thế giới quan, phương pháp luận, là nền tảng tư tưởng của cách mạng Việt Nam.

Về phong trào công nhân Việt Nam: Hồ Chí Minh đánh giá rất cao phong trào công nhân Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đầu thế kỷ XX, tuy còn ít về số lượng nhưng có đầy đủ những phẩm chất cần thiết để đảm nhận sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là khi họ giác ngộ lý luận tiên tiến là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Về phong trào yêu nước Việt Nam: Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của phong trào yêu nước. Phong trào yêu nước trở thành một trong ba yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930 là vì:

Thứ nhất: Yêu nước là nhân tố trường tồn trong lịch sử Việt Nam và đã trở thành chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Khi giai cấp công nhân ra đời và tiến hành đấu tranh thì phong trào yêu nước đã kết hợp được với phong trào công nhân. Vì cả hai phong trào này đều có chung mục tiêu độc lập dân tộc.

Thứ hai: Nói đến phong trào yêu nước, trước hết là nói đến phong trào nông dân, một lực lượng rất cơ bản và đông đảo ở nước ta đầu thế kỷ XX (chiếm trên 90% dân số). Cũng giống như giai cấp công nhân, giai cấp nông dân bị nhiều tầng áp bức, bóc lột. Giai cấp nông dân Việt Nam là bạn đồng minh tự nhiên với giai cấp công nhân. Ngay từ khi Đảng ta mới ra đời, với truyền thống đó, khối liên minh công nông được hình thành trong cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ Tĩnh. Trong liên minh công nông, giai cấp nông dân chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

³ Lênin. Những người bạn dân là thế nào (1894)

Thứ ba: Nói đến phong trào yêu nước, phải kể đến phong trào của tầng lớp trí thức, tiểu tư sản. Chính họ là lực lượng đóng vai trò không nhỏ thúc đẩy toàn bộ phong trào yêu nước phát triển mạnh từ giữa những năm 20 của thế kỷ XX. Khi được chủ nghĩa Mác - Lênin soi rọi, khi được phong trào công nhân tác động, nhiều tổ chức yêu nước, hoặc nhiều cá nhân của các tổ chức yêu nước đó chuyển sang lập trường của giai cấp vô sản. Thực tế ở Việt Nam, nhiều trí thức, tiểu tư sản đã giác ngộ, trở thành những người cộng sản.

Như vậy, từ khi chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Việt Nam, thì sự kết hợp giữa ba yếu tố: chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước ở Việt Nam đã dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930.

Ý nghĩa của luận điểm trên:

Luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam không những có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình cách mạng Việt Nam mà còn có ý nghĩa quốc tế, nhất là đối với những nước có hoàn cảnh tương tự Việt Nam:

- Với cách mạng Việt Nam, quan điểm trên đây có ý nghĩa đối với chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong các thời kỳ cách mạng của Đảng; đối với việc xây dựng, củng cố và tăng cường khối liên minh công, nông, trí thức; đối với việc tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân với đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam; đối với việc giải quyết mối quan hệ giữa Đảng - giai cấp - dân tộc cả trong cách mạng dân tộc dân chủ và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Việc kiên trì quan điểm về mối quan hệ khăng khít giữa chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước ở Việt Nam là cơ sở để giải quyết thành công vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Điều đó giúp Đảng Cộng sản Việt Nam khắc phục được khuyết điểm biệt phái, "tả" khuynh để tập hợp lực lượng toàn dân tham gia vào cuộc cách mạng vĩ đại của dân tộc.

- Đối với những nước có hoàn cảnh lịch sử như Việt Nam, luận điểm trên của Hồ Chí Minh có ý nghĩa tham khảo cho các Đảng Cộng sản nhìn nhận rõ hơn vị trí, vai trò của các lực lượng xã hội trong cuộc đấu tranh cách mạng

3. Đảng Cộng sản Việt Nam - "Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam"

Theo HỒ Chí Minh: Đảng Cộng sản Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam vì quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là thống nhất. "Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam".

Quan điểm này của Người không làm xóa nhòa bản chất giai cấp công nhân của Đảng và cũng không rơi vào quan điểm "đảng toàn dân", mà đây là một sự khẳng định bản chất giai cấp công nhân và tính chất quần chúng của Đảng. Đảng có vinh dự và trách nhiệm lớn lao "Đảng của dân tộc Việt Nam" nghĩa là Đảng phải làm sao cho mỗi người Việt Nam yêu nước luôn tự hào là Đảng của mình.

- Mục đích của Đảng là: "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản", "Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp đấu tranh để tiêu trừ đế quốc tư bản chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản".

Như vậy, theo HỒ Chí Minh: ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế lạc hậu chậm phát triển như Việt Nam, giai cấp công nhân còn ít về số lượng, thì cơ sở xã hội của Đảng không chỉ là giai cấp công nhân mà còn là cả nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam. Đây là một luận điểm sáng tạo của HỒ Chí Minh về Đảng Cộng sản.

Trong sự nghiệp đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã quán triệt quan điểm trên đây của HỒ Chí Minh và đã khẳng định trong Cương lĩnh chính trị tại Đại hội VII: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc".

4. Đảng Cộng sản Việt Nam phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm "cốt"

- Trong cuốn Đường Kách mệnh, HỒ Chí Minh cho rằng: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam".

Khái niệm "chủ nghĩa" được hiểu là một hệ thống lý luận làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của một đảng. Trên cơ sở hệ thống lý luận ấy và thực tiễn cách mạng, Đảng hoạch định cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách. Vào những năm đầu thế kỷ XX, HỒ Chí Minh khẳng định: "Bây giờ

học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”

- Khi khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, Hồ Chí Minh nhấn mạnh các vấn đề như:

- Việc tuyên truyền, học tập, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn phù hợp với từng đối tượng, từng hoàn cảnh cụ thể.

- Việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin phải phù hợp, sáng tạo với từng thời kỳ, từng nơi, chống giáo điều, xa rời các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Đảng Cộng sản còn cần phải làm giàu trí tuệ của mình bằng việc học tập, kế thừa những kinh nghiệm tốt của các Đảng Cộng sản khác trên thế giới.

- Bản thân mỗi Đảng Cộng sản phải chú ý tổng kết kinh nghiệm hoạt động thực tiễn cách mạng của mình để làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Đảng Cộng sản phải đấu tranh chống các luận điểm phản động, tư tưởng sai trái, cơ hội, xét lại chủ nghĩa Mác - Lênin; phải cùng với các đảng cộng sản khác đấu tranh nhằm thống nhất tư tưởng, xây dựng, củng cố phong trào cộng sản và công nhân quốc tế theo phương châm "có lý, có tình".

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm “cốt” tức là nắm vững tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lênin, nắm vững lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin, chống giáo điều, rập khuôn, máy móc.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam phải được xây dựng theo những nguyên tắc của Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

Đó là các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng trên cơ sở những nguyên tắc do Lênin đề ra:

5.1. Nguyên tắc tập trung dân chủ (là nguyên tắc tổ chức của Đảng)

- **Dân chủ.** Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải chú ý thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, Người cho rằng: "Phải thật sự mở rộng dân chủ để tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình; phải gom góp ý kiến của đảng viên để giúp đỡ Trung ương chuẩn bị Đại hội Đảng cho thật tốt".

- **Tập trung.** HỒ Chí Minh lý giải vấn đề tập trung trong Đảng là: thiếu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, bộ phận phục tùng toàn thể, tất cả đảng viên phải chấp hành vô điều kiện nghị quyết của Đảng... Người nhấn mạnh: "Đảng tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người".

- Mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ. HỒ Chí Minh chỉ rõ: "Tập trung trên nền tảng dân chủ" và "Dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung"¹.

5.2. Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách (là nguyên tắc lãnh đạo của Đảng)

Theo HỒ Chí Minh: "Tập thể lãnh đạo là dân chủ. Cá nhân phụ trách là tập trung. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách tức là dân chủ tập trung".

- Tập thể lãnh đạo mới huy động được toàn bộ trí tuệ đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc.

"Vì sao cần phải có tập thể lãnh đạo? Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù kinh nghiệm đến đâu, cũng chỉ trông thấy, xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể trông thấy và xem xét tất cả mọi mặt của một vấn đề. Vì vậy, cần phải có nhiều người; nhiều người thì nhiều kinh nghiệm. Người thì thấy rõ mặt này, người thì trông thấy rõ mặt khác của vấn đề đó.

Góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người thì vấn đề đó được thấy rõ khắp mọi mặt. Mà có thấy rõ khắp mọi mặt, thì vấn đề ấy mới được giải quyết chu đáo, khỏi sai lầm. Ý nghĩa của tập thể lãnh đạo rất đơn giản, chân lý của nó rất rõ rệt. Tục ngữ có câu "Đại bầy hơn khôn độc là nghĩa đó".

HỒ Chí Minh nhấn mạnh: "Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đưa đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc"

Với cương vị là người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta, HỒ Chí Minh luôn coi trọng tập thể. Người dám quyết đoán, nhất là trong tình huống phức tạp của tình hình, nhưng không bao giờ độc đoán.

- Cá nhân phụ trách, chuyên trách, chịu trách nhiệm thực hiện kế hoạch nhiệm vụ đã được trí tuệ tập thể xây dựng.

HỒ Chí Minh giải thích: "Vì sao cần phải cá nhân phụ trách? Việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao lại cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy.

¹ Trong *Thường thức chính trị*

Nếu không có cá nhân phụ trách, thì sẽ sinh ra cái tệ người này Ủy cho người kia, người kia Ủy cho người nọ, kết quả là không ai thi hành. Như thế thì việc gì cũng không xong. Tục ngữ có câu: "Nhiều sãi không ai đóng cửa chùa" là như thế".

Người còn chỉ rõ: nhưng không phải vấn đề gì nhỏ nhặt, vụn vặt, một người vẫn có thể giải quyết được, cũng đưa ra bàn, mới là tập thể lãnh đạo. Không thể vin vào "trách nhiệm cá nhân" để lấn át tập thể, chuyên quyền độc đoán, nhưng, "cá nhân phụ trách" đòi hỏi cá nhân có tinh thần trách nhiệm cao, dám chịu trách nhiệm trước công việc được giao, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, chủ động vì công việc chung của toàn Đảng. "Cá nhân phụ trách" hoàn toàn xa lạ với "chủ nghĩa cá nhân".

"Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau". Đây là tư tưởng nhất quán mang tính nguyên tắc. Ngay từ cuối những năm 20 của thế kỷ trước, Người đã ghi lên đầu cuốn *Đường cách mệnh*, phần "Tư cách của một người cách mệnh", trong đó có Quyết đoán, Dũng cảm, Phục tùng đoàn thể.

5.3. Nguyên tắc tự phê bình và phê bình (là nguyên tắc sinh hoạt của Đảng, là luật phát triển của Đảng)

Hồ Chí Minh nhấn rất mạnh tự phê bình và phê bình, coi đó là vũ khí sắc bén để làm cho Đảng ta trong sạch, vững mạnh. Người đặt tự phê bình lên trước phê bình, bởi vì mỗi người trước hết phải nhận thức rõ ưu và khuyết điểm của mình thì sau đó mới phê bình người khác tốt được.

- Vì sao phải phê bình và tự phê bình?

+ "Ai cũng có thiện, ác ở trong lòng", "Người đời không phải thánh, thần, không ai tránh khỏi khuyết điểm" trong cuộc sống, trong công tác. Vì vậy, "thang thuốc hay nhất là thiết thực phê bình và tự phê bình" để phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi.

+ Đảng bao gồm nhiều thành phần, tầng lớp trong xã hội, có nhiều người rất yêu nước, trung thành, rất hăng hái, kiên quyết cách mạng, thông minh, dũng cảm. Song trong Đảng cũng không tránh khỏi những tập tục, những tính nết, những khuyết điểm của xã hội bên ngoài lây ngấm vào; "không phải là người người đều tốt, việc việc đều hay". Do vậy, Đảng phải thường xuyên tự phê bình và phê bình để làm cho dần dần hết khuyết điểm, ưu điểm ngày càng nhiều thêm.

- Mục đích: "Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn".

- *Yêu cầu:*

+ "Triệt để, thật thà, không nể nang, không thêm bớt"

Theo HỒ Chí Minh: Nếu không kiên quyết thực hiện tự phê bình và phê bình thì cũng giống như giấu giếm bệnh tật trong mình, không dám uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm, nguy đến tính mạng. Cách phê bình phải "thành thật", "công khai", như vậy phải tránh thái độ "giấu bệnh sợ thuốc", một thái độ không thật thà, không đúng đắn, "chớ phê bình lung tung không chịu trách nhiệm"

+ Cái tâm trong sáng trong phê bình: phê bình "không phải để xoi mói", mà phải có "tính chất xây dựng", thấm đượm "lòng nhân ái", "không mỉa mai, nói xấu", không được trù dập người phê bình.

HỒ Chí Minh viết Di chúc từ tháng 5 - 1965. Từ đó cho đến năm 1969, năm nào Người cũng sửa chữa, bổ sung, có năm bổ sung rất nhiều. Riêng năm 1966, Người chỉ bổ sung một câu: "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau".

+ Thực hiện thường xuyên: Mỗi cán bộ, đảng viên hàng ngày phải kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt. Được như vậy thì trong Đảng sẽ không có bệnh mà Đảng sẽ mạnh khỏe vô cùng.

5.4. Kỷ luật nghiêm minh và tự giác.

Kỷ luật nghiêm minh và tự giác làm nên sức mạnh to lớn của Đảng.

- Nghiêm minh là thuộc về tổ chức Đảng: kỷ luật của Đảng là đối với mọi cán bộ, đảng viên, không phân biệt lãnh đạo hay đảng viên thường, mọi cán bộ, đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng.

- Tự giác là thuộc về mỗi cá nhân cán bộ, đảng viên đối với Đảng – một tổ chức của những người tự nguyện đứng trong một hàng ngũ để cùng chiến đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Theo HỒ Chí Minh “kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng”¹

- Kỷ luật Đảng:

+ Chấp hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng và tuân thủ các nguyên tắc tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt Đảng, các nguyên tắc xây dựng Đảng.

+ Nghiêm túc chấp hành pháp luật của Nhà nước và kỷ luật của các đoàn thể.

5.5. Đoàn kết thống nhất trong Đảng.

¹ Sdd, H.2000, T.5, tr.250

- Toàn Đảng phải thống nhất ý chí và hành động, phải bảo vệ sự đoàn kết thống nhất của Đảng như bảo vệ con ngươi của mắt mình.

- Sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, đặc biệt là sự đoàn kết thống nhất của cán bộ lãnh đạo là nòng cốt cho việc xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong nhân dân.

- Cơ sở để xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng là đường lối, quan điểm của Đảng và Điều lệ Đảng. Đây là cơ sở để tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, về tổ chức, từ đó có sự thống nhất về hành động của toàn Đảng, nhằm đưa đường lối, quan điểm của Đảng vào cuộc sống, biến các chủ trương của Đảng thành hành động cách mạng của quần chúng nhân dân.

- Xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bằng việc thực hiện và mở rộng dân chủ nội bộ để đảng viên tham gia bàn bạc đến nơi đến chốn những vấn đề hệ trọng của Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình với tinh thần trung thực, chân thành, thẳng thắn, tự nghiêm khắc với mình và có tình thương yêu đồng chí; thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.

6. Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Đảng phải thường xuyên chăm lo củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân.

- Xác định vai trò của Đảng và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên.

+ Đảng là người lãnh đạo giai cấp công nhân và dân tộc thực hiện thắng lợi mục tiêu lịch sử: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

+ Đảng là đầy tớ thật trung thành của nhân dân: vì mục đích của Đảng là phục vụ cho lợi ích, hạnh phúc của nhân dân. *Đảng cầm quyền, nhưng nhân dân là chủ.* Đảng không có quyền lợi gì của riêng mình, ngoài quyền lợi của giai cấp, của dân tộc.

Đảng vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

- Mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân. Dân là gốc của Đảng, là nguồn sinh lực vô tận cho Đảng.

Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, việc Đảng phải dựa chắc vào dân để đánh đổ ách ngoại xâm giành lấy chính quyền cách mạng là tự nhiên, ai cũng nhận thức được.

Trong thời kỳ Đảng cầm quyền, quan hệ giữa Đảng với dân càng phải được chú ý đặc biệt, bởi vì có thể có nhiều căn bệnh dễ nảy sinh làm tổn hại đến mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với dân.

Vì vậy, cán bộ, đảng viên phải:

- + "Biết ý kiến của dân chúng", tức là phải lắng nghe ý kiến của dân chúng.
- + Khiêm tốn "học dân chúng", nhưng không theo đuôi quần chúng.
- + "Nâng cao dân chúng": tức là nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của nhân dân.

Cả cuộc đời của Hồ Chí Minh là một tấm gương gần dân, hiểu dân và vì dân.

7. Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới.

Để xứng đáng là một Đảng tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc, Đảng phải thường xuyên chăm lo đến việc chỉnh đốn và đổi mới bản thân mình, nhằm làm cho Đảng thực sự trong sạch và vững mạnh. Đây là yêu cầu tự thân của một Đảng cách mạng chân chính.

Yêu cầu của một Đảng cách mạng, theo Hồ Chí Minh Đảng phải: “vừa là đạo đức, vừa là văn minh”.

- Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh nhìn thấy rõ tính hai mặt của quyền lực.

+ Sử dụng đúng quyền lực: Đảng có sức mạnh quyền lực rất to lớn để cải tạo cái cũ, xây dựng cái mới trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Quyền lực cách mạng bị tha hóa: con người nắm quyền lực có thể thoái hoá biến chất rất nhanh chóng, nếu đi vào con đường tham muốn quyền lực, chạy theo quyền lực, tranh giành quyền lực; và khi đã có quyền lực thì lợi dụng quyền lực, lạm quyền, lộng quyền, đặc quyền đặc lợi...

Vì vậy, Đảng phải đặc biệt quan tâm đến chỉnh đốn và đổi mới Đảng để hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi và tẩy trừ mọi tệ nạn do thoái hoá biến chất gây ra, trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền.

Hồ Chí Minh đã nêu một luận điểm quan trọng: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹. Luận điểm này là lời cảnh tỉnh sâu sắc đối với Đảng Cộng sản, đối với mỗi đảng viên cộng sản.

¹ Sdd, H.2000. T.12, tr.557-558

- Mỗi đảng viên phải thường xuyên tự rèn luyện, tổ chức Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn và đổi mới. Đặc biệt trước những bước chuyển của xã hội.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền. Trong đó, vấn đề cốt lõi làm lên bản chất của chính quyền đó là ở chỗ nó thuộc về ai, phục vụ cho quyền lợi của ai.

Ngay từ 1927, trong tác phẩm *Đường Cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: làm cách mạng thì làm đến nơi, tức cách mạng thành công thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, thế dân chúng mới được hạnh phúc.

Cách mạng thành công, nước nhà độc lập, Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ”.

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân¹.

Đây là sự khác biệt về bản chất giữa nhà nước của nhân dân với nhà nước của giai cấp bóc lột đã từng tồn tại trong lịch sử nhân loại.

a. Thế nào là nhà nước của dân ?

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tính chất “của dân” của nhà nước biểu hiện ở những nội dung cơ bản sau:

- *Thứ nhất*: Nhà nước của toàn thể nhân dân Việt Nam. Quyền lực chính trị thuộc về tất cả nhân dân. "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo", “Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết” (điều thứ nhất và điều thứ 32 - Hiến pháp 1946).

- *Thứ hai*: Nhân dân có quyền kiểm soát nhà nước. “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”².

Trong Nhà nước mới, nhân dân ở vị trí tối thượng và quyền của vị trí đó được bảo đảm trong thực tế, chứ không chỉ trên lời nói. Nhà nước phải bằng mọi nỗ lực xây dựng các thiết chế dân chủ để thực thi quyền làm chủ của người dân.

¹ Sdd, H.2000, T.5, tr.689

² Sdd, H.2000, T.9, tr.591

Cũng trên ý nghĩa đó, các vị đại diện của dân, do dân cử ra chỉ là người được uỷ quyền của dân, chỉ là “công bộc” của dân. Vì vậy, “Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”.

- *Thứ ba*: Trong nhà nước “của dân”, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ và có *nghĩa vụ* tuân theo pháp luật.

Như vậy, trong nhà nước Việt Nam mới, nhân dân có vị thế là chủ. Chủ thể của quyền lực nhà nước là nhân dân.

b. Thế nào là nhà nước do dân? là nhà nước mà trong đó nhân dân là lực lượng xây dựng, gìn giữ, hoàn thiện nhà nước; là lực lượng quyết định sự mạnh, yếu của nhà nước.

- Do dân lựa chọn, bầu ra đại biểu của mình.

- Do dân đóng thuế để nhà nước chi tiêu, hoạt động (sản xuất ra của cải vật chất, cung cấp tiền, của cho nhà nước hoạt động).

- Do dân ủng hộ, giúp đỡ (lực lượng thực hiện các chủ trương, kế hoạch nhà nước đề ra).

- Do dân phê bình xây dựng.

Người đóng góp của cải tinh thần, nguồn trí tuệ của Nhà nước là dân. Dân phát huy sáng kiến, Nhà nước phát hiện và hoàn chỉnh những sáng kiến ấy, để làm thành luật lệ và chính sách của mình, góp phần hoàn thiện nhà nước: một nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân thực sự.

Hồ Chí Minh khẳng định: có lực lượng dân chúng, việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được, không có thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra. Như vậy, mọi việc đều phải do lực lượng nhân dân thực hiện. Nếu nhân dân không ra tay, không có lực lượng nhân dân thì việc nhỏ mấy, dễ mấy làm cũng không xong¹. Nhà nước muốn làm bất cứ việc gì đều phải dựa vào sức dân thông qua việc huy động nhân tài, vật lực của dân. Không ai có thể làm thay quần chúng. Nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước là: ra sức tổ chức nhân dân, lãnh đạo nhân dân để giải phóng nhân dân.

c. Thế nào là nhà nước vì dân?

¹ Sdd, H.1995, T.6, tr.292

Theo HỒ Chí Minh nhà nước vì dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính.

HỒ Chí Minh chỉ rõ: Chính phủ là chính phủ của nhân dân chỉ có một mục đích là phụng sự cho lợi ích của nhân dân.

Có thể nói rằng: quan điểm này của HỒ Chí Minh là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tất cả các quá trình xây dựng một Nhà nước kiểu mới ở nước ta. Các Hiến pháp 1946, 1959, 1980 và 1992 đều thể hiện điều đó. Hiến pháp 1992 ghi rõ: Các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng” (điều 8).

Để có được nhà nước vì dân phải có điều kiện tiên quyết: nhà nước của dân, do dân tổ chức, xây dựng và kiểm soát trên thực tế mới có thể là nhà nước vì dân được.

Nhà nước vì dân biểu hiện ở những nội dung sau:

- Về yêu cầu thiết chế tổ chức:

+ Đó là bộ máy mà nhân dân thực hiện được quyền lực của mình; bộ máy đó lo cho dân, lấy việc đưa lại quyền lợi ngày càng cao cho nhân dân làm nhiệm vụ, mục tiêu hoạt động của mình.

Nhà nước đó, “việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”¹.

+ Đó là nhà nước phải kiên quyết chống đặc quyền, đặc lợi và các tiêu cực khác để giữ cho bộ máy trong sạch.

- Về đội ngũ cán bộ nhà nước:

+ Là *đày tớ cho nhân dân*, công bộc của dân: phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ...

+ Đồng thời là *người lãnh đạo nhân dân*; phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài... Như vậy để là người thay mặt nhân dân phải gồm cả *đức* và *tài*, phải vừa *hiền* lại vừa *minh*.

Cán bộ từ Chủ tịch nước trở xuống đều là *công bộc của dân - người phục vụ chung của xã hội*. Như vậy, mối quan hệ giữa cán bộ và nhân dân là mối quan hệ giữa công bộc của nhân dân và người chủ nhà nước là nhân dân.

¹ Lênin. Những người bạn dân là thế nào (1894)

HỒ Chí Minh luôn luôn chú ý đầy đủ hai nhiệm vụ, hai chức năng của người cán bộ trong nhà nước mới. Trong Di chúc, Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải làm thế nào để xứng đáng vừa là *người lãnh đạo*, vừa là *người đày tớ thật trung thành của nhân dân*.

Những nguyên tắc của một nhà nước vì dân được thực hiện một cách kiên trì và nhất quán trong suốt cuộc đời cách mạng của HỒ Chí Minh. Người là một vị Chủ tịch hoàn toàn vì dân.

2. Tư tưởng HỒ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước.

a. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam mới.

Bản chất giai cấp công nhân của nhà nước ta được biểu hiện trên những mặt chủ yếu:

- *Một là*, Nhà nước do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Đảng lãnh đạo Nhà nước theo phương thức: lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, thông qua tổ chức của mình trong Quốc hội, Chính phủ và các ngành, các cấp của Nhà nước. Đảng phấn đấu để thể chế hoá quan điểm, đường lối, nghị quyết của mình, biến nó thành pháp luật, chính sách của Nhà nước.

- *Hai là*, tính định hướng đưa đất nước quá độ đi lên CNXH (biểu hiện ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội).

- *Ba là*, nguyên tắc tổ chức cơ bản của Nhà nước là nguyên tắc tập trung dân chủ. Theo HỒ Chí Minh: “Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ... Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời phải tập trung cao độ để thống nhất lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹.

Trong mối quan hệ với dân chủ, HỒ Chí Minh còn đề cập đến chuyên chính: “Chế độ nào cũng có chuyên chính. Vấn đề là chuyên chính với ai?... Như cái hòm đựng của cải thì phải có cái khóa. Nhà thì phải có cửa... Dân chủ là cửa quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khóa, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại... Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ”²

b. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc trong Nhà nước ta.

¹ HCM, Toàn tập, T9, tr. 592

² HCM, Toàn tập, T.8, tr. 279-280

Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta với tính nhân dân và tính dân tộc biểu hiện ở:

- Nhà nước mới là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của cả dân tộc Việt Nam.

- Nhà nước mới lấy lợi ích của nhân dân, của dân tộc làm nền tảng, bảo vệ lợi ích của nhân dân.

- Nhà nước mới hoạt động trên nền tảng đại đoàn kết dân tộc, cốt lõi là liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.

- Để nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ, trước hết phải là một *nhà nước hợp pháp và hợp hiến*.

+ Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh đã thay mặt chính phủ đọc Tuyên ngôn độc lập (2/9/1945): Tuyên bố với quốc dân đồng bào và với thế giới về sự khai sinh của nhà nước Việt Nam mới. Nhờ đó, Chính phủ lâm thời do cuộc cách mạng của nhân dân lập nên có được địa vị hợp pháp.

+ Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (3/9/1945), Hồ Chí Minh xác định 6 nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, trong đó, *nhiệm vụ thứ 3*: “Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”¹ để sớm có một Nhà nước hợp hiến do nhân dân bầu ra. Ngày 17/9/1945: ký Sắc lệnh ấn định thể lệ Tổng tuyển cử; ngày 20/9/1945: ký Sắc lệnh số 34 thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp do Hồ Chí Minh làm trưởng ban.

+ Tiến hành tổng tuyển cử (6/1/1946): Toàn dân đi bầu cử, mọi người tự do ứng cử và lựa chọn đại biểu của mình. Qua Tổng tuyển cử, một quốc hội hợp pháp được lập ra.

Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu là vấn đề cốt lõi thể hiện tính hợp hiến của nhà nước. Đặt cơ sở để xây dựng một bộ máy chính quyền thực sự là của dân, do dân.

Với một Quốc hội được thành lập qua tổng tuyển cử, một Nhà nước hợp hiến ra đời. Đây là Chính phủ hợp hiến đầu tiên do đại biểu của nhân dân bầu ra,

¹ Sdd, H.2000, T.4, tr..8

có đầy đủ tư cách và hiệu lực trong việc giải quyết mọi vấn đề nội trị và ngoại giao của Nhà nước Việt Nam mới.

- Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật và phải làm cho pháp luật có hiệu lực trong thực tế.

+ Nhà nước xây dựng hệ thống pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật.

Trong một nhà nước dân chủ, mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế hoá bằng Hiến pháp và pháp luật. Pháp luật là bà đỡ cho dân chủ. Không có dân chủ ngoài vòng pháp luật. Để tự do của người này không xâm phạm tự do của người khác phải quản lý xã hội bằng pháp luật, hơn nữa pháp luật đó phải phản ánh đúng đắn nguyện vọng, ý chí của toàn dân.

+ Xây dựng cơ chế bảo đảm cho pháp luật được thi hành, cơ chế kiểm tra, giám sát việc thi hành đó trong các cơ quan nhà nước và trong nhân dân.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa đảm bảo được việc thực hiện quyền lực của nhân dân.

+ Thực hiện nghiêm minh luật pháp.

Trong thi hành pháp luật, cái khó nhất là phải bảo đảm được tính khách quan, công bằng, bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật. Hồ Chí Minh đòi hỏi pháp luật của ta phải xét xử theo đúng pháp luật, “phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề gì”¹. Với Hồ Chí Minh, pháp luật bất vị thân, công tội phân minh, “không vì công mà quên lỗi, vì lỗi mà quên công”.

Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ nhà nước, trong đó, trước hết là các cán bộ ngành hành pháp và tư pháp phải gương mẫu tuân thủ pháp luật.

- Đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước có trình độ văn hóa, am hiểu pháp luật và thành thạo nghiệp vụ hành chính,

+ Cán bộ phải nắm vững kiến thức quản lý nhà nước.

+ Phải có đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

Hồ Chí Minh hiểu rõ xu hướng quan liêu hóa khó tránh khỏi của một bộ phận cán bộ quản lý nhà nước, nên luôn nhắc nhở họ phải gần dân, trọng dân, không được lên mặt “quan cách mạng” với dân, phải lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của dân. Chỉ có trí tuệ và lòng dân mới có thể làm cho chính quyền trở nên mạnh mẽ và sáng suốt.

¹ Sdd, H.1995, T.5, tr.641

- Coi trọng nâng cao dân trí, bồi dưỡng ý thức làm chủ, phát triển văn hoá chính trị và tính tích cực công dân, khuyến khích nhân dân tham gia vào các công việc của nhà nước, khắc phục mọi thứ dân chủ hình thức, “làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”¹.

HỒ Chí Minh luôn nêu gương trong việc khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của Chính phủ, Người viết: “Từ ngày thành lập Chính phủ, trong nhân viên còn có nhiều khuyết điểm. Có người làm quan cách mạng, chớ đờ chớ đen, khinh dân, mưu vinh thân phì gia... Xin đồng bào hãy phê bình, giám sát công việc Chính phủ”².

4. Tư tưởng HỒ Chí Minh về xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu quả

Đây là một cuộc đấu tranh gian khổ, muốn thắng lợi phải huy động sức mạnh của nhân dân và của cả hệ thống chính trị, sử dụng kết hợp các biện pháp tư tưởng và tổ chức, giáo dục và hành chính, kinh tế và pháp luật... trong đó, HỒ Chí Minh nhấn mạnh hai nội dung cơ bản sau:

a. Tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức

Từ kinh tế tiểu nông, quen sống theo luật tục hơn là theo pháp luật, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đi lên chủ nghĩa xã hội, lại trải qua nhiều năm chiến tranh... muốn hình thành ngay một Nhà nước pháp quyền là chưa thể được. Trong xây dựng nhà nước pháp quyền, phải nhấn mạnh vai trò của pháp luật, song không được đề cao một chiều vai trò của pháp luật, mà phải chú ý đến vai trò hỗ trợ của các nhân tố khác, trong đó có vấn đề giáo dục đạo đức.

Trong thực tế quản lý xã hội, pháp luật và đạo đức luôn kết hợp, bổ sung cho nhau, không được tuyệt đối hoá địa vị độc tôn của một yếu tố riêng lẻ nào. Pháp luật bao giờ cũng là biện pháp để khẳng định một chuẩn mực đạo đức nào đó. Chuẩn mực đạo đức càng cao thì vai trò của pháp luật càng quan trọng.

Nền chính trị mới bao hàm trong nó những nguyên tắc đạo đức, để thực hiện được đòi hỏi cần phải:

+ Kiện toàn hệ thống luật pháp, phản ánh đúng đắn lợi ích, nguyện vọng của nhân dân.

+ Kiên trì giáo dục đạo đức cho mọi tầng lớp của xã hội.

+ Đòi hỏi cao, nghiêm khắc đối với đội ngũ cán bộ nhà nước.

¹ Sdd, H.2000, T.12, tr.223

² Sdd, H.1995, T.5, tr.61

HỒ Chí Minh luôn luôn chú ý giáo dục đội ngũ cán bộ. Người không dung thứ bất cứ ai làm hại tính mệnh và tài sản của nhân dân, làm tha hóa bản chất tốt đẹp của nền chính trị vô sản, làm mất thanh danh, uy tín của Đảng và Nhà nước. Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* tiêu biểu cho sự quan tâm, sự chăm lo của HỒ Chí Minh đối với nhiệm vụ xây dựng, bồi dưỡng các cán bộ nhân viên nhà nước với những phẩm chất của một chính quyền thực sự do dân, vì dân.

Thực tế cách mạng Việt Nam những năm 1945-1969 cho thấy: HỒ Chí Minh là một nhà lập pháp sắc sảo, đồng thời là một nhà hành pháp nghiêm minh.

b. Kiên quyết chống các loại "giặc nội xâm": quan liêu, tham ô, lãng phí

Nhà nước có mạnh, có hiệu lực cao hay không, một mặt phụ thuộc vào tính nghiêm minh của pháp luật, mặt khác, dựa vào sự gương mẫu, sự trong sạch về đạo đức của đội ngũ cán bộ.

- Quan niệm của HỒ Chí Minh về bệnh quan liêu: Bệnh quan liêu là nguồn gốc của các căn bệnh trong bộ máy quyền lực, hệ thống chính trị.

HỒ Chí Minh chỉ rõ nguyên nhân, biểu hiện, tác hại của bệnh quan liêu: “không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét hết mọi mặt, không vào sâu vấn đề. Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn... thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững...Thế là bệnh quan liêu đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu”¹, “ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó có nạn tham ô, lãng phí”

Bệnh quan liêu ăn sâu, bám rễ trong bộ máy nhà nước, làm tha hóa bộ máy nhà nước: từ chỗ cán bộ sinh ra để gánh vác công việc chung, là công bộc của dân, vì lợi ích của xã hội, lại biến thành những “ông quan cách mạng”, đứng trên nhân dân, xã hội. Bệnh quan liêu là nguồn gốc của những tệ nạn xã hội: tham nhũng, cửa quyền, tham ô, lãng phí, hối lộ...

- Các biện pháp chống bệnh quan liêu:

+ Thực hành dân chủ, tôn trọng và bảo đảm quyền làm chủ thực sự của nhân dân.

+ Tăng cường kiểm tra.

+ Cải tiến quản lý kinh tế và thực hiện công bằng xã hội.

¹ Sdd, H.2000, T.6, tr.489-490

+ Nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân.

III. XÂY DỰNG ĐẢNG VỮNG MẠNH, LÀM TRONG SẠCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.

Kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh quốc tế hiện nay đòi hỏi phải xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng làm cho Đảng ta thật sự là Đảng của đạo đức và văn minh, tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc.

- Xây dựng Đảng phải trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức.

+ Về chính trị: đó là xây dựng đường lối chính trị đúng đắn, bản lĩnh chính trị vững vàng trong mọi tình huống phức tạp, mọi bước ngoặt hiểm nghèo, mọi giai đoạn cách mạng khác nhau. Trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng phải giữ vững đường lối chiến lược đúng đắn, đồng thời phải mềm dẻo về sách lược, linh hoạt về biện pháp đấu tranh.

+ Về tư tưởng: xây dựng tư tưởng cách mạng triệt để, luôn đề phòng và kịp thời khắc phục những lệch lạc “tả khuynh”, “hữu khuynh”, cơ hội, xét lại, chống giáo điều bảo thủ. Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời làm giàu trí tuệ của Đảng bằng kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại.

+ Về tổ chức: xây dựng đảng thành một tổ chức chính trị chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh, trong sạch, vững mạnh, một tổ chức chiến đấu nhất trí. Với đội ngũ Đảng viên có phẩm chất và năng lực cao, có ý chí kiên cường, dũng cảm, biết tự nhận khuyết điểm, sai lầm và kiên quyết sửa chữa sai lầm, yếu kém.

Đồng thời với ba mặt trên, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh còn phải chú trọng xây dựng, giáo dục cán bộ đảng viên cả về đạo đức, lối sống.

Hội nghị Trung ương VI (lần 2) (khoá VIII, tháng 12/1999) ra nghị quyết: “Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”, đã chỉ rõ yêu cầu thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình, phê bình trong Đảng và vấn đề giáo dục lí luận chính trị, đạo đức, lối sống; chống tham nhũng, quan liêu; xây dựng tổ chức cơ sở Đảng; sắp xếp lại bộ máy của Đảng, Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị.

2. Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh.

- Để vượt qua tình trạng thấp kém về kinh tế cần phải phát huy cao độ nội lực, mà một trong những nhân tố cơ bản làm nên nội lực đó là phát huy dân chủ. Thực hiện dân chủ triệt để, tạo nên sức mạnh to lớn cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

Theo Hồ Chí Minh “*Dân chủ, sáng kiến, hăng hái*, ba điều đó rất quan hệ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến”¹. Vì vậy, Người nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu: phải *thật sự* tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân;

Dân chủ *thực sự*. Nó là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết được mọi khó khăn. Đây phải là một thuộc tính cơ bản của nền dân chủ của chế độ ta, nó xa lạ với thứ dân chủ trừu tượng, dân chủ hình thức.

Điều kiện cơ bản thực hiện được dân chủ là mọi chủ trương, đường lối của Đảng phải được xem xét và giải quyết từ địa vị người làm chủ và *quyền* làm chủ của người dân; phải không ngừng nâng cao *năng lực làm chủ* của người dân; tạo điều kiện vật chất và văn hoá để người dân nâng cao năng lực làm chủ: nâng cao văn hoá chính trị, tính tích cực công dân, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, khuyến khích nhân dân tham gia giám sát công việc của các cơ quan nhà nước, từ cơ sở đến Trung ương.

- Phát huy dân chủ phải kết hợp chặt chẽ với tăng cường pháp chế, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật. Nhà nước ta phải tiếp tục thể chế hoá bằng pháp luật các quyền dân chủ của người dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt trong hoạt động kinh tế. Đồng thời, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật, bảo đảm mỗi công dân đều bình đẳng trước pháp luật để đem lại niềm tin cho nhân dân vào tính nghiêm minh của pháp luật Nhà nước ta.

- Xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh.

Để thực hiện được pháp luật, điều căn bản nhất là phải có được bộ máy hành pháp - hành chính đủ mạnh.

+ Hạn chế, yếu kém của bộ máy hành chính của nước ta hiện nay: trì trệ, ách tắc, gây phiền hà cho dân, làm cho dân phản ứng, bất bình.

+ Yêu cầu: trong sạch, kỷ cương, công tâm, tận tụy

+ Biện pháp:

¹ Sdd, H.2000, T.5, tr.244

Về *nhận thức*: Nhà nước là cơ quan công quyền, cán bộ là công bộc, chức năng quản lý nhà nước, chức năng dịch vụ công.

Về *bộ máy*: Cải cách thủ tục hành chính.

Ban hành, hoàn thiện quy định chế độ công vụ.

Giải quyết triệt để khiếu kiện của nhân dân.

Hoàn thiện pháp luật công chức.

Tinh gọn bộ máy cán bộ công chức.

Xử lý nghiêm, kịp thời công chức vi phạm pháp luật...

Về *nhân sự*: đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ công chức thành thạo nghiệp vụ, mẫn cán, công tâm, kỷ luật.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Thực tế những năm gần đây cho thấy cả thành tích và hạn chế của Nhà nước đều có nguyên nhân quan trọng từ thành tích, hạn chế của Đảng. Đòi hỏi ở Đảng một sự lãnh đạo tập trung hơn nữa, quyết tâm cao hơn nữa, kế hoạch và biện pháp triệt để hơn nữa, “phải đồng tâm nhất trí, mạnh bạo xung phong”.

Cuộc đấu tranh để khắc phục những khuyết tật của bộ máy nhà nước không thể tách rời cuộc vận động xây dựng chính đốn Đảng. Đảng mạnh thì Nhà nước mạnh. Chỉ có sự lãnh đạo của một Đảng trong sạch, vững mạnh mới đưa cải cách bộ máy nhà nước đi đến thành công.

Nội dung ôn tập:

1. Trình bày những luận điểm chủ yếu của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam?
2. Phân tích những nguyên tắc cơ bản về tổ chức, sinh hoạt Đảng trong tư tưởng Hồ Chí Minh?
3. Trình bày nội dung của công cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay trên cơ sở quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam?
3. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân?
4. Phân tích nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước Việt Nam mới (nhà nước của dân, do dân, vì dân)?

BÀI 7

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN, VĂN HOÁ

(11: 09 - 02 tiết)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC.

* Đạo đức là gì?

Đạo đức là một trong những hình thái ý thức xã hội xuất hiện rất sớm. Sự xuất hiện của ý thức đạo đức do nhu cầu khách quan của đời sống xã hội, trước hết là so nhu cầu phối hợp hoạt động trong sản xuất, trong sinh hoạt... từ đó nảy sinh khát vọng sống có trách nhiệm, sống vì cộng đồng, sống được tôn trọng và tôn trọng lẫn nhau giữa các thành viên trong xã hội mà hình thành nên tình cảm đạo đức.

Cùng với sự phát triển của sản xuất, của tiến bộ xã hội, mối quan hệ xã hội của con người ngày càng đa dạng, phức tạp. Nó đòi hỏi mỗi cá nhân phải lựa chọn cho mình cách cư xử, ứng xử sao cho phù hợp với lợi ích cộng đồng, xã hội. Để điều chỉnh mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội người ta đưa ra những nguyên tắc, chuẩn mực làm tiêu chuẩn chung cho hoạt động của cá nhân và của cộng đồng xã hội, từ đó đạo đức ra đời.

Theo quan niệm mác xít: Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, gồm hệ thống các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của con người và sự tiến bộ xã hội trong mối quan hệ giữa con người và con người, giữa cá nhân và tập thể hay xã hội¹.

Đặc trưng cơ bản của đạo đức là hành vi mang tính tự nguyện trên cơ sở tự điều chỉnh những mối quan hệ xã hội.

Ý thức đạo đức bao gồm: tri thức đạo đức, tình cảm và ý chí đạo đức, trong đó tình cảm đạo đức là yếu tố quan trọng vì nếu thiếu yếu tố tình cảm, con người mới chỉ dừng lại ở ý thức tư tưởng chưa chuyển hoá thành hành động đạo đức.

Trong xã hội có giai cấp, đạo đức mang tính giai cấp, phản ánh quan điểm tư tưởng lợi ích giai cấp nhất định, nhằm bảo vệ sự thống trị về mặt chính trị của giai cấp thống trị. Do vậy, mỗi giai cấp có quan điểm đạo đức riêng mặc dù sự tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay làm cho các giai cấp cùng có những quan tâm chung.

¹Trần Hậu Kiêm, Giáo trình đạo đức học, Nxb. CTQG, HN. 1996, tr.12

Xét về mặt nội dung, đạo đức phản ánh tồn tại xã hội. Những thời đại khác nhau, những cộng đồng người khác nhau có những hệ thống đạo đức khác nhau, chúng phản ánh những tồn tại xã hội khác nhau.

Sự đánh giá hành vi của con người theo khuôn phép và quy tắc đạo đức biểu hiện thành những khái niệm về thiện và ác, vinh và nhục, chính nghĩa và phi nghĩa.

* Tư tưởng đạo đức HỒ Chí Minh:

Theo Lênin: “Đạo đức đó là những gì góp phần phá hủy xã hội cũ của bọn bóc lột và góp phần đoàn kết tất cả những người lao động chung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới của những người cộng sản”. Kế thừa tư tưởng đó, HỒ Chí Minh cho rằng: đạo đức chính là những phẩm chất đòi hỏi con người cần phải có để tham gia vào cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, để cống hiến được nhiều nhất cho cuộc đấu tranh đó.

HỒ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, lãnh tụ cách mạng bàn nhiều nhất về vấn đề đạo đức. Và điều đặc biệt là bản thân Người trong cuộc đời của mình đã thực hiện triệt để đạo đức cách mạng. Người là một nhà đạo đức học lớn, là tấm gương đạo đức trong sáng nhất, tiêu biểu nhất.

1. Vị trí, vai trò của đạo đức cách mạng.

- Vị trí đạo đức: “đạo đức là cái gốc của người cách mạng”

+ Đối với mỗi người, đặc biệt đối với người cách mạng, đạo đức là *nền tảng*, giống như gốc của cây, ngọn nguồn của sông, của suối.

HỒ Chí Minh nói: đối với con người, sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa; người cách mạng phải có đạo đức cách mạng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng. Bởi lẽ, sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp rất to lớn, khó khăn và nặng nề. Nó đòi hỏi sự phấn đấu không ngừng của mỗi con người, mỗi thế hệ, của cả dân tộc.

Đạo đức là gốc, là nguồn, là nền tảng, bởi vì muốn làm cách mạng thì trước hết con người phải có tâm trong sáng, cái đức cao đẹp đối với nhân dân lao động, với cả dân tộc mình. Cái tâm, cái đức ấy lại phải thể hiện trong mọi mặt hoạt động, trong các mối quan hệ xã hội hàng ngày với dân, với nước, với đồng chí, đồng nghiệp, với mọi người xung quanh mình, thể hiện trong công việc và thể hiện ngay cả đối với bản thân. Phải có tâm, có đức mới giữ vững được chủ nghĩa Mác - Lênin và đưa được chủ nghĩa Mác - Lênin vào cuộc sống. Chăm lo cái gốc,

cái nguồn, cái nền tảng ấy phải là công việc thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, của mỗi gia đình và mỗi người trong xã hội ta.

+ Theo quan điểm HỒ Chí Minh: đức là gốc, nhưng đức và tài phải kết hợp, phẩm chất và năng lực phải đi đôi, không thể thiếu một mặt nào thì mới hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 1959, Người nói với đội ngũ giáo viên: “Có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà chỉ i tờ thì dạy thế nào?”¹

Người thực sự có đức thì bao giờ cũng cố gắng học tập, nâng cao trình độ, năng lực, tài năng để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Khi đã thấy sức không thể vươn lên được thì đối với ai tài hơn mình, phải sẵn sàng học tập, ủng hộ và nhường bước để họ vượt lên trước. Đó chính là ý nghĩa của *lấy đức làm gốc*.

- Vai trò của đạo đức ở người cách mạng: là động lực và là vũ khí mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, HỒ Chí Minh không tuyệt đối hóa vai trò của đạo đức, không coi sức mạnh đạo đức là duy nhất trong cuộc đấu tranh cách mạng. Người không bao giờ đặt hy vọng vào “lòng tốt” của các giai cấp bóc lột, không cho rằng chỉ cần mọi người tu nhân tích đức là đất nước sẽ độc lập, người dân sẽ tự do, hạnh phúc. Phải bằng cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, mới đi tới được mục tiêu đó.

Chính vì vai trò to lớn của đạo đức mà cùng với việc giáo dục nâng cao trình độ hiểu biết của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, HỒ Chí Minh đã thường xuyên quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cho mọi người. Tùy theo từng thời kỳ cách mạng, Người đề ra những yêu cầu đạo đức sát hợp để mọi người phấn đấu, rèn luyện nhằm hoàn thành nhiệm vụ ngày càng to lớn hơn của sự nghiệp cách mạng.

Đường Kách mệnh là cuốn sách đầu tiên tuyên truyền trực tiếp về chủ nghĩa Mác -Lênin cho lớp thanh niên cách mạng ưu tú nhất thời đó. Mở đầu cuốn sách là bài viết về *Tư cách một người cách mệnh*. HỒ Chí Minh đã nêu lên một quan điểm lớn: phải có cái đức để đi đến cái trí. Và khi đã có cái trí, thì cái đức chính là cái đảm bảo cho người cách mạng giữ vững được chủ nghĩa mà mình đã giác ngộ.

2. Những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam trong thời đại mới

¹ HCM, Toàn tập, T.9, tr.492

Trong tư tưởng đạo đức HỒ Chí Minh, những phẩm chất đạo đức được nêu ra là phù hợp với từng đối tượng, hơn nữa Người nhấn mạnh phẩm chất này hay phẩm chất khác là nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ nhất định. Từ đó Người đã khái quát thành những phẩm chất chung, cơ bản nhất của con người Việt Nam trong thời đại mới. Nói cách khác, đó là những chuẩn mực chung nhất của nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng Việt Nam.

Dưới đây là bốn phẩm chất chung cơ bản nhất:

2.1. Trung với nước, hiếu với dân

“Trung”, “Hiếu” là những khái niệm đã có trong tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam và phương Đông (“trung” là trung quân “trung với vua”, cũng có nghĩa là trung thành với nước, vì nước là của vua, vua là nước. Còn “hiếu” thì chỉ thu hẹp trong phạm vi gia đình là con cái phải hiếu thảo với cha mẹ). Khái niệm “Trung”, “Hiếu” được HỒ Chí Minh sử dụng và đưa vào nội dung mới.

- Theo HỒ Chí Minh, về quan hệ đạo đức thì mối quan hệ của mỗi người với đất nước, với nhân dân, dân tộc mình là mối quan hệ lớn nhất. Vì vậy, phẩm chất đạo đức trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất quan trọng, bao trùm nhất.

Trong tư tưởng của Người, trung với nước là trung thành với sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Nước ở đây là nước của dân, và dân là chủ nhân của đất nước. Vì vậy, trung với nước thì tất yếu phải hiếu với dân. Khi HỒ Chí Minh đặt vấn đề “bao nhiêu quyền hạn đều của dân”, “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”, “bao nhiêu quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”, Đảng và Chính phủ là “đầy tớ nhân dân” chứ không phải “quan nhân dân để đè đầu cưỡi cổ nhân dân”, dân là đối tượng phải phục vụ hết lòng; người cách mạng phải gần dân, gần bó với dân, kính trọng và học tập dân, dựa hẳn vào dân, lấy dân làm gốc thì quan niệm về nước và dân đã hoàn toàn đảo lộn so với trước. Đó là cái đức của người cách mạng. Nhưng vấn đề không phải chỉ là nói mà là có làm hay không, làm như thế nào.

- Đặc biệt, đối với cán bộ, đảng viên, HỒ Chí Minh đòi hỏi phải là: “tận trung, tận hiếu”.

2.2. Yêu thương con người

Kế thừa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, tiếp thu tinh thần nhân văn của nhân loại qua nhiều thế kỷ, cùng với việc thể nghiệm của chính bản thân mình qua hoạt động cách mạng thực tiễn, HỒ Chí Minh xác định tình yêu thương con người là một trong những phẩm chất đạo

đức cao đẹp nhất. Nó không chung chung, trừu tượng mà hướng tới những đối tượng cụ thể:

+ Tình yêu thương con người theo HỒ Chí Minh, trước hết dành cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức, bóc lột; những người còn bị thiếu thốn, đói nghèo, lạc hậu.

+ Tình yêu thương đối với bạn bè, đồng chí, trong quan hệ hàng ngày. Đó là tình cảm trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình chân thành, nghiêm túc giữa những người cùng lí tưởng, cùng phấn đấu cho một sự nghiệp chung. Nó xa lạ với thái độ dĩ hoà vi quý, yêu nên tốt, ghét nên xấu, bè cánh.

+ Đối với cả những người có sai lầm, khuyết điểm, nhưng đã nhận rõ khuyết điểm sai lầm và cố gắng sửa chữa, kể cả đối với những người lầm đường lạc lối đã hối cải. Chính tình yêu thương đó đã đánh thức những gì tốt đẹp mà HỒ Chí Minh tin rằng trong mỗi người đều có, tuy nhiều ít có khác nhau.

Trong Di chúc, Người căn dặn “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Đây chính là điều nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải luôn luôn chú ý đến phẩm chất yêu thương con người.

2.3. Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

- Đây là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hàng ngày của mọi người, quyết định hiệu quả công việc. Vì vậy HỒ Chí Minh đã đề cập phẩm chất này nhiều nhất, thường xuyên nhất, từ *Đường Kách mệnh* cho đến bản *Di chúc*.

- Mỗi phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư đã được HỒ Chí Minh giải thích rất rõ, rất cụ thể, rất dễ hiểu đối với mọi người.

+ **Cần** tức là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm. Thấy rõ “lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta”.

+ **Kiệm** tức là tiết kiệm sức lao động, thì giờ, tiền của dân, của nước, của bản thân mình; phải tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ, nhiều cái nhỏ cộng lại thành cái to; “không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”, không phô trương hình thức, không liên hoan, chè chén lu bù.

+ **Liêm** tức là “luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân”; “không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân”. Phải “trong sạch, không tham lam”. “Không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung

sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hoá. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ”.

Người đã chỉ ra những hành vi trái với chữ liêm, như:

“...cậy quyền thế mà đục khoét dân, ăn của đút, hoặc trộm của công làm của tư...”

“...Dìm người giỏi, để giữ địa vị và danh tiếng của mình là đạo vị”.

+ **Chính** “nghĩa là không tà, thẳng thắn, đứng đắn”.

Đối với mình: không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ, luôn tự kiểm điểm để phát triển điều hay, sửa đổi điều dở của bản thân mình.

Đối với người: không nịnh hót người trên, không xem khinh người dưới; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết thật thà; không dối trá, lừa lọc.

Đối với việc: để việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà. Đã phụ trách việc gì thì quyết làm cho kỳ được, cho đến nơi đến chốn, không sợ khó khăn, nguy hiểm; việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm, việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh. Mỗi ngày cố làm một việc lợi cho nước, cho dân.

+ **Chí công vô tư**, Người nói: “Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc”. “Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau”; “phải lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”.

Chí công vô tư, về thực chất là nối tiếp Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

- Mọi quan hệ giữa các phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

+ **Hồ Chí Minh** coi cần, kiệm như hai chân của con người, phải đi đôi với nhau. Cần mà không kiệm thì chẳng khác nào “gió vào nhà trống”, “nước đổ vào chiếc thùng không đáy” rất cuộc “không lại hoàn không”; còn kiệm mà không cần thì sản xuất ít không đủ dùng, không có phát triển.

+ **Hồ Chí Minh** đòi hỏi cần, kiệm phải gắn với liêm, chính. Đó là bốn đức của con người, thiếu một đức không thành người, cũng như trời có bốn mùa, đất có bốn hướng, thiếu một mùa không thành trời, thiếu một hướng không thành đất.

+ Theo **Hồ Chí Minh**, cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư và ngược lại đã chí công vô tư, một lòng vì nước vì dân, vì Đảng thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính và có được nhiều đức tính tốt khác. Nói tóm tắt, các đức tính tốt ấy là nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Như vậy, con người sẽ vững vàng trước mọi thử thách: “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”.

- HỒ Chí Minh cảnh báo đây là vấn đề rất phức tạp, nói dễ làm khó, trong cuộc sống thường hay vi phạm vì nó đụng chạm đến nhiều mặt lợi ích cá nhân, tập trung nhất là chức, quyền, danh, lợi, nếu không vượt qua được chủ nghĩa cá nhân thì bất cứ ai, bất cứ lúc nào cũng có thể sa vào những hành vi vô đạo đức. “Trước nhất là cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư”.

2.4. Tinh thần quốc tế trong sáng

- Tinh thần đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động các nước.

- Tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam với tất cả những người yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới.

- Sự đoàn kết ấy là nhằm mục tiêu lớn của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; là hợp tác và hữu nghị với tất cả các dân tộc và các nước, là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Cảnh giác và kiên quyết đấu tranh với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và tinh thần quốc tế không trong sáng.

3. Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới.

- *Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức.*

Đối với mỗi người, lời nói phải đi đôi với việc làm thì mới đem lại hiệu quả thiết thực cho chính bản thân mình và có tác dụng đối với người khác. Nếu nói nhiều làm ít, nói mà không làm, nói một đằng làm một nẻo thì chỉ đem lại những hậu quả phản tác dụng.

Tác dụng nêu gương giữ một vai trò rất quan trọng trong hình thành đạo đức xã hội. Đặc biệt với phương Đông. HỒ Chí Minh nhận xét: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ, một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”¹ và cho rằng: Lấy gương người tốt việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là cách tốt nhất để xây dựng con người mới, cuộc sống mới.

Trong gia đình: đó là tấm gương của cha mẹ đối với con cái, của anh chị đối với các em.

Trong nhà trường: tấm gương của thầy cô giáo đối với học sinh.

¹ HCM, Toàn tập, T.1, tr.263

Trong tổ chức, tập thể: tấm gương của cấp trên, của lãnh đạo đối với cấp dưới, đối với nhân viên.

Trong xã hội: tấm gương của “người tốt việc tốt” đối với mọi người; của thế hệ trước đối với thế hệ sau...

Đối với cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”¹

Trong suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã giáo dục mọi người và chính bản thân Người đã thực hiện nguyên tắc này một cách nghiêm túc.

- *Xây đi đôi với chống:*

Xây:

+ Giáo dục những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức trong gia đình, nhà trường, xã hội, nhất là trong những tập thể – nơi mà phần lớn thời gian cuộc đời mỗi người gắn bó bằng hoạt động thực tiễn của mình. Phải cụ thể hoá những phẩm chất chung, cơ bản nhất cho sát hợp với từng giai tầng, từng lớp đối tượng khác nhau.

+ Khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh ở mọi người, tự giác nhận thức được trách nhiệm đạo đức của mình, từ đó, tự giáo dục, tự trau dồi phẩm chất cá nhân.

Chống:

+ Thường xuyên và kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tham ô, lãng phí, quan liêu, những biểu hiện sai trái, xấu xa trái với những yêu cầu của đạo đức mới.

+ Biện pháp chống hành vi vô đạo đức: tự phê bình và phê bình; giáo dục, thuyết phục; kỷ luật của Đảng hay của đoàn thể; kỷ luật hành chính hay bằng pháp luật... tùy theo mức độ sai phạm.

Để xây và chống có kết quả, phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi, có phong trào chung cho toàn Đảng, toàn dân, có phong trào riêng cho từng ngành, từng giới.

Trong đời sống hàng ngày, những hiện tượng tốt, xấu; đúng, sai; cái đạo đức và cái vô đạo đức vẫn thường đan xen nhau, đối chọi nhau, thông qua hành vi của những con người khác nhau. Hơn nữa những đan xen và đối chọi ấy còn diễn ra ngay trong bản thân mỗi người. Chính vì vậy, việc xây và chống trong lĩnh vực đạo

¹ HCM, Toàn tập, T.5, tr. 552

đức hoàn toàn không đơn giản. Xây phải đi đôi với chống, chống nhằm mục đích xây, lấy xây làm chính. Phải phát hiện sớm, hơn nữa phải thấy trước những cái xấu, cái sai, cái vô đạo đức có thể xảy ra, hướng mọi người vào cuộc đấu tranh cho sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức.

- *Tu dưỡng đạo đức suốt đời.*

Nắm vững đặc điểm và quy luật của sự hình thành đạo đức, HỒ Chí Minh nêu quan điểm: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”¹. Khác với sự hình thành và tác dụng điều chỉnh hành vi của pháp luật là bắt buộc, cưỡng bức, đạo đức chỉ có thể hình thành và phát triển trên tinh thần tự giác, dựa vào lương tâm của mỗi người và dư luận xã hội. Do vậy, mỗi con người, mỗi tổ chức phải tu dưỡng đạo đức suốt đời, như việc rửa mặt hàng ngày.

Theo quan điểm của HỒ Chí Minh, đã là người thì ai cũng có chỗ hay chỗ dở, chỗ xấu, chỗ tốt, ai cũng có thiện có ác ở trong bản thân mình. Vấn đề là dám nhìn thẳng vào con người mình, không tự lừa dối, huyễn hoặc; thấy rõ cái dở, cái xấu, cái ác để khắc phục.

Đối với mỗi người, việc tu dưỡng đạo đức phải được thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn: trong đời tư, trong việc công, trong mọi mối quan hệ xã hội... Có rèn luyện công phu như vậy, con người mới có được phẩm chất đạo đức tốt đẹp, và những phẩm chất ấy ngày càng được bồi đắp, nâng cao.

II. TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH.

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, từ xưa đến nay, đã có nhiều học thuyết, tư tưởng ở những mức độ, trình độ khác nhau, tiếp cận từ những góc độ khác nhau để cập đến vấn đề con người, về tâm tư, nguyện vọng của con người muốn được giải tỏa khỏi những bế tắc trong cuộc sống do những hạn chế ràng buộc của tự nhiên, xã hội và của bản thân con người. Đó chính là tư tưởng nhân văn. Nhân văn là thuật ngữ dùng để chỉ những hoạt động vì lợi ích chính đáng của con người. Tư tưởng nhân văn là hệ thống quan điểm vì lợi ích chính đáng của con người.

Tư tưởng nhân văn HỒ Chí Minh là hệ thống quan điểm vì lợi ích chân chính của con người, trước hết là lợi ích của quần chúng nhân dân lao động; và con đường hiện thực xóa bỏ triệt để những trở ngại về mặt xã hội, con người, tạo

¹ HCM, Toàn tập, T.9, tr.293

điều kiện giải phóng quần chúng nhân dân lao động và loài người đạt tới sự phát triển chân, thiện, mỹ.

1. Vị trí, vai trò của tư tưởng nhân văn HỒ Chí Minh.

Tư tưởng nhân văn xuyên suốt, thấm sâu trong toàn bộ hệ thống tư tưởng HỒ Chí Minh. Có thể khẳng định rằng: tư tưởng nhân văn đã làm nên sức sống bền vững của tư tưởng HỒ Chí Minh, làm cho tư tưởng của Người có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của nhân dân Việt Nam và của nhân dân nhiều dân tộc trên thế giới, cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

2. Nội dung tư tưởng nhân văn HỒ Chí Minh

a. Khái niệm “con người” trong tư tưởng HỒ Chí Minh.

Trong tư tưởng HỒ Chí Minh, con người được xem xét trong các quan hệ xã hội của nó. Người viết: “Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bạn bè. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng hơn là cả loài người”¹.

Con người cụ thể, lịch sử, được xem xét trong những bình diện, những chiều khác nhau. Con người trong chế độ thuộc địa: “người bản xứ”, “người bản xứ bị áp bức”, “người lao động bản xứ”, “người bản xứ bị bắt làm nô lệ”, “người mất nước”, “người cùng khổ”...; Con người trong một dân tộc độc lập: “đồng bào”, “nhân dân”, “quốc dân”, “dân”, ... “lao động chân tay”, “lao động trí óc”, “công nhân”, “nông dân tập thể”, “người chủ tập thể”...

Cách tiếp cận cơ bản nhất của HỒ Chí Minh là thống nhất lập trường giai cấp vô sản với lập trường dân tộc trong xem xét con người cụ thể, lịch sử.

b. Con người là vốn quý nhất

- Thương yêu con người, thương yêu nhân dân vô hạn, sâu sắc.

HỒ Chí Minh từng khái quát triết lý về cuộc sống và khẳng định: “Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ bị áp bức”². “Lòng thương yêu của tôi đối với nhân dân và nhân loại không bao giờ thay đổi”³ Và suốt cuộc đời, Người sống theo triết lý ấy.

Tình thương yêu con người theo tư tưởng HỒ Chí Minh không chung chung, trừu tượng mà trước hết giành cho những người lao động, những người nghèo khổ chịu nhiều thiệt thòi nhất trong cuộc sống; những người nô lệ mất nước và những người cùng khổ không phân biệt dân tộc, chủng tộc; những phụ nữ Pháp và Mỹ có chồng con bị đưa sang Việt Nam làm bia đỡ đạn, và cho chính cả những người lính

¹ HCM, Toàn tập, T.5, tr.644

² HỒ Chí Minh: Nhà nước và Pháp luật Việt Nam, Nxb.Pháp lý, H.1990, tr.174

³ Nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh, tập 1, Viện HỒ Chí Minh xuất bản, H.1993, tr.47

bị đưa đi chết uổng trong các cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, thực dân. Người từng viết: “Than ôi, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người”¹, “Tôi vô cùng công phẫn trước những tổn thất và tàn phá do quân Mỹ gây ra cho nhân dân và đất nước chúng tôi, tôi cũng rất xúc động thấy ngày càng có nhiều thanh niên Mỹ chết vô ích ở Việt Nam”² và “Những dòng máu đỏ chúng tôi đều quý như nhau”³.

- Trân trọng sinh mệnh con người.

Yêu hoà bình, làm tất cả những gì có thể làm được để tránh chiến tranh. Song, nếu không thể khác, phải chấp nhận chiến tranh để có hoà bình thực sự trong độc lập dân tộc, tự do cho con người.

Hết sức thận trọng đối với vấn đề khởi nghĩa: chuẩn bị kỹ càng mọi mặt, chớp thời cơ để hạn chế mức thấp nhất sự hy sinh và chắc chắn thắng lợi.

Hết sức chủ động, tích cực chuẩn bị cho sự phát triển của cách mạng, chủ động thúc đẩy tình thế cách mạng và thời cơ cách mạng.

Tranh thủ khả năng hoà bình để tổn thất ít xương máu nhất cho đồng bào và cho cả binh lính các nước xâm lược.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã sử dụng sức mạnh chính trị của nhân dân là chính. Trong lịch sử thế giới, đây là một cuộc cách mạng giành được thắng lợi mà hầu như không có đổ máu.

- Niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh, phẩm giá, khả năng vươn lên chân, thiện, mỹ của con người

Hồ Chí Minh tin tưởng sâu sắc vào bản chất tốt đẹp của con người. Tin rằng ở mỗi con người đều có ít nhiều phần tốt đẹp trong mình, “nhân vô thập toàn”. Hồ Chí Minh tin nhân dân lao động có đầy đủ khả năng cứu nước, tự cứu mình; tin họ có đầy đủ khả năng xây dựng một xã hội mới tốt đẹp, văn minh, tiến bộ. Vấn đề là phải biết khơi dậy, nâng niu, bồi dưỡng, tổ chức. Người nói: Con người là vốn quý nhất! Con người được giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo đúng đắn sẽ tạo ra tất cả.

Cơ sở khoa học để Hồ Chí Minh đặt niềm tin vào đồng bào mình:

* Truyền thống lịch sử của dân tộc và của con người Việt Nam, sức mạnh của lòng yêu nước nồng nàn - sức mạnh dân tộc.

¹ Sdd, H.2000, T.4, tr.457

² Sdd, H.2000, T.12, tr.488

³ Sdd, H.2000, T.5, tr.19

* Vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam - sức mạnh giai cấp.

Hai sức mạnh đó khi được gắn bó, thống nhất lại sẽ trở thành sức mạnh vô địch.

Bên cạnh việc nhận thức sâu sắc, đầy đủ sức mạnh của nhân dân, Hồ Chí Minh chú ý đến những hạn chế của mỗi giai cấp, tầng lớp xã hội, Người chủ trương phải tuyên truyền, giáo dục sâu rộng, thường xuyên, giúp cho con người phát huy bản chất tốt đẹp, khắc phục khuyết điểm, nhược điểm, không ngừng hoàn thiện đủ sức hoàn thành các nhiệm vụ mà cách mạng đòi hỏi.

- Tôn trọng nhân cách con người, kính trọng nhân dân

Ý thức và sự kính trọng nhân dân ở Hồ Chí Minh được biểu thị sâu sắc qua hoạt động hàng ngày của Người. Ở đỉnh cao nhất của quyền lực, lại có uy tín tuyệt đối, Hồ Chí Minh vẫn không bao giờ áp đặt ý kiến của mình buộc cấp dưới phải tuân theo. Người chân thành lắng nghe ý kiến của nhân dân, của cán bộ, chắt lọc từ các ý kiến ấy những điểm đúng, Người nghiêm túc trả lời những thư mà Người nhận được, Người rất trân trọng thành tích chiến đấu và lao động của nhân dân, dù là những “việc tốt” nhỏ nhất của những người bình thường nhất. Người tin tưởng tuyệt đối vào trí tuệ nhân dân. Người khẳng định: “Dân rất thông minh. Quần chúng kinh nghiệm, sáng kiến rất nhiều. Chỉ cần mình có biết học hay biết lợi dụng mà thôi”¹. Người tin rằng lực lượng và trí tuệ của nhân dân là vô cùng tận, dù việc khó khăn đến đâu nhân dân cũng có thể lo liệu được. Khéo tổ chức, khéo lãnh đạo thì lực lượng ấy có thể xoay trời chuyển đất. Lòng kính trọng nhân dân của Hồ Chí Minh còn được biểu thị ở việc đòi hỏi đảng viên, cán bộ phải thành khẩn tự phê bình trước nhân dân và khuyến khích nhân dân phê bình mình.... Nhìn tổng quát, lòng kính trọng ấy biểu hiện sự tin tưởng nhân dân, tin ở sự vĩ đại của nhân dân.

Hồ Chí Minh coi việc giữ lời hứa với nhân dân là một trong những biểu hiện của thái độ kính trọng nhân dân. Không giữ lời hứa là tự làm xói mòn lòng tin yêu của nhân dân đối với bản thân cán bộ, đối với Đảng, Nhà nước. Bệnh hình thức chủ nghĩa, làm qua loa chiếu lệ là một trong những biểu hiện của việc không giữ lời hứa, coi thường nhân dân mà hậu quả của nó không gì khác hơn là làm mất lòng tin của nhân dân.

¹ Sdd, H.1996, T.7, tr.62

Yêu cầu kính trọng nhân dân theo tư tưởng HỒ Chí Minh là mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước phải xuất phát từ nhu cầu, lợi ích của quần chúng. Vì vậy, khi xây dựng chủ trương, chính sách phải trên cơ sở “tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng”¹.

+ Sự khoan dung rộng lớn của HỒ Chí Minh đối với con người.

HỒ Chí Minh nhìn con người trong tính đa dạng của nó: đa dạng trong quan hệ xã hội (quan hệ dân tộc, giai cấp, tầng lớp, đồng chí, đồng bào, gia đình, nhà trường...), đa dạng trong tính cách, khát vọng, đa dạng trong phẩm chất và khả năng... Thông qua lòng khoan dung văn hóa mà thức tỉnh con người, đem lại cho con người sự nảy nở nhu cầu ngày càng tốt đẹp, quyết tâm từ bỏ cái xấu, vượt lên những hạn chế, yếu kém của mình, bồi dưỡng nhân tính, hoàn thiện nhân cách, thúc đẩy sự hướng thiện, tạo ra đời sống tinh thần phong phú cho cộng đồng, sự hài hòa cá nhân và xã hội... Đó là cách thức đem Tình Người tác động tới con người.

Giải quyết mối quan hệ đa dạng của con người, theo tư tưởng HỒ Chí Minh, trước hết phải xuất phát từ mục tiêu thực tế và tiến bộ xã hội, xuất phát từ tình thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau giữa con người với con người.

- Ý chí đấu tranh giải phóng con người, đem lại tự do, hạnh phúc cho con người.

HỒ Chí Minh dành cả cuộc đời đấu tranh bảo vệ phẩm giá con người, đấu tranh cho tự do và hạnh phúc của nhân dân bất chấp mọi gian khổ, nguy hiểm. Lễ sống của Người: Lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ.

Người chăm lo cho dân tộc, cho tất cả quần chúng nhân dân với tất cả tâm hồn, sức lực, trí tuệ. Điều này biểu hiện trong suốt quá trình tìm đường cứu nước, tuyên truyền, giáo dục, rèn luyện, tổ chức nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc, khắc phục nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng đời sống ấm no, văn minh, hạnh phúc.

Suốt đời HỒ Chí Minh đấu tranh bảo vệ **phẩm giá** con người (quyền sống, quyền bình đẳng, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc), cho nhân dân có cuộc sống xứng đáng cuộc sống của con người cả về vật chất, và đặc biệt cả về đời sống tinh thần.

b. Con người vừa là mục tiêu giải phóng, vừa là động lực của cách mạng.

¹ Sdd, H.1995, T.5, tr.306

Với HỒ Chí Minh con người là mục tiêu của cách mạng. Mục tiêu đó là: *con người phải được sống tự do, hạnh phúc và được phát triển toàn diện*. Để thực hiện được mục tiêu, con người là động lực quan trọng nhất. Con người chỉ là động lực khi động lực ấy gắn liền với mục tiêu, góp phần thực hiện mục tiêu.

HỒ Chí Minh khẳng định sự nghiệp cách mạng chỉ có thể thắng lợi nếu phát huy được sức mạnh của nhân dân; và thắng lợi ấy chỉ bền vững khi sức dân được phục vụ cho lợi ích chân chính của nhân dân. Lịch sử là do quần chúng nhân dân sáng tạo ra; có dân là có tất cả

Sử dụng sức mạnh của nhân dân vì lợi ích của nhân dân theo tư tưởng HỒ Chí Minh không chỉ đem lại những lợi ích chính trị, kinh tế cho nhân dân, mà còn đem lại cuộc sống tinh thần phong phú lành mạnh. Quần chúng nhân dân không chỉ đơn thuần là đối tượng giải phóng, mục đích giải phóng mà họ còn phải đồng thời là chủ thể giải phóng. Họ cần được tôi luyện, thử thách và trưởng thành trong cuộc đấu tranh vì quyền lợi của chính mình. Nhờ đó, họ “tự sinh ra mình”. Sử dụng sức mạnh của nhân dân vì lợi ích của nhân dân là biểu hiện tập trung của tư tưởng: “Tất cả vì con người, do con người”, “con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng”

Theo tư tưởng HỒ Chí Minh, khi coi con người là mục tiêu của cách mạng, thì mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân, phục vụ lợi ích của nhân dân

c. “*Trồng người*” là chiến lược hàng đầu của cách mạng

Cổ nhân đã dạy “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người” và HỒ Chí Minh cũng dùng mệnh đề đó để nói về vai trò quan trọng của yếu tố con người trong xây dựng, phát triển xã hội. HỒ Chí Minh luôn trăn trở về sự nghiệp “trồng người”. Người đòi hỏi “tự do học tập” và “thực hành giáo dục cho toàn dân”, đặc biệt đối với thế hệ trẻ.

+ Nội dung giáo dục phù hợp với định hướng chính trị, văn hoá của dân tộc.

HỒ Chí Minh quan niệm về sự hình thành tính cách con người: “Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn; Phần nhiều do giáo dục mà nên”¹ và “Óc những người tuổi trẻ trong sáng như một tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ. Vì vậy sự học tập ở trong trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên”.

¹ Sdd, H.2000, T.3, tr.383

Mục tiêu giáo dục theo tư tưởng Hồ Chí Minh là thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Xã hội đó phải do chính sức lao động của nhân dân xây dựng nên.

Hồ Chí Minh quan niệm dốt nát cũng là kẻ địch, “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”¹, vì vậy, nhiệm vụ cơ bản vừa mang tính cấp bách, lâu dài là: xoá nạn mù chữ, nâng cao trình độ học vấn, trình độ khoa học, kỹ thuật cho toàn dân.

+ coi trọng đào tạo cả tài năng và đạo đức trong mỗi con người.

Hồ Chí Minh đòi hỏi ai nấy phải tinh thông nghiệp vụ, rất mực coi trọng, trân trọng tài năng. Người đã quy tụ được những trí thức thuộc cỡ lớn nhất của dân tộc, trong đó có những bậc thầy đã dứt bỏ địa vị và cuộc sống cao sang ở bên ngoài để về nước tham gia kháng chiến, kiến quốc.

Trong việc “trồng người”, Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc kết hợp giáo dục đạo đức và tri thức cho học sinh, trong đó đạo đức là cái gốc cho sự phát triển nhân cách của con người và xã hội. Trong giáo dục cần bắt đầu từ xây dựng nền tảng đạo đức. Hồ Chí Minh yêu cầu tất cả mọi người không trù một ai, không trù một cấp nào đều phải thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng. Đối với thế hệ trẻ, trong quá trình giáo dục phải bồi dưỡng cho họ tình yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, yêu bạn bè, anh em ruột thịt, đồng chí, yêu thầy cô giáo, hình thành lối sống thật thà, khiêm tốn, trung thực, giản dị, xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, quan hệ giữa người với người theo lối sống “Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”. Người cho rằng không có cuộc cách mạng nào có thể thắng lợi nếu nó không chuẩn bị, đào tạo được một lớp chiến sĩ tiên phong, có đầy đủ cả đạo đức và tài năng, dẫn dắt quần chúng thay chế độ cũ, xây dựng xã hội mới. Người nói: “giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản... thì còn làm nổi việc gì”².

Con người là chủ thể sáng tạo ra mọi giá trị văn hóa vật chất và tinh thần nhưng đồng thời con người cũng là sản phẩm của hoàn cảnh. Muốn hình thành bản chất con người phải có một quá trình lâu dài thông qua giáo dục - đào tạo, thông qua hoạt động thực tiễn. Vì vậy, “Muốn có chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”, những con người của xã hội văn minh, giàu tính nhân đạo, nhân văn.

Hồ Chí Minh đòi hỏi chăm lo bồi dưỡng, phát triển toàn diện con người: sự thống nhất Trí, Nhân, Dũng. Đồng thời đòi hỏi sự phấn đấu vươn lên của mỗi

¹ Sdd, H.2000, T.4, tr.8

² Sdd, H.2000, T.5, tr.253

người, phải trở thành chủ thể của quá trình xây dựng môi trường xã hội tốt đẹp, dám tự lựa chọn, tự quyết định, tự biểu hiện, tự đánh giá, tự phê phán... khẳng định chính mình, tự chịu trách nhiệm về bản thân.

HỒ Chí Minh không bàn về chủ nghĩa nhân văn nhưng tư tưởng và cuộc đời Người sâu đậm bản chất nhân văn. HỒ Chí Minh tiếp thu tư tưởng nhân văn cộng sản: giải quyết vấn đề tự do, hạnh phúc của con người, sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi cá nhân và tất cả các cá nhân. Trên cơ sở đó, Người đã đưa ra câu trả lời cần phải làm gì và làm như thế nào cho nhân dân Việt Nam đi tới tự do, hạnh phúc.

Vấn đề giải phóng người lao động Việt Nam khỏi áp bức bất công là biểu hiện tập trung nhất, sinh động nhất, sâu sắc nhất tư tưởng nhân văn HỒ Chí Minh.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Những quan điểm chung của HỒ Chí Minh về văn hoá.

1.1. Định nghĩa văn hóa

- Trong mục đọc sách ở phần cuối tập *Nhật ký trong tù* (1942-1943), lần đầu tiên HỒ Chí Minh nêu ra một định nghĩa về văn hóa:

“Vì lẽ sinh tồn cũng như vì mục đích cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹

Như vậy, văn hóa được HỒ Chí Minh hiểu theo nghĩa rộng nhất. Đó là toàn bộ hoạt động sáng tạo tinh thần cũng như sinh hoạt vật chất của xã hội, mang dấu ấn sâu sắc của trình độ văn minh, bản sắc của dân tộc. Đó là mục đích cuộc sống của loài người

- Ngoài ra, sau Cách mạng Tháng Tám, HỒ Chí Minh còn đề cập văn hóa theo nghĩa hẹp. Văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, là thuộc về kiến trúc thượng tầng của xã hội.

1.2. Vị trí, vai trò của văn hoá trong xã hội

¹ HỒ Chí Minh. Toàn tập, tập 3. Nxb CTQG, H, 1995, tr.431

- Văn hóa là một trong bốn vấn đề chủ yếu của đời sống xã hội (chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội), cùng phải coi là quan trọng ngang nhau, chúng có quan hệ mật thiết và cùng tác động lẫn nhau.

+ Chính trị, xã hội có được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng. Chính trị giải phóng mở đường cho văn hóa phát triển.

Theo Hồ Chí Minh, dân tộc còn bị nô lệ thì văn hóa cũng cùng chung số phận nô lệ, tuyệt đại bộ phận nhân dân bị đẩy đọa trong vòng tối tăm, dốt nát. Để giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc giành chính quyền. Người viết: "...Xưa kia chính trị bị đàn áp, nền văn hóa của ta vì thế không nảy sinh được"; "Xã hội thế nào, văn hóa thế ấy. Văn nghệ của dân tộc ta vốn rất phong phú, nhưng dưới chế độ thực dân và phong kiến nhân dân ta bị nô lệ, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tồi tàn, không thể phát triển được".

+ Xây dựng kinh tế để tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển văn hóa.

"Văn hóa là kiến trúc thượng tầng; nhưng cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi văn hoá mới kiến thiết được và đủ điều kiện phát triển được". Như vậy kinh tế là nền tảng của việc xây dựng văn hóa, kinh tế có phát triển mới tạo tiền đề cho văn hoá phát triển. Tất nhiên không phải bao giờ, ở đâu cũng là sự phát triển tỷ lệ thuận, song, kinh tế không phát triển thì không thể nói văn hoá phát triển.

"Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế? Tục ngữ ta có câu: có thực mới vực được đạo; vì thế kinh tế phải đi trước....Phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta".

+ Văn hóa không thể đứng ngoài, mà phải ở trong, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế, tác động tích cực trở lại đối với kinh tế và chính trị.

Người khẳng định rõ: "Trình độ văn hóa của nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ ... cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh".

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người chỉ rõ: Văn hóa không đứng ngoài mà ở trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Và cuộc kháng chiến đã trở thành cuộc kháng chiến không thể thiếu văn hóa.

Cũng phải thấy rằng văn hóa đứng ở trong chính trị và kinh tế cũng có nghĩa là chính trị và kinh tế có tính văn hóa, điều mà chủ nghĩa xã hội cũng như thời đại đang đòi hỏi. Văn hóa sẽ càng phát triển mạnh mẽ cùng với sự phát triển của kinh tế và chính trị.

1.2. Chức năng của văn hóa:

Một là, *bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp.*

Tư tưởng và tình cảm là vấn đề chủ yếu nhất của đời sống tinh thần của con người. Tư tưởng có thể đúng đắn hoặc sai lầm, tình cảm có thể thấp hèn hoặc cao đẹp. Theo HỒ Chí Minh văn hoá có chức năng: bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp, loại bỏ những sai lầm và thấp hèn có thể có trong tư tưởng, tình cảm của mỗi người. Việc bồi dưỡng phải được tiến hành thường xuyên vì tư tưởng, tình cảm của con người luôn chuyển biến theo thực tiễn xã hội.

+ Tư tưởng: độc lập, tự chủ. "Không có gì quý hơn độc lập, tự do!"; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

+ Tình cảm: yêu nước, thương dân, vì nước quên mình, đặt lợi ích chung trên lợi ích riêng.

Hai là, *nâng cao dân trí.*

Nâng cao sự hiểu biết về các lĩnh vực hoạt động của mỗi người (chính trị, kinh tế, nghiệp vụ chuyên môn, khoa học - kỹ thuật, lịch sử, thực tiễn Việt Nam và thế giới...) nhằm phục vụ cho mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Ba là, *bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách tốt đẹp về đạo đức, lối sống... hướng con người vươn tới chân, thiện, mỹ để không ngừng hoàn thiện bản thân.*

Từ những chức năng trên của văn hoá, HỒ Chí Minh xác định người hoạt động trong lĩnh vực văn hoá cũng là những chiến sĩ: "Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy",

1.3. Tính chất của nền văn hóa mới.

- Theo HỒ Chí Minh, việc xây dựng nền văn hóa mới được đặt ra như một trong những nhiệm vụ hàng đầu. Đó là xây dựng nền văn hóa dân chủ mới.

- Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (năm 1951), HỒ Chí Minh khẳng định phải "xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng".

Tính chất dân tộc của nền văn hóa còn được HỒ Chí Minh biểu đạt bằng những khái niệm khác như đặc tính dân tộc, cốt cách dân tộc, để nhấn mạnh hơn nữa đến cái tinh túy bên trong rất đặc trưng của văn hóa dân tộc.

Tính khoa học, tính đại chúng là phù hợp với trào lưu phát triển của tư tưởng hiện đại; Nay nước ta được độc lập, tinh thần được giải phóng, cần phải có một nền văn hóa hợp với khoa học và phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

- Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9/1960) của Đảng, vấn đề này đã được điều chỉnh lại: nền văn hóa mới là *nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc*.

Dù có những thay đổi, điều chỉnh trong cách diễn đạt thì tính chất tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của nền văn hóa mà chúng ta đang xây dựng vẫn bao hàm trong đó tính dân tộc, khoa học, tính hiện đại, tính nhân văn, tính đại chúng.

Hai tính chất tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc có quan hệ chặt chẽ với nhau. Tiên tiến là khoa học, hiện đại, là xã hội chủ nghĩa, là biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đậm đà bản sắc dân tộc là biết kế thừa, phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, phát triển những truyền thống tốt đẹp ấy cho phù hợp với những điều kiện lịch sử mới của đất nước.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hoá.

2.1. Văn hoá giáo dục.

Khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã giành nhiều công sức phân tích, phê phán sâu sắc nền giáo dục phong kiến, thực dân. Từ đó chuẩn bị cho việc xây dựng nền giáo dục của nước Việt Nam độc lập sau này.

- Phê phán nền giáo dục phản khoa học, phản giáo dục dưới chế độ thực dân nửa phong kiến.

- Xây dựng nền giáo dục mới:

+ Mục tiêu: thực hiện cả 3 chức năng của văn hoá bằng giáo dục

+ Xây dựng hệ thống trường lớp với chương trình, nội dung thật khoa học, phù hợp với những bước phát triển của đất nước.

+ Phương thức: học ở mọi nơi, mọi lúc; học mọi người; học suốt đời; coi trọng việc tự học, tự đào tạo và đào tạo lại.

+ Bảo đảm tính đảng trong nội dung giáo dục.

2.2. Văn hoá nghệ thuật.

Văn hoá nghệ thuật là biểu hiện tập trung nhất của nền văn hoá, là đỉnh cao của đời sống tinh thần, là hình ảnh của tâm hồn dân tộc. Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng văn nghệ.

- Văn nghệ là mặt trận, nghệ sỹ là chiến sỹ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng, trong xây dựng con người mới, xã hội mới.

- Văn nghệ phải gắn với thực tiễn đời sống nhân dân, chiến sĩ văn nghệ phải “thật hoà mình với quần chúng”.

- Phải có những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại mới, xứng đáng với đất nước và dân tộc. Tác phẩm phải có nội dung chân thật và phong phú, hình thức trong sáng và vui tươi, có tác dụng bổ ích đối với quần chúng, với sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

2.3. Văn hoá đời sống.

Đời sống mới bao gồm cả đạo đức mới, lối sống mới và nếp sống mới (Tác phẩm *Đời sống mới*, 1947).

- Đạo đức mới: Cần, kiệm, liêm, chính.

- Lối sống mới (phong cách sống): cách ăn, mặc, ở, đi lại, sinh hoạt, ứng xử, cách làm việc.

+ Lối sống có lý tưởng, có đạo đức.

+ Lối sống văn minh, tiên tiến, kết hợp hài hoà truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại.

- Nếp sống mới: thuần phong mỹ tục.

+ Kế thừa, phát triển những thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Cải tạo những phong tục tập quán cũ lạc hậu.

+ Bổ sung những cái mới tiến bộ mà trước chưa có.

* Biện pháp: kiên trì, cẩn thận, khôn khéo, mềm mỏng tuyên truyền giáo dục, làm gương. Bắt đầu từ từng người cho đến gia đình, tập thể, phố phường, vùng miền, xã hội.

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN, VĂN HOÁ HỒ CHÍ MINH VÀO VIỆC XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY.

1. Thực trạng con người Việt Nam hiện nay.

Trong thực tế đời sống xã hội ở nước ta hiện nay bên cạnh những người lao động chân chính còn có bộ phận tham nhũng, làm ăn phi pháp làm giảm sút lòng tin của quần chúng nhân dân vào Đảng, Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến các giá trị cao đẹp của chế độ xã hội của chúng ta.

2. Xây dựng con người Việt Nam mới dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, nhân văn, văn hoá.

Các mục tiêu cần tiếp tục phấn đấu thực hiện:

- “Nhân dân có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, có mức hưởng thụ văn hoá khá. Quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh, gia đình hạnh phúc”¹ (Đại hội VIII)

- Đại hội IX xác định Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010, nêu mục tiêu phấn đấu về con người như sau: “Nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân...”.² Cụ thể:

* *Xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống:*

- Thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

- Giữ gìn đạo đức, nhân phẩm, lương tâm, danh dự.

- Xây dựng nếp sống giản dị, lành mạnh.

* *Về nhân văn:* Bồi dưỡng tình cảm yêu thương, quý trọng con người, tinh thần nhân ái, khoan dung Hồ Chí Minh.

* *Về văn hoá:*

- Có thói quen tự học, vươn lên chiếm lĩnh những tri thức của thời đại về văn hoá, khoa học, công nghệ... Giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập với thế giới.

- Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, xây dựng nền văn hóa với hai tính chất tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc sẽ làm cho văn hóa Việt Nam trở thành một nền văn hóa ngang tầm thời đại, phục vụ tích cực cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đồng thời đóng góp làm phong phú thêm kho tàng văn hóa của nhân loại. Đó cũng chính là thực hiện quan điểm của Hồ Chí Minh về sự phát triển biện chứng của văn hóa, cũng như quan điểm kế thừa và phát triển trong văn hóa.

Tư tưởng đạo đức, nhân văn, văn hoá của Hồ Chí Minh, con người Hồ Chí Minh là tiêu thức phấn đấu trong xây dựng con người Việt Nam, xã hội Việt Nam hôm nay và mai sau.

Nội dung ôn tập:

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb.CTQG, H.1996, tr.81

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb.CTQG, H.2001, tr.159

1. Phân tích những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam trong thời đại mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh?
2. Phân tích những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng tư tưởng ấy vào xây dựng con người Việt Nam mới trong giai đoạn hiện nay?
3. Phân tích nội dung tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh?
4. Phân tích tính chất, chức năng của nền văn hóa mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh?
5. Trình bày các yêu cầu xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

BÀI 8

MẤY VẤN ĐỀ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

(04: 02 - 02)

Giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh đã được cách mạng Việt Nam kiểm nghiệm và khẳng định.

Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa trong đấu tranh giải phóng dân tộc, trong công cuộc đổi mới mà còn có giá trị bền vững, lâu dài đối với sự phát triển của đất nước trong tương lai.

I. HỌC TẬP, VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH MỚI, ĐIỀU KIỆN MỚI PHẢI THEO TẤM GƯƠNG SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH.

1. Bối cảnh mới, điều kiện mới

1.1. Đặc điểm của tình hình thế giới hiện nay:

* Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, đã có bước phát triển nhảy vọt, dẫn tới những thay đổi to lớn:

- Nhân loại đang bước vào nền văn minh trí tuệ mà hai đặc trưng cơ bản là xã hội thông tin và kinh tế tri thức.

- Cách mạng khoa học và công nghệ đang tạo cơ sở vật chất cho quá trình toàn cầu hoá, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm thay đổi nhiều quan niệm cũ về nhiều lĩnh vực trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Toàn cầu hoá là một xu thế khách quan, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia chi phối.

- Trong cuộc cạnh tranh để phát triển, xu hướng liên kết, hợp tác đang diễn ra mạnh mẽ với nhiều cấp độ trên nhiều lĩnh vực giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau.

* Cục diện chính trị thế giới có sự thay đổi căn bản.

- Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu làm thay đổi căn bản cục diện chính trị thế giới.

- Các quốc gia đang phát triển đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình, chống lại sự can thiệp, áp đặt và xâm lược từ bên ngoài.

- Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang tiếp tục tự điều chỉnh, còn có khả năng phát triển nhất định do nắm và tận dụng được các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, song vẫn không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn cơ bản vốn có.

Như vậy, các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới, biểu hiện dưới những hình thái và mức độ khác nhau, vẫn tồn tại, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, lúc hoà hoãn, lúc gay gắt. Lịch sử thế giới đã, đang và sẽ còn trải qua những bước quanh co, song loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử.

* Chiến tranh lạnh đã kết thúc nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố quốc tế vẫn đang còn diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, tính chất phức tạp ngày càng tăng. Cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hoà bình và phát triển, vì độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, vì tiến bộ và công bằng xã hội vẫn tiếp tục phát triển.

1.2. Tình hình Việt Nam sau hơn 15 năm đổi mới.

- Đường lối đổi mới của Đảng ta: phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại: “sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”¹.

- Đánh giá tổng quát: Những thành tựu to lớn và quan trọng... làm cho thế và lực của nước ta lớn mạnh lên rất nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường... Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hoà bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực - nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường - phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đó là cơ hội lớn.

Đồng thời, đất nước ta phải đối mặt với nhiều thách thức. Bốn nguy cơ (chệch hướng xã hội chủ nghĩa; tụt hậu xa hơn về kinh tế; quan liêu, tham nhũng; diễn biến hoà bình) đến nay vẫn còn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 119

phần không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân; Việt Nam vẫn là nước kinh tế kém phát triển, mức sống nhân dân còn thấp, trong khi đó cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, nếu chúng ta không nhanh chóng vươn lên thì sẽ càng tụt hậu xa hơn về kinh tế.

Vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chúng ta là nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tiếp tục vươn lên mạnh mẽ, vững vàng trước biến động quốc tế.

Tóm lại, chúng ta đứng trước một tình hình có thuận lợi và có khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Trong điều kiện đó, chúng ta phải vận dụng tư tưởng và phương pháp Hồ Chí Minh để “đi bất biến, ứng vạn biến”, nắm lấy vận hội, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức.

2. Mấy quan điểm cơ bản có ý nghĩa phương pháp luận

- Quan điểm lý luận gắn với thực tiễn

+ Nắm vững lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội (nắm cái chung, toàn cục).

+ Vận dụng lý luận và thực tiễn chung ấy vào điều kiện cụ thể của đất nước.

+ Làm rõ quy luật, tiếp tục khái quát lý luận và phát hiện quy luật đặc thù, trên cơ sở đó định ra đường lối, phương châm, bước đi cụ thể, thích hợp với điều kiện Việt Nam và bối cảnh quốc tế.

- Quan điểm lịch sử - cụ thể:

Nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh không phải ở câu chữ mà ở tinh thần cơ bản, ở nội dung cốt lõi, đích thực được thể hiện nhất quán trong tư tưởng và cuộc đời của Người.

+ Nhận thức hay vận dụng câu nói của HỒ Chí Minh phải *đặt trong bối cảnh cụ thể*: nói với ai, nhằm mục đích gì, do hoàn cảnh nào mà nói như vậy để hiểu được ý nghĩa đích thực của nó, không suy diễn làm sai lệch quan điểm, tư tưởng của Người.

+ Tư tưởng HỒ Chí Minh là sản phẩm của một thời kỳ lịch sử cụ thể, nên cũng chịu sự chế ước của điều kiện lịch sử cụ thể.

- Quan điểm toàn diện và hệ thống:

+ Toàn diện: Yêu cầu xem xét mọi mặt đời sống xã hội; quá khứ - hiện tại - tương lai; truyền thống và hiện đại; dân tộc và quốc tế; cá nhân, tập thể, cộng đồng; thời, thế, lực; thiên thời, địa lợi, nhân hoà; nhận thức, tư tưởng, tình cảm; đức và tài; lý luận và thực tiễn; nói và làm...

+ Hệ thống, nhất quán: đặt các yếu tố trong hệ thống, các tư tưởng cụ thể đều xuất phát và phục vụ cho mục tiêu, hạt nhân cốt lõi: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Quan điểm kế thừa và phát triển:

+ Kế thừa và phát triển những nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận và phương pháp HỒ Chí Minh trong điều kiện mới của đất nước, trong bối cảnh thời đại hiện nay.

Yêu cầu của quan điểm kế thừa và phát triển là phải trung thành với mục tiêu, lý tưởng của HỒ Chí Minh; trung thành với logic phát triển tư tưởng của Người.

Như vậy, trung thành với tư tưởng HỒ Chí Minh là kiên trì con đường và mục tiêu Người đã chỉ dẫn, là vận dụng tinh thần và phương pháp HỒ Chí Minh để phát hiện ra những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, tìm ra những luận điểm mới, cách làm mới phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện mới. Đó chính là kế thừa trung thành và phát triển sáng tạo tư tưởng HỒ Chí Minh.

II. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NỘI DUNG VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

1. Phương hướng: Nắm vững quan điểm thực tiễn, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm giải quyết đúng đắn những vấn đề do cách mạng nước ta đặt ra.

2. Một số nội dung có ý nghĩa cấp bách ở thời điểm hiện nay:

*** Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn liền với lý tưởng xã hội chủ nghĩa.**

- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Ra sức phát triển chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc (quy mô và chất lượng); bồi dưỡng cho thế hệ trẻ lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

*** Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh: đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; mọi chủ trương, chính sách phải hướng vào dân, dựa vào dân.**

- Đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân.

- Chăm lo phát triển nguồn lực con người.

- Mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ, bồi dưỡng ý thức làm chủ của người dân.

*** Củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, đưa chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh lên một tầm cao và một chiều sâu mới.**

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc anh em trong đại gia đình Việt Nam.

- Giải quyết mềm dẻo, khoa học vấn đề tôn giáo.

*** Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước.**

Về Đảng:

- Đấu tranh loại trừ các phần tử cơ hội ra khỏi Đảng, khôi phục vị trí công tác, khôi phục vị trí lãnh đạo.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

- Hoàn thiện cơ chế bầu cử: công khai, dân chủ.

- Bảo đảm quyền được thông tin của đảng viên.

- Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện.

Về Nhà nước:

- Tiếp tục cải cách và hoàn thiện bộ máy nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Thực hiện chức năng công quyền: quản lý chủ yếu bằng hoạch định chính sách, xây dựng thể chế pháp luật, kiểm tra giám sát việc thực hiện pháp luật.

- Cán bộ viên chức nhà nước phải đáp ứng cả về đạo đức và tài năng; phải qua thi tuyển, thi chuyển ngạch nghiêm túc.

- Rèn luyện đạo đức cách mạng, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm, ứng xử theo gương sáng đạo đức, văn hoá Hồ Chí Minh./.

Nội dung ôn tập:

1. Phân tích tính toàn diện, hệ thống của tư tưởng Hồ Chí Minh?

2. Phân tích những quan điểm cơ bản có ý nghĩa phương pháp luận trong nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh?

3. Trình bày phương hướng và nội dung vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới hiện nay ở nước ta?

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. HỒ Chí Minh (1995-1996), *Toàn tập*, 12 tập, Nxb CTQG, Hà Nội.
2. HỒ Chí Minh (1993 –1996), *Biên niên tiểu sử*, Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội..
4. Võ Nguyên Giáp (chủ biên, 1997)), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội.
5. Phạm Văn Đông (1998), *Nhận thức cơ bản về tư tưởng HỒ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
6. Trần Văn Giàu - Trần Bạch Đằng (1990), *Vĩ đại một con người*, Nxb Long An.
7. Trần Văn Giàu (1997), *Sự hình thành về cơ bản tư tưởng HỒ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
8. Trần Văn Giàu (1997), *Thành công của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HỒ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
9. *Nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh* (1993), tập 1, 2, 3, Viện HỒ Chí Minh xuất bản, Hà Nội.
10. Đặng Xuân Kỳ (1997), *Phương pháp và phong cách HỒ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
11. Đinh Xuân Lâm - Lê Mậu Hãn (1994), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng độc lập dân tộc của HỒ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
12. Phùng Hữu Phú (Chủ biên, 1997), *Chiến lược đại đoàn kết HỒ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
13. Trần Đình Huỳnh (chủ biên, 1993), *Tìm hiểu tư tưởng HỒ Chí Minh về xây dựng Đảng*, Nxb CTQG, Hà Nội.
14. Song Thành (1997), *Một số vấn đề về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về HỒ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
15. Lê Sỹ Thắng (1996), *Tư tưởng HỒ Chí Minh về con người và chính sách xã hội*, Nxb CTQG, Hà Nội.
16. Thành Duy (chủ biên, 1996), *Tư tưởng HỒ Chí Minh về đạo đức*, Nxb CTQG, Hà Nội.

17. Chương trình nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh (1993), *Tư tưởng đạo đức HỒ Chí Minh. Truyền thống dân tộc và nhân loại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
18. Đỗ Huy (1997), *Tư tưởng văn hoá HỒ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
19. Đại học Quốc gia Hà Nội (1998), *Tư tưởng HỒ Chí Minh về xây dựng văn hoá Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
20. Phan Ngọc Liên (1995), *Tìm hiểu tư tưởng HỒ Chí Minh về một số vấn đề quốc tế*, Nxb CTQG, Hà Nội.
21. Trần Văn Trà (1994), *Tư tưởng quân sự HỒ Chí Minh*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
22. Trịnh Nhu - Vũ Dương Ninh (1996), *Về con đường giải phóng dân tộc của HỒ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
23. Lê Hữu Nghĩa (chủ biên, 2000), *Tư tưởng triết học HỒ Chí Minh*, Nxb Lao động, Hà Nội.
24. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1990), *HỒ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
25. Bộ Tư pháp (1993), *Nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật*, Viện KHPL, Hà Nội.
26. Nguyễn Đình Lộc (1998), *Tư tưởng HỒ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân*, Nxb CTQG, Hà Nội.
27. Mạch Quang Thắng (1995), *Một số chuyên đề về môn học HỒ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
28. Đinh Xuân Lý (Chủ biên, 2003), *Một số chuyên đề tư tưởng HỒ Chí Minh*, Nxb. CTQG, Hà Nội.